8°
Indoch
1435

PAGODE HƯNG-LONG
Quatrième Quartier
CHOLON (Ville)

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 17663

# PHẬT-GIÁO VẤN-ĐÁP

# 佛教問答

THIỆN - CHIẾU
BIÊN TẬP

1723

Giữ bản quyền

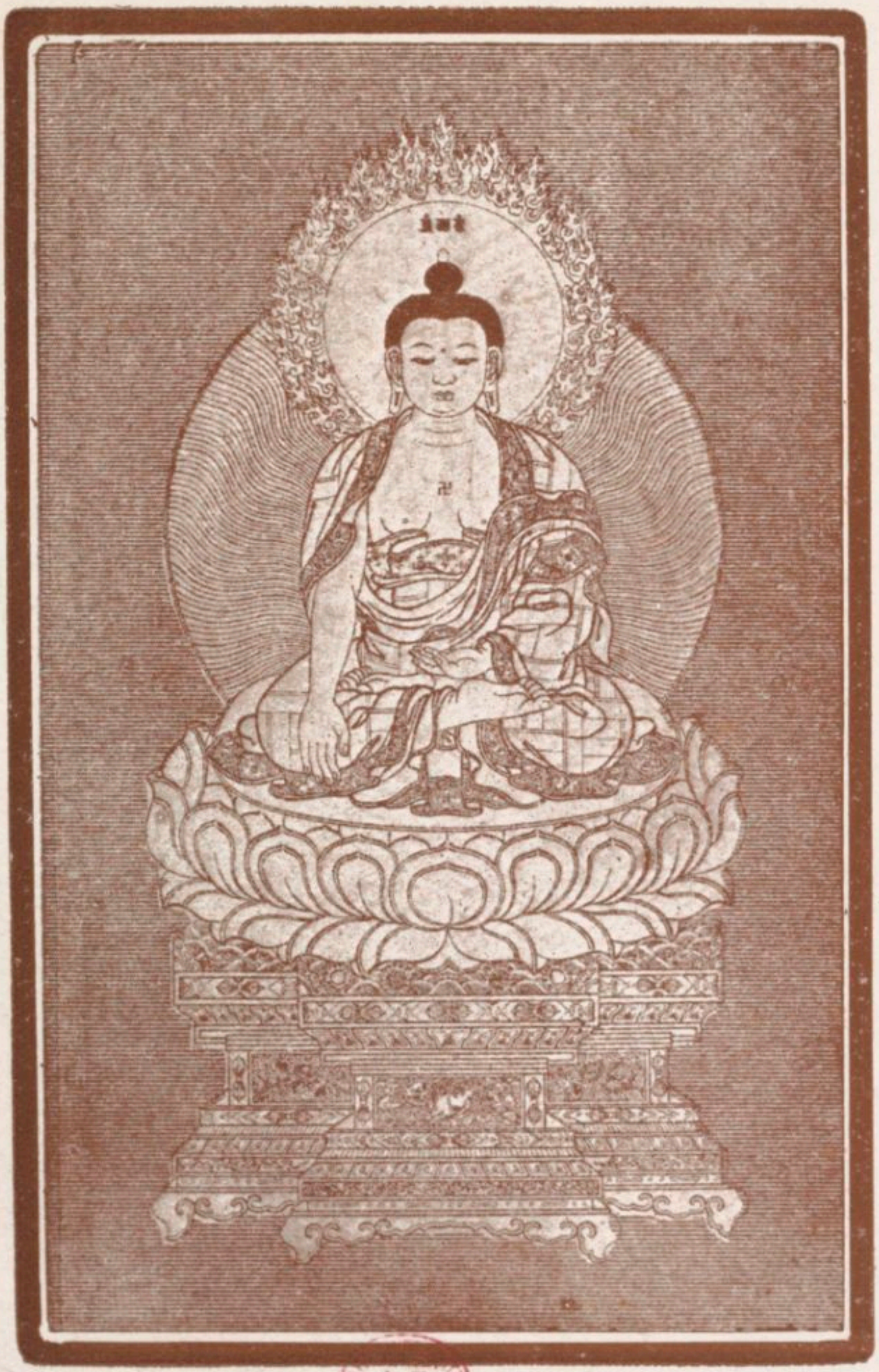

Phật Thích-Ca-Mâu-Ni

# Tựa

*Đau-đớn thay! Lạ-lùng thay! Muốn bênh-vực rằng Phật-giáo không phải là một đạo mê-tín hoang-đường, thì sờ-sờ ra đó biết bao nhiêu là việc huyền-hoặc dị-đoan! Muốn bàu-chữa cho Phật-giáo không phải là một đạo Hửu-thần, thì nhan-nhản ra đó, củng cầu xin, cũng chuột tội, có khác nào những kẻ ỹ-lại Thần-quyền! Muốn khoe Phật-giáo là một đạo* **cứu đời,** *thì hàng Phật-tử, không phải chán đời mà lên non ẩn dạng, ắt cũng ích-kỷ chỉ lo quanh-quẩn trong gia-đình, chớ không biết gì đến việc công-ích của xả-hội cả! Muốn nói Phật-giáo là một đạo* **thoát khổ,** *thì người có theo đạo, có làm đạo cũng buồn-rầu khiếp-sợ, cũng theo hoàn-cảnh mà đỗi-dời; cũng cực-khổ lầm-than, chĩ cứ trông-đợi kiếp sau, chớ không biết ra tay mà cải-tạo! Như vậy, bảo sao Phật-giáo không tiêu-diệt theo các tôn-giáo trước khi thế-giới đại-đồng cho được? Thế thì người có nhiệt-tâm với Phật-giáo — hay nói cho đúng, là người có nhiệt-tâm với nhơn-loại quần-sanh — phãi lo tìm phương bổ-cứu, duy-trì, hay chỉ khoanh tay ngồi ngó và than vắn thỡ dài mà thôi?*

DEPOT LEGAL INDOCHINE
N° 17663
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS R.F.

## — II —

*Nếu thiệt có lòng muốn bỗ-cứu, duy-trì Phật giáo là một chiếc thuyền tế-độ ở giữa biển khổ sông mê, không nở để cho tiêu-diệt theo các tôn-giáo khác, thì chẳng những Giáo-hội (hay hạng người xuất-gia) phải nghiên-cứu Phật-học, phát-dương những ý hay nghỉa lạ ra cho thích-hợp với chỗ nhu-yếu của nhơn-sanh, dẹp bỗ hết các việc mơ-hồ trái lẻ, chớ quá chấp-nê theo hủ-tục, mà tín-đồ (hay hạng người tại-gia) cũng phải làm cho tròn cái bổn-phận của một người tín-ngưỡng Phật-giáo một cách chơn-chánh, cũng phải kiểu-chánh lại những chỗ sai-lầm của Giáo-hội (vì Giáo-hội hiện-thời là một Giáo-hội hư-hèn, không có trật-tự), chớ nên vì ý riêng, vì tình cảm mà chia phe lập đảng, tin bướng theo càn. Được như vậy, thì cái yến sáng Phật-giáo mới mong chói-lọi ở cỏi Đại-đồng-thế-giới sau nầy.*

*Phải nghiên-cứu Phật-học của Tàu, của Nhựt, của Ấn-độ, Xiêm-la, Tây-tạng và các sách Phật của người Âu-Mỷ đả khảo-cứu, phiên-dịch. Nói rằng* **nghiên-cứu**, *là phải lấy phương-pháp* **thiệt-nghiệm** *của khoa-học làm căn-bổn, lấy* **sự thiệt** *trên lịch-sữ làm chứng-cứ, thì mới có thể phát-huy được nghỉa mầu trong sách Phật, và mới tránh khỏi những sự hoang-đường vô-lý của người sau thêm vào; chớ không phải cứ theo sách mà dịch càn rồi cũng xưng là* **Nghiên-Cứu Phật-Học !** *Và phải làm thế nào cho tín-đồ có sự hiểu-biết thông-*

*thường về Phật-giáo, thì người ta mới biết cái bổn-phận của người tại-gia, mới biết chỗ sai-lầm của Giáo-hội.*

*Vì vậy, cho nên quyển Phật-Giáo-Vấn-Đáp nầy ra đời: Tuy không giúp được nhiều tài-liệu để nghiên-cứu cho Giáo-hội, song cũng cống-hiến được một mớ thường-thức cho tín-đồ. Ngoài ra, có lẻ cũng giúp cho những người xưa nay không xem qua sách Phật, không đến chùa nghe giảng, có thể biết được nội-dung của Phật-giáo là thế nào nửa.*

*Bởi quyển sách nầy, lấy tài-liệu trong quyển* **Catéchisme Bouddhique** *của* **Henry S. Olcott,** *là một quyển sách (Phật-Giáo-Vấn-Đáp) có Phật-giáo-hội gồm cả hai phái Nam-tôn (hay Tiểu-thừa) và Bắc-tôn (hay Đại-thừa) đều công-nhận là đúng với chánh-truyền của Phật, và đả từng phiên-dịch, ấn-hành có đến hai mươi thứ tiếng rồi. Ngoài quyển sách ấy, cũng có lấy tài-liệu thêm trong qnyển* **Catéchisme Bouddhique** *của một nhà sư Ấn-độ là* **Soubhadra Bhikshou** *và cả tài-liệu trong sách Phật của Tàu nửa.*

*Vậy từ nầy về sau, nếu trong xả-hội còn có người chê Phật-giáo là* **mê-tín,** *là* **Thần-quyền,** *là không phải một đạo* **cứu đời, thoát khổ,** *thì, xin..... nên rộng lòng mà xá tội cho kẻ biên-tập quyển sách nầy.*

*THIỆN-CHIẾU.*

*Saigon, le 1er Avril 1932.*

# MỤC-LỤC


1°— Sự-tích Phật. . . . . 1

2°— Phật-pháp . . . . . 27

3°— Tăng-già . . . . . 78

4°— Sự truyền-bá Phật-giáo. . 87

5°— Phật-giáo với khoa-học. . 96

6°— Phần phụ-thêm . . . . . 106


# TỪ-KHẢO

(*Thích nghĩa những tiếng chữ Hán hoặc tiếng Phạn và danh-từ về Phật-học trong sách nầy*).

# PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP

## CHƯƠNG I

### Sự-tích Phật

1. **Hỏi** — *Ông là người đạo nào ?*

**Đáp.** — Đạo Phật.

2. **H.** — *Đạo Phật là đạo thế nào ?*

**Đ.** — Là một nền giáo-lý rất uyên-thâm, cao-thượng do đấng Giáo-chũ là Phật xướng lên.

3. **H.** — *Kêu là* **đạo** *hoặc* **tôn-giáo**, *có đúng với nền giáo-lý ấy không ?*

**Đ.** — Không. Vì, theo như người ta thường kêu là **đạo**, hoặc **tôn-giáo**, là hàm có cái ý-vị **phục-tùng** và **cầu-khẩn**; đạo Phật khác hẳn với các **đạo** hoặc **tôn-giáo** khác, cho nên phải kêu là **Phật-pháp** mới đúng. Phật-pháp tiếng Phạn là Bu-đa Đát-ma **(Bouddha Dharma = 佛陀達磨)**.

4. **H.** — *Thế nào mới phải là người đạo Phật ?*

**Đ.** — Không phải chỉ có kính Phật (có thờ Phật tại nhà, hoặc đi chùa lễ Phật), có tin Pháp (có tụng kinh, hoặc rước người tụng) và có trọng Tăng (có theo Giáo-hội, hoặc có qui-y với một người trong hội làm thầy mình) mà được gọi là một người có đạo Phật. Người có đạo Phật là một người ăn ở hằng ngày phải đúng theo mấy điều Phật dạy.

5. **H.** — *Người tại-gia tín-ngưỡng như chúng ta thì kêu là chi ?*

**Đ.** — Đàn ông là Thiện-nam (tiếng Phạn: **Upâsaka** = 優婆塞) ; đàn-bà là Tín-nữ (tiếng Phạn : **Upâsika** = 優婆夷).

6. **H.** — *Đạo Phật truyền-bá về hồi nào ?*

**Đ.** — Hồi nào hảy còn phân-vân, song theo sách-vở ở Tích-lan (**Ceylan**) thì vào năm 2513 đời Ca-li-Du-ga (**Kali-Yuga**), nghĩa là 589 năm trước Gia-Tô giáng-sanh.

7. **H.** — *Có thể kể qua mấy ngày quan-hệ đến lịch-sử Phật không ?*

**Đ.** — Phật giáng-sanh nhằm ngày rằm tháng năm, (mồng tám tháng tư Âm-lịch), năm 2478 đời Ca-li-Du-ga, hay là 624 năm trước Gia-Tô giáng-sanh ; xuất gia tu hành năm 2506, thành Phật năm 2513, vào Niết-Bàn năm 2558, hay là 544 năm trước Gia-tô, khi ấy Phật thọ được 80 tuổi.

8. **H.** — *Phật có phải là một vị Thiên-Chúa xuống trần cứu thế không ?*

**Đ.**— Không, trong Phật-pháp không hề nói rằng Phật là **Chúa giáng-sanh (incarnation divine).**

9. **H.**— *Vậy thì Phật là một người ?*

**Đ.**— Phải, một người như ta, song nhờ nhiều kiếp tu hành mà trở nên sáng-suốt, làm một đấng cứu-tế cho muôn loài.

10. **H.**— *Phật,— hay là Phật-đà* **(Bouddha=佛陀)**,— *có phải tên Ngài không ?*

**Đ.**— Không. Phật nghĩa là sáng-suốt, Phật là một cái tên-chung **(nom commun)** để chỉ người nào trong lòng đả được hoàn-toàn sáng suốt rồi ra khai sáng cho đời.

11. **H.**— *Vậy tên thiệt cũa Phật là gì ?*

**Đ.**— Tên Si-đát-ta **(Siddhartha=悉達多)**, họ Gô-ta-ma **(Gautama=瞿曇)**, Thái-tử nước Ca-bi-la **(Kapilavastu=迦毗羅)**.

12. **H.**— *Hoàng-phụ, hoàng-mẩu cũa Ngài là ai ?*

**Đ.**— Là vua Su-đô-đa-na **(Souddhôdana=淨飯王)**, và Ma-da phu-nhơn **(Mâyâ=摩耶夫人)**

13. **H.**— *Su-đô-đa-na là vua về dòng nào ?*

**Đ.**— Dòng Sa-ki-da **(Sakyas=釋迦)** ở Ca-bi-la.

14. **H.**— *Đất Ca-bi-la ở đâu ?*

**Đ.**— Ở Ấn-độ, trên sông Rô-hi-ni **(Rôhini)** ngày nay kêu là Cô-ha-na **(Kôhana)**, cách phía Đông-bắc Bê-na-rét **(Bénarès=波奈羅)** một trăm ngàn, ước chừng bốn-chục ngàn thước gần núi Y-ma-la-da **(Himâlaya=喜馬拉山)**, chính ở trong đất Nê-banh **(Népâl=尼泊爾)** bây giờ; song thành Ca-bi-la đả tan-hoang hư nát đi rồi.

15. **H.**— *Năm nào Thái-tử Si-đát-ta giáng-sanh ?*

**Đ.**- Sáu trăm hai-mươi bốn năm trước Gia-tô.

16. **H.**— *Có biết chỗ nào chắc-chắn là chỗ của Thái-tử giáng-sanh không ?*

**Đ.**— Biết rỏ lắm. Một nhà cổ-vật-học (**archéologue**) cũa chánh-phủ Ấn-độ mới tìm được ở Nê-banh (**Népâl**) một viên trụ đá. Viên trụ ấy do vua A-dô-ca (**Asôka** = 阿育王) là một ông vua rất sùng-thượng Phật-giáo xây nên, để ghi dấu chỗ sanh của Phật. Chỗ ấy hồi xưa là vườn Lam-bi-ni (**Lumbini** = 藍毗尼).

17. **H.** — *Thái-tử Si-đát-ta chắc là phong-lưu phú-quí lắm ?*

**Đ.** — Phải. Vua cha xây-dựng cho Thái-tử ba tòa lầu theo ba mùa — nực, lạnh và mưa — ở Ấn-độ, một cái chín tầng, một cái năm tầng và một cái ba tầng, cái nào củng chưng dọn cực-kỳ trang-hoàng rực-rở. Xung-quanh mỗi tòa lầu đều có vườn hoa xinh đẹp, trên cổ-thọ chim kêu riu-rít, dưới sân cỏ công múa xuê-xoang, vui-thú biết dường nào !

18. **H.** — *Thái-tử ở một mình trong đó hay sao ?*

**Đ.** — Không. Đến 16 tuổi, Thái-tử kết-hôn với Công-chúa Da-dô-đa-ra (**Yasôdharâ** = 耶輸陀羅), con gái vua Su-ra-bu-đa (**Supra**-

**budha** = 善覺); lại có mấy trăm mỹ-nữ cung-tần đêm ngày cứ lo việc đờn ca xướng hát.

19. **H.** — *Thái-tử ở trong cảnh phong-lưu phú-qui như vậy mà khôn-ngoan thông-thái sao được?*

**Đ.** — Thái-tử vốn bẩm tánh thông-minh, học mau nhớ, mau hiểu, vì vậy nên văn-nghệ, võ-nghệ đều tinh-thông cả.

20. **H.** — *Có phải Thái-tử thành Phật tại trong chốn lầu-đài, cung-điện ấy không?*

**Đ.** — Không. Thái-tử thoát-bỏ cái cảnh vui-sướng ấy mà vào núi tu-hành.

21. **H.** — *Vì lẽ gì mà Thái-tử đi tu?*

**Đ.**— Vì muốn tìm cái nguyên-nhân thống-khổ của đời người và cái phương-pháp thoát khổ.

22. **H.** — *Bởi lòng ích-kỷ* (**égoïsme**) *khiến cho Thái-tử đi tu, phải không?*

**Đ.** — Không. Thái-tử từ bỏ mọi sự vui-sướng ở đời là vì lòng từ-bi vô-hạn đối với quần-sanh.

23. **H.** — *Làm sao Thái-tử được cái lòng từ-bi vô-hạn ấy?*

**Đ.** — Vì đả vun-trồng tích-lủy cái lòng ấy từ vô-biên kiếp trước đến nay.

24. **H.** — *Thái-tử đả từ-bỏ những sự vui-sướng gì?*

**Đ.**— Bỏ ngôi, bỏ nước, bỏ lầu đài cung điện, bỏ châu báu bạc tiền, bỏ ăn ngon mặc đẹp; cho

đến vợ yêu, con một là cậu Ra-hu-la (**Râhula**—羅喉羅) củng đành dứt bỏ đi, thật một mảnh gương hi-sanh hiếm có.

25. **H.**— *Ở đời cũng có một số người chịu hi-sanh tánh-mạng, tài-sản để mưu hạnh-phước cho đồng-bào đồng-loại, thì cái gương hi-sanh ấy đâu phải là hiếm có ?*

**Đ.**— Phải. Nhưng cái tinh-thần **hi-sanh** cũa Thái-tử lại còn cao hơn nhiều lắm. Vì chẳng những hi-sanh tánh-mạng, tài-sản ở thế-gian mà thôi, cho đến cái chơn-phước **Niết-bàn** củng không màng nửa, nghỉa là sau khi đả thành Phật, đáng lẻ vào Niết-bàn cho yên, song vì lòng từ-bi vô-hạn đối với quần-sanh, nên lại phát nguyện rằng: "Nếu ở trên thế-gian nầy còn một vật nào trầm-luân, thì ta đây cứ ỡ mải trong vòng sanh-tử, chịu thống-khổ nhiều đời mà ra tay tế-độ, chớ không nở thành Phật một mình." Cái tinh-thần **hi-sanh** ấy vĩ-đại biết bao nhiêu !

26. **H.**— *Khi Thái-tử xuất-gia đả được bao nhiêu tuổi ?*

**Đ.**— Hai-mươi chín tuổi.

27. **H.**— *Trước khi Thái-tử có cảm-xúc về sự gì mới bỏ hết mọi sự vui sướng mà đi tu ?*

**Đ.**— Một hôm cùng người đánh xe là Sa-na (**Chana**—車匿) đi dạo ngoài thành, Thái-tử gặp một ông già, một người đau, một cái thây chết

và một ông thầy tu, bèn thấy rỏ cảnh tạm không bền, cỏi đời là khổ, dầu ai có oai-quyền, sang-trọng cực-điểm đi nữa, cũng không tránh khỏi các công-lệ ấy, khiến cho Thái-tử cảm-động vô-cùng!

28. **H.**— *Cái sự sanh, già, đau, chết là sự thường, có gì Thái-tử thấy phải cảm-động mà đi tu ?*

**Đ.**— Phải, cái đó chúng ta cho là thường ; song, với Thái-tử thì xưa nay chưa từng thấy.

29. **H.**— *Tại sao ?*

**Đ.** — Trong khi Thái-tử mới sanh ra, có mấy thầy coi tướng, người Bờ-ra-măn (**Bramane**=婆羅門), nói tiên-tri rằng một ngày kia Thái-tử sẻ bỏ nước đi tu và đắc đạo thành Phật. Bởi vậy, vua cha, Su-đô-đa-na, cứ hằng ngày lo sợ, tìm hết cách để ngăn-đón, không cho Thái-tử thấy, biết những sự thống-khổ của đời người, cũng cấm không ai được đem nói cho Thái-tử nghe nữa. Không khác một người tù bị cấm-cố trong cung-điện, vườn-hoa, bốn bức tường bao-phủ xung-quanh, có lính-tráng canh-phòng nghiêm-nhặt ; ngày đêm trong đó cứ yến-tiệc ca-xoan, có cơ-hội nào được trông thấy cái cảnh-tượng ưu-sầu khốn-khổ của người đời !

30. **H.**— *Thái-tử đả có lòng từ-bi vô-hạn, vậy thì cứ ở trong cung mà tìm cái nguyên-nhân thống-khổ và phương-pháp thoát-khổ để tế-độ*

*cho quần-sanh không được hay sao mà phải vào nơi chốn núi sâu rừng rậm ?*

**Đ.**— Muốn lánh mọi đường trần-tục, vì sợ nó làm mờ-tối tâm-thần, không sao nghiên-cứu được cái vấn-đề quan-trọng ấy.

31. **H.**— *Làm sao Thái-tử trốn ra khỏi cung được ?*

**Đ.**— Một đêm trong cung có đại-yến, nên chi quân lính say-sưa, canh phòng không cẩn, trong ngoài phẳng-lặng như tờ. Thừa lúc ấy, Thái-tử dậy vào phòng, nhìn vợ con yêu-dấu một lần cuối-cùng, sanh mối cảm-tình vô-hạn, song vì chí quyết xuất-gia thắng được tình luyến-ái, bèn kêu tên tớ trung-thành là Sa-na (**Channa**) thức dậy thắng con ngựa yêu là Căn-ta-ca (**Kan taka** =乾陟) rồi thầy trò cùng trốn ra khỏi thành.

32. **H.**— *Thái-tử ra khỏi thành rồi đi đâu ?*

**Đ.**— Đi đến sông A-nô-ma (**Anômâ**), xa thành Ca-bi-la lắm.

33. **H.**— *Đến đó rồi Thái-tử làm gì ?*

**Đ.**— Thái-tử liền xuống ngựa, lấy gươm cắt tóc ném xuống sông, cởi áo-xiêm châu-báu rồi giao cả ngựa cho Sa-na đem về cho hoàng-phụ.

34. **H.**— *Ở đó hay đi đâu nữa ?*

**Đ.**— Đi lần tới Ra-gia-gờ-ri-ha hay là Vương-xá-Thành (**Râjagriha** = 王舍城), kinh-đô

nước Ma-gách-đa (**Magadha** = 摩竭陀) của vua Bin-bi-sa-ra (**Binbisâra** = 頻婆娑羅).

35. **H.**— *Đi đến đó đặng chi ?*

**Đ.**— Muốn tìm đến học đạo (cái nguyên-nhân thống-khổ và phương-pháp thoát khổ) với hai thầy Bờ-ra-măn rất có tiếng ở trong rừng gần đó là A-la-ra (**Alâra** = 阿羅邏) và Út-đờ-ra-ca (**Udraka** = 鬱陀迦). Từ đó kêu là thầy Gô-ta-ma (**Gautama** = 瞿曇) mà không kêu là Thái-tử Si-đát-ta (**Siddhartha** = 悉達多) nữa.

36. **H.**— *Hai thầy Bờ-ra-măn dạy những gì ?*

**Đ.**— Dạy rằng phải đọc kinh, cầu sám, nhịn đói hảm mình, làm đủ cách khổ-hạnh thì nhờ ơn Trên ban cho sẻ được sáng-suốt.

37. **H.**— *Gô-ta-ma hành đạo ở đó rồi có toại lòng sỡ-nguyện không ?*

**Đ.**— Không, đả biết hết giáo-nghĩa của đạo Bờ-ra-măn và hảm mình một cách khắc-khổ, song cũng không thấy được cái nguyên-nhân sanh-tử và con đường giải-thoát hoàn-toàn.

38. **H.**— *Sau khi thất-bại đó rồi Gô-ta-ma làm sao ?*

**Đ.**— Vào ẩn trong một cái rừng gần U-ru-huê-la (**Uruvêla** = 優樓頻螺), là nền chùa Ma-ha-bô-đi (**Mahâbôdhi**) ở tại Bu-đa-ga-da (**Bouddha-gayâ** = 佛陀伽闍) bây giờ, và, ở sáu năm nơi đó, suy-tìm cái điều nguyện-vọng

bấy lâu, song cũng còn làm khổ-hạnh, kiêng ăn ít ngủ, theo đạo Bờ-ra-măn.

39. **H.**— *Gô-ta-ma ở đó tu một mình ?*

**Đ.**— Không, có năm thầy khổ-hạnh, kính mến đạo-đức của Gô-ta-ma, bèn theo cùng ở tu nơi đó.

40. **H.**— *Năm thầy khổ-hạnh ấy tên chi ?*

**Đ.**— Tên là : Công-đa-nha (**Kondânya** = 僑陳如), Ba-đi-da (**Bhaddiya** =跋陀羅閣), Hoa-ba (**Vappa**=跋波), Ma-ha-na-ma (**Mahânâma**=摩訶那摩) và Ách-sa-gi (**Assaji** = 阿捨婆閣).

41. **H.**— *Muốn thấu lẻ* **sanh-tử**, *Gô-ta-ma làm cách-nào ?*

**Đ.**— Tham-thiền nhập-định : ngồi ngay, lẵng-lặng, không thấy, không nghe, dứt hết mọi điều tư-lự ; chỉ nhứt-tâm suy-tìm cái lẽ mà xưa nay Gô-ta-ma vẫn theo-đuổi.

42. **H.**— *Còn nhịn đói không ?*

**Đ.**— Nhịn đói luôn, cho đến trọn ngày chỉ còn ăn một hột thóc hay một hột mè mà thôi.

43. **H.**— *Cách ấy có làm cho Gô-ta-ma được sáng-suốt không ?*

**Đ.** — Không, hình-thể càng ngày càng ốm-gầy, yếu-đuối, một ngày kia vừa bước đi chậm chậm, vừa nghiền-ngẫm suy-tìm, thình-lình té xỉu xuống đất, bất-tỉnh-nhơn-sự. Năm thầy khổ-hạnh thấy vậy tưởng là chết thiệt, nhưng trong giây-lát thì Gô-ta-ma tỉnh lại.

44. **H.**— *Gô-ta-ma còn làm cách khổ-hạnh ấy nữa thôi ?*

**Đ.**— Thôi, biết rằng không phải chỉ nhịn đói hảm mình mà đắc đạo, song đắc đạo là nhờ mở sáng trong lòng. Đả nhịn ăn đến phải chết hụt đó, mà củng không thấy được sáng-suốt chút nào, Gô-ta-ma bèn quyết bỏ cách khổ-hạnh ấy và ăn lại như thường. Năm thầy khổ-hạnh thấy vậy bèn cho Gô-ta-ma là người chưa thoát tục, còn bụng tham-sanh, nèn củng bỏ đi nơi khác.

45. **H.** — *Ai cho ăn ?*

**Đ.** — Cô Su-gia-ta (**Sujâtâ**=善生) đem sữa và cơm cho ăn trong khi thấy Gô-ta-ma nằm liệt dưới gốc cây Nha-gờ-rô-đa (**Nyagrodha**). Ăn rồi trong mình khỏe lại, bèn đứng dậy đi xuống tắm dưới sông Nê-răn-gia-ra (**Néranjarâ**=尼連).

46. **H.** — *Tắm rồi đi đâu ?*

**Đ.** — Trở vào rừng. Chiều bửa đó, Gô-ta-ma đi thẳng đến cây Bô-đi (**Bôdhi**=菩提), chỗ chùa Ma-ha-bô-đi (**Mahâbôdhi**) bây giờ, ngồi thiền-định dưới gốc cây ấy và thề quyết rằng: «Nếu không thành Phật, thì không rời chỗ nầy. »

47. **H.** — *Gô-ta-ma ngồi dưới gốc cây Bô-đi bao lâu mới đắc đạo ?*

**Đ.** — Bốn-mươi chin ngày thì Gô-ta-ma có tri-huệ hoàn-toàn, thành bậc Chánh-giác.

48. **H.** — *Phật có tìm được cái nguyên-nhân thống-khổ cũa loài người không ?*

**Đ.**— Ánh-sáng của vầng thái-dương lố mọc, vẹt cái màn tối-tâm u-ám mà soi tỏ muôn loài, muôn vật trên trái đất thế nào, thì, cái yến sáng trí-huệ ở trong lòng Phật mở ra củng lại như thế, thấy các nguyên-nhân thống-khổ của loài người và thấy cả cái phương-pháp thoát-khổ.

49. **H.** — *Có phải Gô-ta-ma rán hết sức mới được thành Phật không ?*

**Đ.** — Phải, tinh-tấn lắm, dỏng-mảnh lắm! Phấn-đấu rất hăng-hái mới thắng được Ma-quân **"phiền nảo"** trong lòng : Nào ma tham lam, giận ghét, hoài-nghi, do-dự, nào ma hám tiền-tài, ham danh lợi, ham sắc đẹp, ham mùi ngon, ham mọi sự vui-sướng ở đời, cho đến con ma nhớ vợ thương con, nếu không phải một người chiến-sỉ anh-hùng rất can-đảm, huơi gươm tri-huệ mà phấn-đấu đến cùng, thi tự mình đả không thoát khỏi vòng trầm-nịch, có đâu cứu vớt được quần-sanh !

50. **H.** — *Có phải Phật đắc đạo rồi liền đem ra truyền-bá không ?*

**Đ.** — Không.

51. **H.** — *Tại sao vậy ?*

**Đ.** — Vì đạo-pháp mầu nhiệm cao sâu quá, sợ truyền-bá ra người đời khó hiểu, lại còn làm rối trí thêm. Nhưng sau lại định sẻ tùy

theo trình-độ của chúng-sanh mà thuyết pháp, mới vừa cái bổn-nguyện đi tu.

52. **H.** — *Phật truyền giáo cho ai trước ?*

**Đ.** — Cho năm thầy khổ-hạnh ngày trước cùng tu với Phật ở U-ru-huê-la, sau thấy Phật ăn uống lại như thường, bèn bỏ đi, không ở đó nữa.

53. **H.** — *Vậy năm thầy khổ-hạnh bây giờ ở đâu ?*

**Đ.**— Ở trong rừng cà-tong (**Lộc-dả**=鹿野), nơi gọi là I-gi-ba-ta-na **(Isipatana)**, gần Bê-na-rét **(Bénarès**=波奈羅).

54. **H.**—*Chỗ ấy bây giờ còn dấu-vết gì không ?*

**Đ.** — Có một cái tháp gần hư sập hiện còn nơi đó.

55. **H.** — *Năm thầy khổ-hạnh có bằng lòng nghe Phật thuyết-pháp không ?*

**Đ.** — Ban đầu thì chưa chịu, nhưng sau thấy dung-mạo từ-bi nghiêm-chánh, nghe Giáo-lý huyền-diệu cao-thâm, năm thầy đều bái-phục và nghe pháp một cách châm-chỉ.

56. **H.** — *Thầy nào cảm-hóa trước ?*

**Đ.** — Công-đa-nha (**Kondanya**=僑陳如) cảm-hóa Phật-pháp sớm hơn cả, tình-nguyện theo làm đệ-tử Phật, mấy thầy kia cũng lần-lượt theo. Năm thầy Bi-xu (**Bhikshou**=比丘) sau đều chứng được quả A-ra (**Arhat**=阿羅漢).

57. **H.** — *Ai xuất-gia kế đó?*

**Đ.** — Một chàng thanh-niên giàu-có ở Bê-na-rét, tên là Da-xa (**Yasa**=耶舍). Ông thân của Da-xa là một nhà buôn-bán lớn cũng qui-y theo Phật, và làm một người thiện-nam (**Upâsaka**=優婆塞) trước hết. Phật lấy lòng **"bình-đẳng"** thuyết-pháp, độ hết các hạng người trên xả-hội, không chia giai-cấp, chủng-tộc như đạo Bờ-ra-măn, bởi vậy cho nên trong ba tháng mà đệ-tử đến sáu mươi người, đó là không kể hạng người tại-gia.

58. **H.** — *Người đàn-bà nào qui-y và làm tín-nử* (**Upâsika**=優婆夷) *trước hết?*

**Đ.** — Mẹ và vợ cũa Da-xa.

59. **H.** — *Phật đả nhiều đệ-tử như vậy rồi có làm gì không?*

**Đ.** — Hợp lại hết, dạy cho mỗi người thông hiểu đạo-lý rồi sai đi truyền giáo các nơi.

60. **H.** — *Căn-bổn của Phật-pháp là gì?*

**Đ.** — Là **"Tám đường chánh"**; hằng ngày ăn ở theo đó thì khỏi được mọi sự thống-khổ ở đời và sẻ chứng được Thánh-quả **"A-ra"**. (Tám đường chánh sẻ giải ra sau).

61. **H.** — *Tám đường chánh ấy tiếng Phạn* (**Pali**) *là chi?*

**Đ.** — A-ri-dô Át-tăn-gi-cô ma-gô (**Ariyo atthangiko maggo**=八正道).

62. **H.** — *Có phãi Phật ở luôn trong rừng* **"cà-tong"** *gần Bê-na-rét đó không?*

**Đ.** — Không; Phật trở lại U-ru-huê-la.

63. **H.** — *Trở lại đó làm gì ?*

**Đ.** — Cảm-hóa đến một ngàn người Bờ-ra-măn thờ **"lữa"** ở tu trong rừng. Vì một ông thầy cả rất có danh trong đạo ấy là Ca-da-ba (**Kâshyapa**=迦葉) đem hết tín-đồ của mình mà qui-y theo Phật.

64. **H.** — *Kế đó, ông vua nào được Phật độ cho?*

**Đ.** -- Vua Bin-bi-sa-ra (**Binbisâra** 頻婆娑羅) ở nước Ma-gách-đa (**Magadha**= 摩竭陀)

65. **H.** — *Ở Ma-gách-đa, Phật còn độ ai nữa không ?*

**Đ.** — Có, Phật độ được hai người đệ-tử rất trứ-danh là Xa-ri-bút-tờ-ra (**Sariputra**=舍利弗) có tiếng là trí-huệ hơn hết, và Mô-ga-la-na (**Moggallâna**= 目健連) nổi danh là người có phép **"thần-thông"** (**Iddhi**) hơn hết.

66. **H.** — *Phép* **"thần-thông"** *đó có phải là linh-hiển lạ-lùng không ?*

**Đ.** — Không, mỗi người ai cũng có, song nhờ tham-thiền nhập-định mới phát-triển ra.

67. **H.** — *Phật từ khi đắc đạo có được tin-tức gì ở quê nhà không ?*

**Đ.** -- Có, khi Phật ở Ra-gia-gờ-ri-ha (**Raja-griha**= 王舍城), kinh-đô nước Ma-gách-đa, thì vua cha Su-đô-đa-na, có gởi thiệp mời về.

68. **H.** — *Phật có về không ?*

**Đ.** — Có, Phật về thành Ca-bi-la. Vua cha dắc cả thân-quyến và quần-thần ra đón rước vui-vẻ lắm.

69. **H.** — *Phật có chịu ngồi lại chỗ ngôi Thái-tử không ?*

**Đ.** — Không, Phật cắt nghĩa cho vua cha hiểu rằng bây giờ đã làm Phật, đối với chúng-sanh coi như bậu-bạn anh em, không chia ra giai-cấp nữa. Dầu làm vua lấy oai-quyền cai-trị trong một nước, chi bằng làm Phật đem Giáo-lý làm yên lòng cả nhơn-loại trên địa-cầu. Bởi vậy Phật không ở trong cung vua, mà lại cùng các thầy Bí-xu (**hội Tăng-già**) hợp ở trong một cái rừng trước thành Ca-bi-la, mỗi ngày, ban mai củng bưng bình-bát đi từng nhà xin ăn, theo qui-luật của Giáo-hội.

70. **H.** — *Phật có gặp vợ con không ?*

**Đ.** — Có. Trong khi bà Hoàng Da-dô-đa-ra vừa thấy Phật ăn mặc nâu-sồng, hình-dung khác tục, thì bắt nghẹn-ngào không thốt đặng một lời, bèn nhào lăng xuống đất, khóc-lóc một cách thảm-thiết vô-cùng. Bà lại bảo con là Ra-hu-la theo Phật xin cho cơ-nghiệp cò lên ngôi trị nước sau nầy.

71. **H.**— *Với tình-cảnh ấy, Phật xử-trí làm sao ?*

**Đ.** — Phật chỉ có thuyết-pháp. Song Phật-pháp củng như một phương thuốc rất thần-hiệu trị hết các bịnh buồn-rầu khổ-não. Vua

cha,cho đến Da-dô-đa-ra là vợ, Ra-hu-la là con, A-nan-đa (**Ananda**=阿難陀) và Đê-hoa-đát-ta (**Dêvadatta**=提婆達多) là hai người em chú bác (1) nghe Phật thuyết-pháp đều thọ-giái qui-y cả. Ngoài thân-quyến ra, còn có hai người xuất-gia theo Giáo-hội nửa, là một nhà siêu-hình-học (**Métaphysicien**) A-nu-ru-đa (**Anuruddha** = 阿菟樓陀) và một người thợ cạo là U-ba-li (**Upâli**=優波離), cả hai đều có danh-tiếng lẫy-lừng.

72. **H.**— *Người đờn-bà nào xuất-gia trước nhứt ?*

**Đ.**— Bà Ba-gia-ba-ti (**Prajâpati**=波闍波提) là dì của Phật (củng là mẹ nuôi của Phật, vì Ma-da phu-nhơn đẽ ra bảy ngày thì bà chết). Sau thì bà Da-dô-đa-ra cùng nhiều bà nửa củng được vào hội Tăng-già, làm Bi-xu-ni (**Bhikshouni**=比丘尼).

73. **H.**— *A-nan-đa, Đê-hoa-đát-ta là cháu, Da-dô-đa-ra là dâu, Ra-hu-la là cháu nội đều xuất-gia theo Giáo-hội như vậy, vua Su-đô-đa-na có vui lòng không ?*

**Đ.** — Vua than-phiền lắm. Bởi vậy về sau Phật ra luật cho Giáo-hội không được thâu-nạp người nào chưa đúng tuổi mà chưa được phép của cha mẹ, hoặc người bảo-hộ bằng lòng cho đi tu.

---

(1) Theo sách Tàu: A-năn-đa là em ruột của Đê-hoa-đát-ta.

74. **H.** — *Đê-hoa-đát-ta là người thế nào ?*

**Đ.** Một người rất thông-minh, học-hành mau tấn-phát, song củng là một người giàu tánh tham-lam, ganh-ghét, cho nên sau muốn giết Phật, đặng có mặc ý tung-hoành ! Lại xúi A-gia-ta-sa-tờ-ru (**Ajâtashatru** = 阿闍世) giết vua cha là Bin-bi-sa-ra (**Bimbisâra** = 頻婆娑羅) đặng làm đệ-tử va nửa !

75. **H.** — *Va có làm hại được Phật không ?*

**Đ.** — Không. Mà cũng vì cái ác-tâm ấy nên sau va lại phải bị chết một cách khốn-nạn.

76. **H.** — *Phật thuyết-pháp độ đời được mấy năm ?*

**Đ.** — Được bốn-mươi lăm năm. Thường trong một năm thì Phật cùng mấy ngàn đệ-tử đi truyền giáo trong tám tháng nắng, còn bốn tháng mưa thì ở các tinh-xá (**Vihâras**) do các vua chúa, hoặc thường-dân vì lòng mộ đạo mà lập ra.

77. **H.** — *Mấy cái tinh-xá có tiếng hơn hết ?*

**Đ.** — Có năm cái : Giơ-ta-hoa-na (**Jetavanâ** = 祇園) ở thành Xa-vách-ti (**Srâvasti** = 舍衛城), Huơ-lu-hoa-na (**Veluvana** = 竹園) ở Ra-gia-gờ-ri-ha (**Râjagriha** = 王舍城). Bu-ba-ra-ma (**Pubbârâma** = 東園) củng ở thành Xa-vách-ti, Ni-gờ-rô-đa-ra-ma (**Nigrodârâma** = 尼拘陀園) ở Ca-bi-la và I-gi-ba-ta-na (**Isipatana** = 鹿野) ở Bê-na-rét.

78. **H.**— *Nhưng tinh-xá nào Phật thường ở thuyết-pháp hơn ?*

**Đ.** — Huơ-lu-hoa-na (竹園) và Giơ-ta-va-na (祇園). Huơ-lu-hoa-na **(rừng-tre)** ở Ra-gia-gờ-ri-ha, trước kia vẫn là công-viên của vua Bim-bi-sa-ra, sau vua cúng cho Giáo-hội ; còn Giơ-ta-hoa-na **(vườn Kỳ-đà)** ở Xa-vách-ti là cũa một người giàu-có tên Xu-đát-ta **(Su-datta**=須達) mà thường kêu là A-na-ta-be-đi-ca (**Anathapindika**=給孤獨) dâng cho.

79. **H.**— *Phật độ cho hạng người nào ?*

**Đ.**— Độ hết thảy, từ vua cho đến dân, đều lấy chũ-nghĩa bình-đẵng mà đối-đải, không chia sang hèn, nghèo giàu, khôn dại gì cả. Phật-pháp cũng thích-hợp cho mọi người, không khác như đám mưa khắp hết cây-cối cỏ hoa đều được thấm-nhuần vậy.

80. **H.** — *Trong mấy ngày cuối-cùng cũa Phật có việc gì đáng kể không ?*

**Đ.**— Có. Trong kinh Đại-niết-bàn (大涅槃經= **Maha-Parinibbâna-Soutta**) có chép rằng : « Khi Phật được tám mươi tuổi, sức lực đã suy mòn, biết rằng không thể ở đời mà thuyết-pháp được nữa, bèn kêu A-nan-đa là một người đệ-tữ rất thân-tín thường hầu-hạ bên mình mà bảo rằng : « A-nan-đa ! Nay ta tuổi-

« già sức yếu lắm, không mấy ngày nửa báo-
« thân sẻ mản và con đường đời ta đi củng sẽ
« cùng-tận rồi ! » A-nan-đa nghe nói hết sức buồn-rầu đau-đớn, bèn cầu xin Phật cứ sống lâu ở đời với các đệ-tử. Nhưng bị Phật quỡ rằng :
« A-nan-đa ! Ta đả dạy cho ngươi biết rằng phàm
« muôn vật trong đời dầu chúng-ta có yêu-tiếc
« đến đâu đi nửa, củng có ngày phải lìa bỏ mà
« không cầm lại được. Vì có sanh ắt phải có
« diệt. Dầu cho ta là Phật, song cũng còn mang
« xác người, thì làm sao tránh khỏi cái công-
« lệ ấy ? Thật vậy, A-nan-đa, Ta nói trước cho
« ngươi biết, trong ba tháng nửa đây thì Như-
« Lai sẻ vào Niết-bàn. Vậy các ngươi nên hằng
« ngày ăn ở theo Giáo-lý ta đả có dạy cho đó,
« phải giữ-gìn và truyền-bá ra. Ai quyết lòng
« noi theo con đường chánh, thì sẽ được giải-
« thoát hoàn-toàn. »

Trong khi ấy, tuy Phật có đau yếu nhiều, song củng cứ cùng các đệ-tữ đi thuyết-pháp ở xứ nầy qua xứ kia, từ Bô-da-ga-ma (**Boya-Gama**=路乾茶村) đến Ba-hoa (**Pava** = 波婆), ở lại nghỉ nơi vườn Măn-gô (**Mangos**) của một người thợ-rèn là Cuyn-đa (**Tchounda** =純陀). Khi Cuyn-đa hay tin, lật-đật đến mừng-rỡ tiếp-rước và mời Phật cùng các đệ-tữ về nhà dùng cơm. Cuyn-đa dọn ra ê-hề nào cơm, nào bánh, nào thịt heo-rừng quay. Phật ngó thấy bèn bảo Cuyn-đa rằng : « Ngươi

để hết thịt quay cho ta, còn các thầy Bí-xu chỉ nên dọn cơm và bánh không mà thôi.» Cuyn-đa đều làm theo ý muốn của thầy. Khi Phật ăn rồi bèn day lại nói với Cuyn-đa rằng: «Ngươi phải đem chôn hết món thịt dư nầy, vì không phải các thầy Sa-ma-na, các thầy Bờ-ra-măn, loại trời, loại người được dùng, chỉ có Phật dùng là khỏi hại mà thôi.» (1)

---

(1) Quả thiệt Phật có ăn « thịt heo-rừng quay » sao? Nhưng trong kinh Trưỡng-a-hàm (**Dirgagamas**= 長阿含) thì nói Phật ăn nấm cây Chiên-đàn (**Candana** =旃檀) của Cuyn-đa mà thọ bịnh rồi vào Niết-bàn: « Khi bấy giờ Thế-tôn ở tạm trong thành Phụ-vị được ít lâu, một hôm bảo A-nan-đa cùng đi qua thành Ba-bà (**tức là Ba-hoa**),... Khi đi ngang qua vườn Xà-đầu (**tức là Măn-gô**) có người thợ tên Châu-na (**tức là Cuyn-đa**)..., mời Phật về nhà cũa va mà dùng cơm. Phật làm thinh nhận lời.., cùng tăng-chúng đi về nhà Châu-na. Chân-na liền dọn cơm dâng cho Phật và tăng-chúng. *Lại có nấu nấm cây Chiên-đàn là một món ăn rất quí dâng cho Phật. Phật bão Châu-na chớ dọn* « **nấm** » *cho các thầy Bí-xu,* Châu-na vâng lời Phật dạy mà không dám dọn cho các thầy Bí-xu ».

Nếu thiệt là « **nấm cây Chiên-đàn** », sao Phật không cho Châu-na dọn cho các thầy Bí-xu ? Hay là nấm ấy có độc mà Phật không cho dọn các thầy Bí-xu ăn ? Nếu quả nấm ấy có độc, ăn vào có hại đến mạng người, thì sao gọi là món ăn rất quí ? sao Châu-na lại đem món ấy mà dâng cho Phật ?

Huống chi, Đề-hoa-đát-ta sau khi làm hại Phật không được, bèn tự-xưng là Đại-sư (**ông thầy cao-thượng hơn hết**) và chê « **Tám đường chánh** » của Phật không phải là « **chơn-đạo** », mà « **Năm phép** » của va

81. **H.** — *Phật nói vậy là ý gì ?*

**Đ.**— Phật muốn tỏ cho kẻ tại-gia tín-ngưỡng biết rằng thịt của loài thú không phải một món ăn cho loài người hay là những loài thiên-tánh cao-thượng hơn ; vì ăn nó vừa hại cho xác-thịt, lại vừa hại đến tinh-thần. Bởi vậy Phật không cho người thợ-rèn, Cuyn-đa, dọn đải các đệ-tử.

82. **H.**— *Tại sao Phật lại không cữ món ăn ấy ?*

**Đ.** — Phật không muốn phạm đến một đều gì đã hứa, vì Phật có dặn bảo các thầy Bí-xu rằng chớ nên từ-chối một vật gì của người có bụng tốt dâng cho.

83. **H.**— *Phật ở nhà Cuyn-đa hay còn đi đâu nữa ?*

**Đ.** — Sau bữa ăn, Cuyn-đa rất vui lòng vì được nghe những lẽ nhiệm-mầu cao-thượng của Phật giảng-dạy cho, Phật liền lên đường đi thẳng về thành Cu-si-na-ga-ra (**Kousinâgâra**=拘尸那揭羅). Giửa đường, Phật thọ

---

lập ra mới phải là chơn-đạo : « 1° Trọn đời mặc bằng vải rách ; 2° Trọn đời cứ đi xin ăn ; 3° Trọn đời mỗi ngày chỉ ngồi ăn một lần ; 4° Trọn đời thường ở ngoài trống, (trong mả, dưới gốc cây v. v.); 5° Trọn đời *không ăn cá, thịt, muối, sữa.* »

Nếu « **Năm phép** » ấy không khác với Phật-pháp, thì sao Đê-hoa-đát-ta gọi là « **chơn-đạo** » mà chê « **Tám đường chánh** » của Phật không phải chơn-đạo ?

bịnh nặng (1), đến nỗi phải nằm dưới gốc đại-thọ bên đường, song trong lòng củng vẫn yên vui bình-tĩnh. Khi ấy Phật bão A-nan-đa kiếm cho miếng nước giải khát.

A-nan-đa thưa rằng : « Đức Thế-tôn ! Vừa có mấy cổ xe cũa một đoàn-buôn mới đi ngang qua suối, làm cho nước dơ và đục cả rồi.» Nhưng Phật cứ biểu nữa. Bất-đắc-dĩ, A-nan-đa phải cầm bình xuống suối, hết sức lấy làm lạ, không biết tại sao nước lại trở nên trong sạch một cách mau-lẹ như thế và múc đem lên cho Phật giải khát.

Khi ấy có một người thanh-niên tên là Bu-cu-xa **(Boukkousa)** thuộc về dòng Ma-la **(Mallas=力士)** và củng một người trong đoàn buôn đi ngang qua đó, thấy Phật đương ngồi dưới gốc cây, bèn đến trước làm lễ và dâng cho Phật hai cái áo vàng chính tay của va dệt. Phật thấy lòng thành của Bu-cu-xa bèn thọ lảnh và chia bớt một cái cho A-nan-đa.

A-nan-đa lấy áo mặc vào cho Phật, bất-giác sửng-sốt và la lên rằng: « Không biết hào-quang đâu từ trong mặt Thế-tôn bắn ra chói

---

(1) Thịt đả có hại, như Phật vừa nói đó, mà đối với người tuổi cao như Phật (vì lúc ấy Phật đả tám mươi tuổi) thì thịt còn hại hơn nữa ; tuy đả biết có hại, ăn vào phải thọ bịnh bởi không tiêu-hóa, nhưng *« không nên từ-chối một vật gì của người có bụng tốt dâng cho »* mà Phật đã dạy các thầy Bi-xu.

lòa làm cho cái áo lu mất sắc vàng, không còn chiếu sáng như trước nữa!»

Phật bảo rằng: « A-nan-đa! Lời ngươi nói « đó là có thiệt; cái đời của Như-lai có hai lần « biến-sắc: Một lần trong đêm thành bậc « Chánh-giác và một lần trong đêm vào cảnh « Niết-Bàn. A-nan-đa! Vậy thì ba giờ khuya « nầy Như-lai sẽ vào trong cõi tịch-tịnh đời « đời.»

Bấy giờ Phật rán đứng dậy, cùng các đệ-tử đi vào rừng Sa-la (**Salas**=娑羅) ở trong đất của dân-tộc Ma-la, gần thành Cu-si-na-ga-ra (拘尸那揭羅), trên bờ sông Hi-ra-nha-hoa-ty (**Hiranyavati**= 熙連若跋提 ). Phật bảo A-nan-đa treo võng vào gốc song-thọ (hai cây đứng cập nhau), rồi nằm trên võng, theo cổ-lệ trở đầu về hướng Bắc, ngó mặt qua hướng Tây.

84. **H.** — *Khi Phật gần tịch-diệt còn độ ai nữa không?*

**Đ.**— Còn độ cho một người tên là Xu-ba-đờ-ra (**Subhadra**—須跋陀羅) là một nhà bác-học Bờ-ra-măn có danh-tiếng. Phật còn thuyết-pháp cho mấy ông hoàng Ma-la đi với các quan tùy-tùng đến viếng Phật trong đêm ấy.

85. **H.** — *Phật còn nói gì với đệ-tử ?*

**Đ.** — Phật bảo rằng : « Các ngươi chớ tưởng

rằng Như-lai tịch rồi thì không ai giảng-dạy dìu-dắc cho nửa. Sau khi ta tịch, thì Giáo-nghỉa ta đả giảng-dạy, Giái-luật ta đả lập ra, ấy chính là ông thầy của các ngươi, là người dìu-dắc cho các ngươi đó.»

86. **H.** — *Còn lời cuối-cùng của Phật dạy ?*

**Đ.** — Phật dạy rằng: « Nầy các thầy Sa-ma-« na, chớ nên quên rằng thân-thể con người « ta, quyền-lực con người ta đều phải tiêu-tán « cả, duy cái chơn-lý mầu-nhiệm cao-sâu ở « đời là được còn lại mải thôi. Cái chơn-lý ấy « ta đã đem dạy hết cho các ngươi, vậy nên cố « gắng theo đó, thì sẻ được thoát khỏi mọi sự « thống-khổ ở đời.»

Nói rồi Phật bèn nhập-định và tịch **(hóa)** luôn.

87. **H.** — *Có những chứng-cớ gì chứng rỏ rằng Phật là một nhơn-vật thiệt có không ?*

**Đ.** — Có. Những chứng-cớ kể sau nầy đủ rỏ Phật là một nhơn-vật thuộc về lịch-sử, chớ không phải là một nhơn-vật thuộc về huyền-tưỡng.

1°— Các dấu-tích, vườn nhà, rừng núi hồi Phật giáng-sanh, truyền-đạo thì bây giờ vẫn còn.

2°— Còn nhiều bia hoặc viên trụ-đá ghi-chép sự-tích Phật của các ông vua mộ đạo đời trước, dựng lên để người sau được biết rỏ lịch-sữ Phật.

3°— Khi Phật viên-tịch rồi, đem ra thiêu-tán.

Tro-than còn lại chia ra tám phần, dựng tám cái tháp để chôn vào trong. Một phần tro mà vua A-gia-ta-xa-tờ-ru (**Ajâtasatru** 阿闍世王) đem về dựng tháp ở Ra-gia-gờ-ri-ha (**Râja-griha** = 王舍城), hai trăm năm về sau vua A-dô-ca (**Asoka** = 阿育王) dở lên, chia ra nhiều phần và dựng tháp thờ khắp trong nước. Các tháp ấy ngày nay cũng vẫn còn một ít.

4°— Sau khi Phật tịch-diệt, trong tăng-hội, hoặc các vua chúa thường hợp hội-nghị để xét xem kinh-sách cũa Phật và lưu-truyền cho đến bây giờ.

5°— Có vài người đệ-tữ cũa Phật sống rất lâu, truyền hai đời thì đến trào vua A-dô-ca. Vì vậy vua A-dô-ca có đủ tài-liệu chắc-chắn về lịch-sử của Phật.

88. **H.** — *Tôn-xưng Phật bằng những danh hiệu gì ?*

**Đ.** — Thích-ca-mâu-ni (釋迦牟尼 = **Sâkyamouni**), người hiền-triết dòng Thích-ca (**Sa-ki-da**); Thế-tôn (世尊 = **Lôka-nâtha**), bậc tôn-quí trong đời; Pháp-vương (法王 = **Dharma-râja**), ông vua Pháp hay là ông vua Chơn-lý; Như-lai (如來 = **Tathâgata**), một người hiền-triết củng như các người hiền-triết đời trước, sanh ra để canh-cải Giáo-lý. Phật cũng thường dùng tiếng Như-lai mà xưng mình.

# PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP

## CHƯƠNG II

### Phật-pháp

89. **H.**— *Tiếng Bu-đa (***Bouddha***) mà ta đọc là Phật nghĩa là gì ?*

**Đ.** — Nghĩa là sáng-suốt, hay là người đả giác-ngộ **(tĩnh-thức)** hoàn-toàn.

90. **H.** — *Tại sao có Phật ra đời ?*

**Đ.** — Vì chúng-sanh tối-tăm mê-muội mà phải bị chìm-đắm trong vòng sanh-tử, cho nên có người giác-ngộ sáng-suốt là Phật, vì lòng từ-bi bác-ái ra đời giảng-dạy và dìu-dắc cho thoát khỏi nẻo Luân-hồi. Không khác như nhơn-loại trên thế-giái nầy bị thống-khổ vì xả-hội giai-cấp bất-bình, cho nên có kẽ xướng ra cái chủ-nghỉa Đại-đồng, đem nhơn-loại lên địa-vị Bình-đẵng vậy.

91. **H.** — *Làm sao mới được thành Phật ?*

**Đ.** — Dứt lòng tham-dục, nuôi lòng từ-bi, cố-công cùng-sức trong kiếp nầy, hoặc nhiều kiếp nửa thì sẻ được sáng-suốt lần-lần. Chừng nào lòng tham-dục tiêu-tan, lòng từ-bi viên-mãn mới được thành Phật.

92. **H.** — *Trước khi thành Phật, nghĩa là trong mấy kiếp còn đương tu-hành thì gọi là chi ?*

Gọi là Bồ-tát (**Bôdhisattva**). Như thái-tử Si-đát-ta mấy kiếp trước cũng còn là một vị

Bồ-tát, và mới được chứng quả thành Phật ở dưới gốc cây Bồ-đi trong kiếp nầy vậy.

93. **H.** — *Từ bậc Bồ-tát cho đến khi thành Phật, có định được là bao nhiêu kiếp không ?*

**Đ.**— Cái đó tùy theo công tu của mỗi người, không thể nhứt-định được.

94. **H.** — *Phật-pháp là gì ?*

**Đ.** -- Là Giáo-nghĩa, tức là Chơn-lý và phương-pháp cứu-khổ cũa Phật đả chứng-ngộ **(hiểu-thấu)** và giảng-dạy ra ; đệ-tử Phật lưu-truyền lại và chép vào kinh sách.

95. **H.** — *Các* **sách Phật** *kêu là gì ?*

**Đ.** — Là Ba tàng (三藏 = **Tripitakas**) : Kinh-tàng (經藏 = **Soutta-Pitaka**), Luật-tàng (律藏 = **Vinâya-Pitaka**) và Luận-tàng (論藏 = **Abhidamma-Pitaka**).

96. **H.** — *Ba-tàng có những gì ?*

**Đ.** — Kinh-tàng gồm có các bài giảng về luân-lý hợp cả cho mọi người ; Luật-tàng trong ấy nói về kỷ-luật của chế-độ Tăng-già; Luật-tàng gồm cả tâm-lý, triết-lý của Phật dạy. (1)

97. **H.** — *Ba-tàng ấy chép về hồi nào ?*

---

(1) Bốn bộ kinh A-hàm là Kinh-tàng ; Tứ-phần-luật, Ngũ-phần-luật và Thập-tụng-luật là Luật-tàng ; Lục-túc-luận, và Phát-trí-luận là Luận-tàng. Ấy là Ba-tàng mà phái Nam-tôn cho là chánh-truyền cũa Phật, và phái Bắc-tôn gọi là Ba-tàng tiểu-thừa.

**Đ.** — Chừng 80 năm trước Gia-tô giáng-sanh, hay là 330 năm sau khi Phật tịch-diệt.

98. **H.** — *Khi Bồ-tát* **(Si-đát-ta)** *đã thành Phật có hiểu cái nguyên-nhân sự khổ của loài người là tại đâu không ?*

**Đ.** — Có, tại sự vô-minh **(tối-tăm, mê-muội)** mà ra.

99. **H.** — *Tại sao vô-minh gây ra sự khổ ?*

**Đ.** — Bởi vô-minh làm cho ta không thấu được chơn-lý, không phân-biệt được giả, chơn, hư, thiệt, cho nên cứ trì-trục trong cảnh hảo-huyền mà phải luân-hồi trong vòng sanh-tử vậy.

100. **H.** — *Muốn phá sự vô-minh thì cần phải làm sao?*

**Đ.** — Cần phải có trí-huệ.

101. **H.** — *Muốn có trí-huệ thì phải làm thế nào ?*

**Đ.** — Phải biết **Bốn lẻ thiệt** (hay là **Bốn nghĩa mầu**=四妙諦) của Phật đã xướng minh ra.

102. **H.**— **Bốn lẽ thiệt** *là những gì ?*

**Đ.** — 1°— Đời là khổ (苦諦). 2°— Khổ bởi đâu mà ra (集諦). 3°— Phải trừ-diệt sự khổ (滅諦) ; 4°— Con đường hay là phương-pháp trừ-diệt (道諦).

103. **H.** — *Việc gì sanh ra khổ ?*

**Đ.**— Sanh, già, đau (**ốm**), chết, cái yêu mà phải xa-lìa, cái ghét mà cứ hội-hợp, việc

muốn mà không được, ấy đều là việc sanh ra khổ cả.

104. **H.** — *Các sự khổ ấy do ở nguyên-nhân nào mà ra?*

**Đ.** — Do ở Tăn-ha **(hay lòng ái-dục)** gốc tự vô-minh mà ra.

105. **H.** — *Muốn thoát khỏi các khổ ở đời thì phải làm sao?*

**Đ** — Phải trừ-diệt hết lòng ái-dục.

106. **H.** — *Làm thế nào mà trừ-diệt được?*

**Đ.**— Phải theo **Tám đường chánh** cũa Phật đả phát-minh ra.

107. **H.**— *Tám đường chánh là những gì?*

**Đ.** — Là: **1° Thấy chánh** =正見 (biết rỏ luật Nhân-quả hay Nghiệp-báo); **2° Suy-nghĩ chánh** =正思惟 (suy-nghỉ những lẻ siêu-việt giải-thoát mà không suy-nghỉ những việc trần-tục thế-gian); **3° Lời nói chánh** = 正語 (nói lời thành-thiệt, ôn-hòa mà không nói dối, nói thô-tục, hung-dử hoặc cáo gian v. v.); **4° Nghề-nghiệp chánh** = 正業 (không làm những nghề-nghiệp có phạm đến sự sát-sanh, gian-giảo, dâm-dục); **5° Đời chánh** = 正命 (chỉ lo ích-lợi cho người mà không một mảy gì ích-kỷ); **6° Rán sức chánh** = 正精進 (sốt-sắng nong tới con đường giải-thoát); **7° Nhớ-tưởng chánh** = 正念 (cứ nhớ tưởng luôn-luôn trên giáo-lý chơn-thật); **8° Định-chánh** = 正定

(định-tâm không loạn-động, nghỉa là dứt hết vọng-tâm không cho sanh-diệt nữa). Người nào theo Tám đường chánh ấy sẽ được thoát khổ và đắc-đạo vậy.

108. **H.** — *Đắc-đạo nghĩa là sao ?*

**Đ.**— Nghỉa là được thoát khỏi hết mọi sự thống-khổ ở đời và ra ngoài vòng luân-hồi sanh-tử.

109. **H.** — *Khi người ta đắc-đạo hay là được giải-thoát như vậy thì đến đâu ?*

**Đ.**— Đến Niết-bàn (đọc cho trúng tiếng phạn là : Niết-hoa-na = **Nirvâna**).

110. **H.** — *Niết-bàn là gì ?*

**Đ.**— Là một bậc hoàn-toàn tịch-tịnh, không còn luân-chuyển biến-dời : không mầng, không giận, không ghét, không yêu, không buồn rầu, không lo sợ, không còn cái vọng-tâm **sanh-diệt**; hết-thảy vọng-tâm đã dứt hết rồi thì không còn mang cái hình-chất có sống có chết nữa, bởi nhân **vô-minh** dứt thì quả **khổ** hết, ấy là Niết-bàn. Người còn mê-muội mà nói đến Niết-bàn thì không khác như nói chuyện chiêm-bao, duy có kẻ lòng không **trước (đeo-dính)** cảnh, mới thấy (1) Niết-bàn được rỏ-ràng chắc-chắn mà thôi.

111. **H.** – *Có thể đến Niết-bàn ngay trong khi ta còn sống không ?*

---

(1) Thấy không phải là mắt thấy, mà là tự lòng chứng biết, tức là thấy bằng con mắt **trí-huệ**. Nhưng trí-huệ không phãi là con-mắt.

**Đ.**— Đến được. Dầu ta còn mang cái thân sống-chết nầy **(quả)** do bởi vọng-tâm đời trước **(nhân)**, song hiện nay ta dứt được hết các vọng-tâm, gặp cảnh vui không mừng, gặp cảnh khổ không buồn, sống không ham, chết không sợ, nghĩa là lòng ta đã được hoàn-toàn sáng-suốt, tịch-tịnh, không còn **trước** cãnh, không còn sanh, diệt theo cảnh hửu-hình biến-đổi, ấy là ta được đến Niết-bàn ngay trong đời hiện tại nầy.

112. **H.**— *Có người họ cho Niết-bàn là một cỏi riêng trên Trời, hay củng là Thiên-đường* **(Paradis)** *mà kêu ra tên khác, có phải vậy chăng ?*

**Đ.**— Không. Hai bên kkác hẵn nhau lắm. Cỏi Thiên-đường của nhà tôn-giáo kia họ lập ra đó, củng hửu-hình, nhứt-thiết củng như thế-giái ta hiện ở, có khác là duy có sung-sướng vui-vẻ hơn cỏi nầy mà thôi. Người tin có Thiên-đường đều là người nương theo cảnh, củng đều là người ích-kỷ tham-sanh, cho nên họ làm một việc gì gọi là làm nhân làm phước, đều có ý mong về Thiên-đường để hưởng phần tiêu-diêu khoái-lạc, hoặc củng dám làm nhiều đều tàn-nhẫn khắc-bạc với đồng-bào đồng-loại của họ, miễn cầu-khẩn với một đấng Chúa-tể cho được về nước Trời thì thôi. Không dè trong võ-trụ nầy không một vật hửu-hình nào ra ngoài cái luật « **biến đổi** »

được. Vậy thì cỏi Thiên-đường dẫu có vui-sướng hơn, lâu-dài hơn cỏi nầy đi nữa, cũng còn ở trong vòng nên, hư, sống, chết, vui, khổ, thạnh, suy. Vả lại, bởi cái lòng tham sanh ích-kỷ ấy nó bắt phải chịu cái hình-chất, tùy theo nghiệp lành, nghiệp dử, cứ luân-hồi trong cảnh vui hoặc cảnh khổ, đời-đời kiếp-kiếp không bao giờ cùng! Mà nhơn-loại trên thế-giái nầy cứ lường gạt, cướp giựt, giết hại lẫn nhau, không được thái-bình, yên-ổn, càng ngày càng thấy thống-khổ thêm, củng bởi cái lòng ích-kỷ tham-sanh ấy! Cho đến cha con, chồng vợ, anh em trong một nhà mà không được hòa-thuận cùng nhau củng bởi lòng ích-kỷ tham-sanh ấy!

Trái lại, Niết-bàn không phải là một cỏi hửu hình, cho nên mới thoát khỏi được vòng «**biến đổi**». Nếu còn cái thân sống chết mà lòng đả được Niết-bàn, nghỉa là lòng không trước cảnh, thì đâu còn có khổ, có vui, có gì trược, có gi thanh mà phân-biệt là Địa-ngục, Thiên-đường, cỏi Trần, cõi Phật? Ở đâu cũng là Niết-bàn cả.

Lòng là nhân mà thân là quả, lòng mê hết thì quã khổ dứt, cho nên sau khi chết thi không còn mang cái thân-hình luân-chuyển trong cỏi đổi dời sanh diệt nữa.

113. **H.** — *Vậy thì Niết-bàn là không-không, không có gì hết?*

**Đ.** — Có mà không, không mà có, « **có** » « **không** » không phải lấy con mắt « **phàm** » (mắt thịt) mà quyết-định được. Chúng ta lấy con mắt phàm mà thấy « **có** »: có « **ta** », có « **người** », có muôn loài, muôn vật, ấy chẳng qua thấy cái Giả-tướng của Vỏ-trụ mà không thấy được cái Bãn-thể của Võ-trụ vậy. Cái Giả-tướng ấy củng như bọt nước trên mặt biển, thấy có đủ kiểu đủ màu, ngàn hình muôn trạng, song nổi lên rồi lặn xuống, hợp lại rồi tan ra. Vì cái vọng-tâm cứ trì-trục theo cái Giả-tướng ấy, nên không thấy được cái biển nước mênh-mông vô-hạn, không diệt không sanh, là cái Bản-thể của nó, mới đảo-điên điên-đảo mà bảo cái giả là thiệt, cái có là không vậy.

Vậy chúng ta nên hiểu cho rõ rằng Niết-bàn không phải là không-không, không có gì hết, mà Niết-bàn nếu dịch theo tiếng thì nghĩa là « **tắt** », củng như gió thổi tắt lửa, tắt là tắt cái vọng-tâm, không trì-trục theo Giả-tướng nữa, mà trở lại cái Bản-thể « **Chơn-tâm** », củng như phá-tan bọt nước mà trở lại cái biển nước mênh-mông vô-hạn vậy. Có mà không, không mà có ; đả không chấp « **có** », củng không chấp « **không** », ấy mới giải thoát, ấy mới Niết-bàn.

114. **H.**— *Tịnh-độ-tôn bảo niệm tưởng Phật A-di-đà là người lập ra cỏi Phật ở phương Tây, thì sẻ được về cỏi ấy, có cung-điện lầu đài,*

*vàng ngọc châu báu, nghĩa là củng một cỏi có hình có tướng, vậy thì trái hẳn với lý Niết-bàn, và các Phật cỏi ấy cũng còn ở trong vòng sống chết nữa sao? Cỏi còn biến-đổi thì làm sao gọi là cỏi Phật? Phật còn sống chết thì làm sao gọi là thành Phật được?*

**Đ.**— Bởi phần nhiều người hay chấp « **có** », không hiểu thấu cái lý Niết-bàn, lầm tưởng rằng Niết-bàn là không-không, không có gì hết, vậy thì cần tu-hành làm chi cho nhọc mà đến chết phải diệt-mất, phải tiêu-tan, không còn gì nữa? Nhân đó họ càng lừng-lẫy lòng tham-dục, cầu cho vui-sướng một đời mà phải trầm-luân trong biển khổ. Bởi vậy, vì lòng thương-xót hết thảy quần-sanh, Phật thuyết pháp có « **thiệt** » mà cũng có « **quyền** », cho thuốc tùy theo chứng bịnh. Những kẽ chấp « **có** » muốn được về cỏi Phật phương Tây thì phải niệm Phật, niệm chừng nào cho đến trong lòng không còn loạn-động, ngoài ông Phật ra không còn ham-muốn, giận-hờn, thương, ghét, lo, sợ, buồn-rầu, không còn một mảy vọng-tâm nào, cho đến khi chết dầu có thấy cỏi Phật cũng không được mầng, thì mới được sanh về cỏi ấy. Nếu hết vọng-tâm thì không còn thống-khổ, không còn sống chết đổi dời, cho nên cái phương-pháp « **Niệm Phật cầu về Tây phương** » là một phương-tiện rất khôn-khéo, đem người đến Niết-bàn mà không biết, không hay vậy. Bởi có mê mới

có giác, có chúng-sanh mới có Phật, có cõi khổ nầy mới có Tây-phương vui, có sống chết mới có Niết-bàn, các tên « **giả** » ấy nhờ đối với nhau mới còn được. Nếu hết mê, hết khổ, hết sống chết, hết chúng-sanh, cũi hết thì lửa tắt, đâu còn những tên « **giả** » là giác, là Tây-phương, là Niết-bàn, là Phật? Phương-pháp của Phật tế-độ quần-sanh, tùy-cơ-ứng-biến, thật là huyền-diệu vô-cùng! Niệm Phật để dứt vọng-tâm, chớ không phải như mấy kẻ hiểu lầm rằng niệm Phật thì được Phật rước về Tây-phương, rồi họ cố niệm chuổi nầy qua chuổi kia, tụng « **Vảng-sanh** » muôn nầy qua muôn nọ, song lòng tham-lam vẫn còn tham-lam, độc-ác cũng vẫn còn độc-ác! Ỹ có Phật rước mà lòng vọng không trừ, thì dầu có niệm Phật trăm kiếp ngàn đời đi nữa, thống-khổ cũng còn thống-khổ, luân-hồi củng vẫn luân-hồi! Cái phương-pháp niệm Phật là phương-pháp « **dứt vọng-tâm** », cho nên trí, ngu gì cũng thích-hợp cả. Kẻ trí vì Niết-bàn mà niệm Phật, kẻ ngu vì Tây-phương mà niệm Phật, niệm cho đến nhứt-tâm-bất-loạn, trong lòng không còn một mảy vọng-niệm nào, thì Tây-phương là Niết-bàn, Niết-bàn là Tây-phương, có trái nhau chỗ nào đâu? Đến đó, cũng không có Tây-phương, mà cũng không có Niết-bàn! Đến đó, có chúng-sanh đâu mà có Phật? Có cỏi khổ đâu mà có Tây-phương? Vậy thì lo gì có ông Phật còn sống chết? Có cỏi Phật còn đổi dời?

115. **H.** — *Vì sao chúng ta phải kiếp luân-hồi ?*

**Đ.** — Chúng ta luân-hồi bởi cái lòng dục-vọng bất-mản (không nhàm không chán) đối với các vật ở trong thế-giái hửu-hình nầy. Cái lòng dục-vọng không đầy không ngớt ấy nó có một cái sức mạnh làm cho ta phải lăn-lộn trong vòng sanh-tử mải.

116. **H.** — *Dầu có lòng dục-vọng song không thiệt-hành, như vậy có ảnh-hưởng gì đến cái kiếp luân-hồi cũa ta không ?*

**Đ.** — Có lắm ; chẳng những vậy mà thôi, cho đến sự chánh, sự tà, sự lành, sự dử cũa mỗi người củng đều có ảnh-hưởng đến kiếp luân-hồi.

117. **H.** — *Vậy sự thiện-ác tà-chánh có ảnh-hưởng đến số-phận và hình-trạng những kiếp sau cũa ta ?*

**Đ.** — Phải. Thường một người làm nhiều việc thiện, việc chánh thì kiếp sau được vui-vẻ, sung-sướng ; trái lại, người nào làm nhiều đều ác, đều tà thì kiếp sau cực-khổ đau-đớn.

118. **H.** — *Vậy thì đạo Phật cho rằng bao-nhiêu sự kết-quã ở đời có nguyên-nhân cả sao ?*

**Đ.** — Thật vậy, hoặc là nguyên-nhân gần, hoặc nguyên-nhân xa.

119. **H.** — *Cái luật nhân-quả ấy người ta kêu là gì ?*

**Đ.**— Gọi là Cát-ma (**Karma**) hay là nghiệp-báo. Nghiệp-báo nghỉa là tùy theo nghiệp ta

làm lành hay dử sẻ báo lại cho ta sự vui hay sự khổ. Nghiệp cũng như « **ghiền** », **ghiền** học mà đọc sách cho nên có tri-thức, trái lại, ghiền rượu mà uống rượu cho nên phải bị say-sưa.

120. **H.** — *Người ta có thể tránh khỏi Cát-ma* (**Karma**) *hay Nghiệp-báo không?*

**Đ.**- Trong kinh Đa-ma-ba-đa (**Dhammapada**=法句) có nói rằng: « Trên trời, dưới đất, đáy biển, kẹt non, không có một chỗ nào mà người ta có thể dung-thân đặng trốn khỏi cái nghiệp của mình đả gây ra.» (1)

121. **H.** —*Đời nay ta ở vào cái cãnh-ngộ khổ-sở yếu-hèn đều bởi Nghiệp đời trước của ta cả sao?*

**Đ.**— Phải, song không được mỗi việc mỗi đổ thừa cho nghiệp đời trước mà cứ biếng-nhác khiếp-nhược, không biết tự-lập, đành trọn đời chịu cái số-phận khổ-sỡ yếu-hèn ấy. Nếu có nghị-lực, có can-đảm cải-tạo lại cái hoàn-cảnh của mình thi củng đổi họa làm phước, hóa khổ làm vui được.

122.— *Cái lý-thuyết* **Nghiệp-báo** *có hợp với khoa-học bây giờ không ?*

**Đ.**— Hợp lắm, khoa-học bây giờ gọi là luật Nhân-quả.

---

(1) Đa-ma-ba-đa **(Dhammapada)** hay là Pháp-cú là một quyển kinh góp mấy lời cách-ngôn **(Aphorismes)** trong Kinh-tàng. để cho kẻ tại-gia.

*123* **H.** — *Loài người chỉ luân-hồi sanh-tử trên trái đất nầy mà thôi sao?*

**Đ.**— Không, trong vỏ-trụ biết bao nhiêu là thế-giái, hoặc tốt và vui hơn, hoặc xấu và khổ hơn thế-giái nầy, tùy theo nghiệp dử hay lành của ta hợp với cõi nào thì nó lôi đi đầu-thai về cỏi ấy.

124. **H.**— *Có một bài kệ tóm hết được Giáo-nghĩa của Phật không ?*

Đ,— Có.

125. **H.**— *Bài kệ ấy đọc ra sao ?*

**Đ.— « Kiêng-cữ các đều dữ.**
**« Làm hết các đều lành.**
**« Rữa sạch hết vọng-niệm.**
**« Các Phật dạy như thế.»**

**Tiếng Phạn :**

**Sabba pâpassa akaranam**
**Kusalassa upasampadâ**
**Sachitta pariyo dapanam-**
**Etam Buddhânusâsanam.**

**Tàu dịch :**

諸惡莫作
衆善奉行
自淨其意
是諸佛教

126. **H.** — *Ba câu trên có nghĩa gi là đặc-biệt không ?*

**Đ.**— Có : Câu đầu gồm hết cái yếu-nghỉa **của** Luật-tàng (**Vinâya Pitaka**); câu thứ hai **là** yếu-nghỉa của Kinh-tàng **(Sutta)**; câu thứ **ba** là yếu-nghỉa của Luận-tàng **(Abidhamma)**. Ba câu kệ ấy chỉ có tám tiếng **Pali** mà gồm được hết cái tinh-thần của Phật-pháp.

127 **H.**— *Theo như mấy lời dạy ấy thì Phật-giáo là một đạo tiêu-cực hay tích-cực ?*

**Đ.**— **Kiêng-cữ các đều dữ** thì xem như một đạo tiêu-cực, nhưng **Làm hết các đều lành** và **Rữa sạch hết vọng-niệm** thì cần phải có sức hoạt-động tích-cực mới được. Phật dạy ta không phải chỉ làm một người vô-hại, mà cần phải làm một người hửu-ích cho đời.

128 **H.**— *Người theo đạo Phật có mấy hạng ?*

**Đ.** — Có hai hạng: Tại-gia và xuất-gia. Tại-gia nghỉa là còn ở trong gia-đình, có vợ có con, song chỉ có làm lễ **Qui-ỵ** và tinh-nguyện giữ Băn-sa-xi-la hay là **Năm điều-luật** mà thôi, hạng ấy đàn-ông gọi là U-ba-xắc-ca (**Upasaka** =優婆塞), đàn-bà là U-ba-xi-ca (**Upasika** =優婆夷); Xuất-gia nghỉa là ra khỏi tục-trần, dứt hết tình-ái, sau khi đã tình-nguyện giữ Đa-xa-xi-la hay là **Mười điều-luật** thì cứ đi thẳng tới con đường giải-thoát, cỏi Niết-bàn, hạng ấy đàn-ông gọi là Bi-xu (**Bhikshou**= 比丘) hoặc Sa-ma-na (**Samana**=沙門), đàn-

bà là Bí-xu-ni (**Bhikshouni**=比丘尼), và tổ-chức ra giáo-hội. Giáo-hội tiếng Phạn là Săng-ga (**Sangha**=僧伽), nghỉa là người xuất-gia cùng tụ-hợp lại ở chung, có trật-tự qui-tắc, Săng-ga củng như tiếng **đoàn-thể** vậy.

129 .— **Qui-ɣ** *có phãi nghỉa là nương-theo kẽ dẫn đường chỉ nẻo cho không ?*

**Đ** — Phãi.

130. **H.** — *Qui-y với ai ?*

**Đ.** — Qui-y với Phật, là người đả mỡ đường giải-thoát cho ; Qui-y với Pháp, là kinh-điển Phật, bao nhiêu con đường giải-thoát đều chứa ở trong đó ; Qui-y với Săng-ga hoặc Giáo-hội, là đoàn-thể học theo Phật, làm theo Phật và tuyên-truyền Phật-pháp. Phật, Phật-pháp và Săng-ga, Tàu thường gọi là Ba báu (三寶), nghỉa là ba món qui-báu trong đời.

131. **H.**— *Lễ* **Qui-ɣ** *làm sao ?*

**Đ.**— « Tôi qui-y Phật là người dẫn đường cho tôi ; tôi qui-y Pháp là người dẫn đường cho tôi ; tôi qui-y Giáo-hội là người dẫn đường cho tôi.» Đọc như vậy ba lần ở giửa Săng-ga là chổ có đủ Ba báu.

132. **H.** — *Làm gì phãi lặp đi lặp lại như thế ?*

**Đ.** — Là tỏ hết lòng tin-cậy Ba báu cứu-vớt ta khỏi bị sóng vô-minh nhận chìm trong biển khổ, củng như người hàng-hải **(đi tàu vượt biển)** gặp dông-tố bão-bùng ỡ giữa đêm tăm

tối nhờ có **Ba Ngôi Sao** soi sáng cho, mới vững lòng theo đó mà được đến **cữa** bình-yên vô-sự vậy.

133. **H.** — *Lễ* **Qui-ɣ** *có phải buộc mỗi người muốn theo đạo Phật trước hết đều phải làm không ?*

**Đ.** — Phải, hoặc tại-gia, hoặc xuất-gia không trừ ai hết.

134, **H.** — *Mấy ông Bí-xu hay Sa-ma-na không có học-thức và tư-cách đê-hèn có đáng cho người* **Chơn-chánh-học-phật** *qui-y không*?

**Đ.**— Không. Chỉ có cắt tóc cạo râu, mặc ca-sa, mang bình-bát mà hư-hèn, dốt-nát thì dẫn đường chỉ nẽo cho ai được mà qui-y !

135. **H.** — **Năm điều luật** *tiếng Phạn kêu là Băn-sa Xi-la* (**Pança Sila** = 五戒) *mà người tại-gia đều phải giữ là những điều gì?*

**Đ.** — Làm lễ **Qui-ɣ** rồi thì tiếp đọc luôn Năm điều-luật như vầy :

Tôi xin hứa :

1° **Không giết hay hại các giống sanh-vật.**

2° **Không ăn-trộm, ăn-cắp.**

3° **Không tà-dâm** (tà-dâm là không phải vợ chồng có làm lễ kết hôn chánh-thức).

4° **Không nói dối, nói gạt và cáo-gian.**

5° **Không uống rượu,** (củng không hút thuốc, hút nha-phiến).

136. **H.** — **Năm điều luật** *ấy hàm có ý-nghĩa gì hay không ?*

**Đ.** — Người nào hoàn-toàn theo cho đúng với **Năm điều** ấy thì sẻ tránh được nhiều sự thống-khổ ở đời lắm. Xưa nay trong lịch-sữ bao nhiêu đều ác-liệt xảy ra, nguyên-nhân củng bởi điều nầy hay điều nọ trong **Năm điều luật** ấy.

137. **H.** -- *Có người vì cảnh-ngộ không giữ trọn Năm điều thì được ích-lợi gì không ?*

**Đ.** — Giử được một hay hai điều củng có ích-lợi, song giử trọn hết thì chẳng những đời nầy được khỏi nhiều đều thống-khổ, mà kiếp sau củng sẻ được sung-sướng thảnh-thơi.

138. **H.** — *Ta hi-sanh vì xả-hội mà làm những việc có phạm đến Năm điều luật ấy thì mắc tội lỗi gì không ?*

**Đ.** — Làm việc gì mà không một mảy nào mong ích-lợi cho mình thì không có tội-lỗi gì cả. Muốn mưu hạnh-phước cho loài người mà ra tay cải-tạo một cái xả-hội còn ác-liệt xấu-xa, dẫu có phạm tội phải sa vào **địa-ngục** (1) đi nữa ta cũng bằng lòng, vì đả gọi là **hi-sanh** thì có gì là khổ, mà có gì là vui.

139. **H.**— *Còn điều luật gì người tại-gia tinh nguyện xin giữ mà không phãi ép-buộc ?*

---

(1) Tiếng **Địa-ngục** nầy là tôi mượn để chĩ một cái cảnh rất khổ, xin chớ lộn với tiếng Địa-ngục của người ta thường nói.

**Đ.**— **Tám điều luật** tiếng Phạn là Ắt-tăng-ga Xi-la (**Atthanga Sila** =八戒), gồm **Năm điều** đả kể ở trên (song hai chữ **tà-dâm** trong điều thứ ba sữa lại là **thông-dâm,** nghĩa là dầu cho vợ chồng chánh-thức cũng giữ trong-sạch), và thêm ba điều :

Tôi xin hứa :....

6° **Không ăn trái giờ** (nghĩa là không ăn sau giờ ngọ).

7° **Không đờn, ca, múa, hát; không xem, nghe các cuộc vui-thú thế-gian.**

8° **Không dùng chất thơm-tho, đồ trang-điểm.**

140. **H.**— *Ắt-tăng-ga Xi-la có phãi người tại gia nên giữ trọn đời như* **Năm điều luật** *không ?*

**Đ.**— Giữ bao lâu tùy-ý, được **nghĩ** rồi xin hứa lại, song ít nửa cũng phải giử cho trọn hai-mươi bốn giờ.

141. **H .** — **Mười điều luật** *gì của người xuất-gia ?*

**Đ.**— Mười điều ấy tiếng Phạn là Đa-xa Xi-la (**Dasa Sila**=十戒), ngoài **Tám điều luật** đả kể ở trên, còn giữ thêm hai điều nửa :

Tôi xin hứa :....

9° **Không nằm giường cao, rộng và xinh-tốt.**

10° **Không chứa cất tiền bạc châu-báu.**

142. **H.** — *Ta phạm mấy điều hứa là bởi những gì ?*

**Đ.** — Bởi **ý, thân** và **miệng**. Ý-tưởng còn tham, còn sân, cho nên phát-lộ ra thân thì sát-sanh, trộm cắp, tà-dâm, miệng thì nói dối, nói gạt và cáo gian cho người.

143. **H.** — *Người đạo Phật làm thế nào mới được công-đức lớn ?*

**Đ.** — Công-đức ở trong lòng, mà không ở các việc làm từ-thiện. Tuy làm nhiều việc gọi là từ-thiện mà trong lòng không tốt thì chỉ ích-lợi cho người, chớ chính mình không được gì cả. Ví-dụ như một người giàu-có đem của ra cất chùa, lập trường học, lên tượng Phật, làm chay, cúng-cấp mấy thầy tu, bố-thí kẻ nghèo-khó, đào ao chứa nước, trồng cây theo đường, lập nhà dưỡng lảo, cất nhà bảo-sanh, làm đủ hết các việc từ-thiện v. v., nếu vì tiếng khen mà làm, vì kiếp sau được phước mà làm, hay vì những cớ ích-kỷ gì khác mà làm thì chỉ có chút-đỉnh phước mà thôi, chớ không có công-đức gì cả ; song, trái lại, một người vì lòng thương-xót đồng-bào, đồng-loại mà làm, dầu một việc làm không hao-tốn bao nhiêu, cũng được công-đức rất lớn. Cho đến việc làm phải, làm quấy của người ta mà mình vui-mầng, bằng-bụng theo thì cũng phải chia phước, chia tội với người làm.

144. **H.** — *Có việc làm nào được công-đức lớn hơn hết ?*

**Đ.** — Chỉ có **tuyên-truyền Phật-pháp** là được công-đức lớn hơn hết các việc từ-thiện.

Vì Phật-pháp chẳng những dạy người có lòng thương-xót, làm các việc từ-thiện đặng cứu cái **Khổ quả** cho đời, mà dạy người giải-thoát được lòng chấp-trước là **nguyên-nhân** của cái **khổ-quả** nữa vậy.

145. **H.** — *Oai-thần của Phật có cứu-vớt được những tội-lỗi của ta làm ra không ?*

**Đ.** — Không bao giờ. Người nào muốn giải-thoát thì phải tự-cứu lấy. Chưa được giải-thoát thì còn chết đi sống lại mải, khốn-khổ vì vô-minh, tôi-mọi cho dục-vọng.

146. **H.** — *Vậy thì Phật đối với chúng ta và muôn loại thế nào ?*

**Đ.** — Phật là một đấng sáng-suốt đả tìm được cái nguyên-nhân sự khổ và phương-pháp thoát-khổ, đối với ta là một người Hướng-đạo đưa đường chỉ lối cho ta khỏi cảnh hiểm nghèo ; còn sự muốn thoát-khổ, hay chất thêm nghiệp-khổ là tại ta, chớ không trông-mong ở Phật được.

147. **H.** -- *Ta có thể cắt nghĩa Phật-pháp ra bằng một tiếng vắn-tắc gì ?*

**Đ.** — Tiếng : Công-lý.

148. **H.** — *Vì sao ?*

**Đ.**— Vì Phật-pháp dạy rằng người nào gây ra Cát-ma hay **Nghiệp** lành hoặc dử bao-nhiêu thì sẽ chịu đúng lấy cái **quả** vui hoặc khổ bấy nhiêu, không nhiều hơn củng không ít hơn. Một việc làm dầu nhỏ-mọn đến đâu, bí-mật thế mấy, cũng không tránh được cái cân công-

bình cũa Cát-ma hay Nghiệp-báo. Mà **Nghiệp** của ai gây thì nấy chịu, không ai thế cho ai được ; củng không một vì Thần, vì Thánh hoặc một đấng Thiên-liêng nào mà cứu vớt giùm tội-lỗi hay đoạt lấy công-đức của ta được, ấy cho nên mới gọi là **Công-lý**.

149. **H.** — *Cái yếu-nghĩa cũa Phật-pháp còn có tiếng gì khác nửa để chỉ ra không ?*

**Đ.**— Có : Tu-thân và Bác-ái (自覺覺他= **Cầu sáng cho mình và khai sáng cho đời**).

150. **H.** — *Lần thứ nhứt Phật thuyết pháp cho năm thầy Bi-xu ở vườn Lộc-dã* (鹿野= **rừng cà-tong**), *Phật thuyết về đề-mục gì ?*

**Đ.**— Về **Bốn lẽ thiệt** (hay là **Bốn nghỉa mầu**=四妙諦) và **Tám đường chánh** (八正道). Đồng-thời Phật cũng dạy mấy thầy Bi-xu nên tránh hai đều thái-quá : Ham-mê vật-chất và ép xác hảm mình. Một đàng thì đê-hèn nguy-hiểm, một đàng thì cực-khổ vô-ích. Không ham-mê vật-chất, mà cũng không ép-xác hảm-mình, mới phải con đường **Trung-đạo** *(đường chính giữa)* ; đi theo con đường chính-giửa ấy mới được sáng-suốt và đến cỏi Niết-bàn.

151. **H.** — *Phật có công-nhận sự cúng vái Thánh, Thần, Ma, Quĩ không ?*

**Đ.**— Không bao giờ ; Phật rất phản-đối về sự cúng-vái huyền-hoặc dị-đoan ấy.

152. **H .**— *Vậy sao mấy người theo đạo Phật*

*củng dưng hoa đốt hương ở trước hình-tượng Phật ?*

**Đ.**— Phải, nhưng ý-nghĩa khác với kẻ mê-tín, cúng-vái huyền-hoặc dị-đoan kia.

153. **H.** — *Khác nhau thế nào ?*

**Đ.** — Người mê-tín họ tưởng rằng trong tượng ảnh vẫn có một phần anh-linh, nên họ thờ-phụng cúng-vái để cầu tiêu tai được phước.

154. **H.** — *Còn người đạo Phật thì nghĩ sao ?*

**Đ.** — Người đạo Phật dâng hoa đốt hương ở trước hình tượng Phật chẳng qua là tỏ lòng tưởng nhớ đến đức Đại-từ, Đại-bi, Đại-thánh, Đại-trí là đấng đả tìm phương cứu khổ cho mình, chớ không có ý gì cầu vái cho tiêu tai được phước cả. Cũng như ở Âu-châu người ta đặt tràng hoa (**couronne**) ở trước đài chiến-sĩ hay trước mộ danh-nhơn để tỏ lòng sùng-bái những bậc hào-kiệt anh-hùng đả từng khó nhọc vì dân vì nước vậy thôi. Đối với Phật, nếu ta đả từng biết sự đau-đớn ở đời, thì Phật đáng cho ta tưởng nhớ và sùng-bái hơn ai hết.

155. **H.** — *Có người tưởng rằng làm như vậy sẻ được Phật rước về cỏi Phật thì sao ?*

**Đ.** — Trong kinh Đại Niết-bàn (**Mahâ Pari Nirvâna Sutta**), Phật có dạy rằng: « Nếu ai muốn được giải-thoát thì tu ở trong lòng, chớ không phải cúng-bái bề ngoài, cũng không phải cúng lạy Phật hay cúng lạy ai mà mong giải-thoát được ».

156. **H.** — *Vậy thì đạo Phật không có cúng lạy ?*

**Đ.** — Phải, Phật cho cái tục cúng lạy bề ngoài làm cho đạo-tâm thêm mờ-ám. Phật nhiều lần thuyết-pháp phản-đối cái tục ấy, và cấm các thầy Bí-xu không cho đi vào con đường ấy.

157. **H.** — *Muốn tỏ lòng nhớ-tưởng và sùng-bái Phật bằng một cách nào cao-thượng hơn sự dâng hoa đốt hương ở trước hình tượng Phật ?*

**Đ.** — Làm các việc từ-thiện và tuyên-truyền Phật-pháp cứu khổ cứu nạn cho đời, làm cho thiệt-hiện cái lòng từ-bi bác-ái đối với quần-sanh nhơn-loại, mới phải là người biết nhớ tưởng Phật, sùng-bái Phật. (1)

158. **H.** — *Đạo Phật có cho ếm bùa, bỏ ngãi, coi ngày, lựa giờ, sai đồng, cầu cơ, xin xăm, coi quẻ, cúng sao cúng hạn, coi tướng coi số hay không ?*

**Đ.** — Không bao giờ. Trong kinh Bờ-ra-ma-

---

(1) Thật vậy, Phật bỏ vợ, bỏ con, bỏ ngôi, bỏ nước, bỏ hết mọi sự vui-sướng ở đời là vì quyết ra tay cứu khổ cho quần-sanh, nhơn-loại mà thôi. Vậy những người có đạo Phật chỉ biết cất chùa cho tốt, đúc Phật cho to, hương thơm, trái qui cúng Phật, mà không cứu khổ cho xã-hội nhơn-quần, lại còn tàn-nhẫn với đồng-bào đồng-loại, thì không phải là người biết nhớ tưởng Phật, sùng-bái Phật, mà còn làm cho người ta ác-cảm Phật, thù ghét Phật, công-kích Phật nữa.

gia-la **(Bramajâla Sutta)** Phật có dạy rỏ-ràng rằng mấy việc ấy đều là sự dị-đoan, trái hẳn với chơn-lý. Vậy những kẽ làm mấy đều ấy hẳn là tín-đồ của tà-giáo mà không phải của Phật-giáo, vì trái với chánh-nghĩa của Phật dạy.

159. **H.** — *Trong Phật-giáo có điều gì buộc người ta phải tin mà không nên phán-đoán không ?*

**Đ.** — Không. Phật đã dạy hẳn-hòi rằng chẳng luận điều gì có ghi chép trong sách-vở, hoặc từ trong miệng của mấy người hiền-triết nói ra, hay là cũa tiên-nhơn ta lưu-truyền lại, đều không được nhắm mắt tin càn, mà trước phải suy-xét phán-đoán coi có đúng lý hay không đả.

160. **H.**— *Thế nào gọi là điều thiện và điều ác ?*

**Đ.**— Quyết lòng làm một việc ích-lợi cho người, bớt sự đau-đớn cho người là đều thiện ; trái lại, làm cho người buồn-rầu thống-khổ là đều ác.

161. **H.** — *Đạo Phật có cho* **gặp ác thì trả ác** *không ?*

**Đ.**— Trong kinh Đa-ma-ba-đa (**Dhamma-pada**) có nói rằng: «Nếu một người ngu-dại mà mưu hại ta, ta nên hết lòng bảo-hộ cho người ấy ; nếu họ còn cố hại ta nữa, ta lại càng cố ban sự lành cho họ.» (Ấy là Phật dạy cá nhơn đối với cá nhơn mà thôi.)

162.**H.**— *Phật có công-nhận sự tàn-ác không?*

**Đ.**— Không bao giờ. Trong **Năm điều luật**

và nhiều bài Phật thuyết-pháp đều khuyên chúng ta phải có một tấm lòng bác-ái đối với muôn loài, và phải ra tay cứu-khổ. Chẳng những mình không làm sự sát sanh hại vật, mà cũng không công-nhận, không xúi-giục ai làm.

163. **H.**— *Lời ấy trong kinh nào nói ?*

**Đ.** — Kinh Đa-mi-ca **(Dhammika Sutta)** : « Người chủ nhà không nên tự mình giết, cũng không nên bằng lòng cho người giết và cũng không nên xúi người giết một vật nào. Chẳng nên tự mình hại, hoặc bằng lòng cho người hại, hoặc xúi người hại một vật nào.»

164. **H.**— *Trong kinh nào nói về sự uống rượu ?*

**Đ.** — Kinh Đa-mi-ca: « Không nên tự mình uống, không nên mời người uống, cũng không nên thấy người uống mà bằng lòng ».

165. **H.** — *Rượu có hại gì mà Phật bảo chúng ta đừng uống ?*

**Đ.** — Tuy nó vô-hại, song bởi say-sưa mà gây ra các đều tội lỗi, điên-cuồng, mất hết trí-huệ.

166. **H.** — *Phật-giáo đối với vấn-đề hôn-thú ra thế nào ?*

**Đ.** — Được hoàn-toàn trinh-tiết thì càng minh-mẫn tinh-thần, song có kết hôn thì chỉ một vợ một chồng mà thôi. Phật rất phản-đối cái chế-độ một chồng nhiều vợ hoặc một vợ nhiều chồng.

167. **H.** — *Lời dạy ấy ở trong kinh nào ?*

**Đ.** — Trong kinh Ăn-gúit-ta-ra Ni-ca-da (**An-guttara Nikâγa**=增一集), chương IV.

168. **H.** — *Phật-giáo dạy cái nghĩa-vụ cha mẹ đối với con là thế nào ?*

**Đ.** — Cha mẹ phải dạy con xa đường tà-dục, vào đường đạo-đức; dạy cho biết khoa-học, biết mỹ-thuật, biết nghĩa-vụ làm chồng làm vợ sau nầy.

169. **H.** — *Còn nghĩa-vụ con đối với cha mẹ ?*

**Đ.** — Con phải giúp đỡ cha mẹ khi già-yếu hoặc túng-thiếu, làm hết thảy các cái nghĩa-vụ gia-đình đả phó-thác cho, và làm thế nào cho rạng vẽ gia-môn.

170. **H.** — *Cái nghĩa-vụ trò đối với thầy ?*

**Đ.** — Trò phải kính mến thầy và vâng lời thầy dạy.

171. **H.** — *Còn nghĩa-vụ thầy đối với trò ?*

**Đ.** — Rán sức rèn-đúc cho học-trò có đủ tư-cách, làm một người có ích-lợi cho xả-hội nhơn-quần, không nên đào-luyện cho chúng nó có cái khối óc vì danh hèn lợi hảo.

172. **H.** — *Nghĩa-vụ chồng đối với vợ ?*

**Đ.** — Phải thương-yêu, kính-trọng, son sắt một lòng, và tùy phận mà sắm đồ nữ-trang, y-phục cho vợ.

173. **H.**— *Còn nghĩa-vụ vợ đối với chồng ?*

**Đ.**—Cũng phải thương-yêu kính-trọng chồng, coi-sóc việc nhà cho giỏi-giang nhậm-lẹ, mà điều thứ-nhứt là cần-kiệm và trinh-tiết.

174. **H.** — *Mấy điều dạy ấy lấy ở trong kinh nào ?*

**Đ.** — Trong kinh Xi-ga-lô-hoa-đa **(Sigâlôvâ-da**=尸迦羅越**)**.

175. **H.** — *Cũa-cãi có thể làm cho người ta kiếp sau được sung-sướng không ?*

**Đ.**— Đó là tùy theo người có của. Biết đem của mình ra mà giúp đở cho nhơn-loại, cứu vớt cho kẻ khốn-cùng, kẻ bị đè-nén, kẽ còn ngu-muội, như vậy mới được phước về kiếp sau.

176. **H.** — *Trái lại thì sao ?*

**Đ.**— Nhưng, nếu giàu-có lại tham-lam vô-độ, bóp-nặn người ta mà lấy tiền, mất hết lương-tâm, gây ra tội-ác thì đương đời sẻ bị khốn-nạn và phải mang lấy cái ác-quả về sau.

177. **H.** — *Phật cho năm việc làm gì là hèn-hạ xấu-xa hơn hết ?*

**Đ.**— Là : Bán rượu, bán súc-vật đễ đem vào lò-heo, bán thuốc-độc, bán khí-giải giết người và buôn-bán **người ta** mà kiếm ăn.

178. **H.** — *Hạng người nào khó mong cho đắc-đạo ?*

**Đ.**— Hạng người giết cha mẹ nó và giết kẻ tu-hành đả chứng thánh-quã A-ra ; (阿羅漢); mấy thầy Bi-xu gây mối bất-hòa trong Giáo-hội ; những kẻ muốn làm hại Phật ; hạng người không tin có vị-lai, chỉ bảo chết rồi là hết ; và hạng người ham-mê dâm-dục thái-quá.

179. **H.**— *Người làm ác có phải chịu khổ đời đời để đền lại cái tội-lỗi của họ làm không ?*

**Đ.** — Không, không có tội-lỗi nào đã phạm trong một thời-gian hữu-hạn mà phải chịu cái quả khổ đời-đời; dầu cái tội-lỗi có to lớn đến đâu đi nữa cũng có ngày trả hết. Nếu cái tội làm hữu-hạn mà phải chịu cái quả-khổ vô-cùng, thì thật là bất-công mà cũng thật là tàn-nhẫn. Nhưng theo cái thuyết **Nghiệp-báo** của Phật đả có dạy cho chúng ta thì thật là công-bình. Vì mỗi cái tội ác là chỉ phải chịu khổ tạm-thời để đền lại cho xứng mà thôi, kiếp nầy trả không hết, thì kiếp khác củng phải hết.

180. **H.** — *Vậy thì không có Địa-ngục, không có Thiên-đường ?*

**Đ.** — Không, cái thuyết **Nghiệp-báo** của đạo Phật khác hẳn với thuyết **Vĩnh kiếp ở Địa-ngục hoặc Thiên-đường** của đạo Thiên-chúa, đạo Do-thái và của đạo Hồi-hồi. Không có Địa-ngục cũng không có Thiên-đường. Nhưng trong vỏ-trụ không biết bao nhiêu là thế-giái : có thế-giái tối-tăm khổ-nảo, có thế-giái sáng-láng yên vui, có thế-giái ác-trược xấu-xa, có thế-giái trang-nghiêm thanh-tịnh. Những kẻ đả gây ra tội nặng lỗi nhiều thì sẻ sanh về cái thế-giái tối-tăm khổ-nảo, ở đó chừng nào đền hết tội lỗi, thì được sanh lại làm người ở thế-giái nầy, hoặc có nghiệp lành thì được sanh về thế-giái sáng-láng yên vui

khác. Làm lành cũng vậy, theo nghiệp lành được sanh về cỏi vui-vẻ sung-sướng, đến khi hưởng hết thì hoặc trở lại cỏi nầy, hoặc có nghiệp dử thì sẽ sanh về thế-giái ác-trược xấu-xa khác nữa. (1)

181. **H.** — *Có tội lỗi nào phải đền trả một kiếp nữa không ?*

**Đ.** — Có chớ! Bởi tội-lỗi to-tát quá thì phải đền-trả nhiều kiếp nhiều đời nữa mới hết, hoặc ở thế-giái nầy, hoặc ở thế-giái khổ-nảo khác.

182. **H.** — *Con có chịu tội bởi nghiệp dử của cha mẹ đả làm ra không ?*

**Đ.** — Không. Ai làm nấy chịu. Nếu một người làm mà người khác phải chịu thì đâu được gọi là Công-lý !

183. **H.** — *Nhưng ta thường thấy người con giống in cha mẹ cả hình-thể và tâm-tính : hoặc hiền, hoặc dữ, hoặc mạnh, hoặc đau đều của cha mẹ di-truyền, cũng như cha mẹ để lại sự giàu-có hay sự nghèo-khổ cho con vậy. Cái đó hình như nó trái với thuyết* **Nghiệp-báo** *chăng ?*

**Đ.** — Không, đả không trái mà lại làm cho vững thêm cái thuyết ấy nữa. Chúng ta giống in cha mẹ là vì trong khi đầu thai, không còn

(1) Những người học Phật không nên chê thế-giái khổ-nảo mà tìm thế-giái yên-vui ; cứ ở thế-giái khổ-nảo mà bền lòng hết sức ra tay cải-tạo cho trở nên thế-giái yên-vui thì mới phải là người học Phật. Vì chúng-sanh còn khổ, một mình ta vui-sướng sao đành ?

ai hợp với ta hơn là cha mẹ, nghĩa là chỗ sẻ chịu quả-báo đó xứng-hợp với **Nghiệp** của ta, nên mới đầu-thai vào đó. Bởi nguyên-nhân thế nào thì kết-quả củng phải như thế, cho nên tư-bẩm của con đều giống-hệt cha mẹ, từ tướng-mạo, tâm-tình cho đến cách ăn thói ở. Nhiều cái đặc-tánh của con giống với cha mẹ, nhà khoa-học chỉ cho cái tên là **Di-truyền (Hérédité)**, nếu không có cái thuyết **Luân-hồi** và **Nghiệp-báo** thì khó giải cho viên-mản được.

184. **H.** — *Còn trái lại, người ta củng thường thấy con khác nhau với cha mẹ thì sẻ cắt nghĩa ra làm sao ?*

**Đ.** — Cái đó cũng đúng với thuyết **Nghiệp-báo** nửa. Dầu cho người con mắc phải cái **nghiệp** đời trước lôi vào chỗ hợp với nó mà đầu thai đi nữa, song nó cũng có những cái cá-tánh độc-lập **(individualités indépendantes)**, nghĩa là ngoài những cái đặc-tánh di-truyền của cha mẹ, nó cũng có cái **Nghiệp riêng (Karma particulier=別業)** của nó. Nếu cái **Nghiệp riêng** ấy phát-triển ra, thì người con khác hẳn với cha mẹ của nó. Muốn nói cho dễ hiểu: dầu người con có bị nghiệp xấu đời trước phải đầu thai vào một cái nhà cha mẹ khó nghèo, dốt-nát đi nữa, mà biết cố chí làm ăn, gia-công học hỏi thì sẻ trở nên một nhà giàu có, một người thông-thái, khác hẳn với cha mẹ.

185. **H.** — *Người hiền-lành nhơn-đức thường bị hoạn-nạn thống-khổ, vậy chẳng là trái với luật* **nhân-quả ?**

**Đ.** — Không, nhân quả không sai. Ấy là vì đền tội-lỗi đả gây ở kiếp trước, kêu là cái kết-quả của Nghiệp không thuận (**Karma défavorable**=不順業).

186. **H.** — *Người hung-ác tàn-bạo lại được may-mắn vui-vẻ thì sao ?*

**Đ.** — Ấy cũng vì hưởng phước bởi công-lao đả tạo ở đời trước, kêu là cái kết-quả của Nghiệp thuận (**Karma favorable**= 順業). Nhưng đến khi hưởng hết quả vui rồi thì phải chịu quả khổ trong kiếp nầy hoặc kiếp sau bởi cái nghiệp hung-ác tàn-bạo cũa nó đả gây ra đó. (1)

187. **H.**— *Tự-sát có thể tránh được* **Nghiệp-báo** *không ?*

**Đ.**— Không. Muốn khỏi Nghiệp-báo thì phải rán chịu thống-khổ mà đền xong nghiệp trước, và phải ăn-ở hiền-lành ngay-thật, đừng gây thêm ác-nghiệp sau nầy. Những kẻ giết mình để mong khỏi sự đau-đớn ở đời thì thiệt là điên cuồng dại-dột. Bởi vì còn Nghiệp thì còn phải đầu-thai kiếp khác mà đền-bồi; chừng nào

(1) Nghiệp **dữ** cũa người ta không phải như **sữa** mà đặc liền được, nhưng như **lửa** vùi dưới tro, thủng-thỉnh ngún lần, thình-linh bốc lên cháy tiêu cái nhà **hạnh-phước** mà người ta tưởng là chắc-chắn, là lâu-dài cho nên họ mới vững lòng làm ác.

Nghiệp-nhân hết thì khổ-quả mới dứt mà thôi.

188. **H.** — *Phật-giáo có nói Linh-hồn là chẳng chết, là hằng sống đời đời không ?*

**Đ.** — Không. Tiếng **linh-hồn** người ta thường dùng có hàm-súc một cái ý-nghĩa sai lầm. Những kẽ mê-muội không biết được cái Bản-thể của Vỏ-trụ và vạn-vật mới tin rằng có linh-hồn ở tạm trong xác-thịt là một cái Bản-chất duy-nhứt (**entité unique**), hằng sống đời-đời thôi.

189. **H.**— *Vì sao mà không nhận có linh-hồn?*

**Đ.**— Vì bao nhiêu sự-vật ở đời đều biến-đổi, thì người và các bộ-phận cũa người củng đều phải biến đổi, không ra ngoài được cái luật chung ấy. Mà vật gì đả biến-đổi thì không có thể hằng sống đời-đời mải được. Nếu nhận có linh-hồn tức ta cho người là một cái bản-chất phân-cách với các bản-chất khác và củng phân-cách với Vỏ-trụ nửa. Cái ý **bản-chất phân-cách** ấy ngày nay nhà khoa-học cũng cho là sai.

190. **H.** — *Vậy thì người không có cái* **ta** *riêng, cũng không được nói cái kia hoặc cái nọ* **cũa ta** *phải không ?*

**Đ.**— Phải, chỉ có một cái toàn-thể bao-quát, hết thảy chúng ta và muôn sự, muôn vật đều chỉ là phần-tử hợp-tập lại đó thôi.

891. **H.** — *Nếu đã nói không có linh-hồn, vậy cái gì làm cho người ta cảm-giác rằng mình có một cái* **ta** *hằng còn mải-mải ?*

**Đ.** — Cái đó tiếng Phạn kêu là Tăng-ha (**Tanha**), Tàu dịch là ái (愛), tức là cái **lòng tham sống**. Bởi cái lòng tham sống mới gây ra Cát-ma hay nghiệp, bởi cái sức cũa Nghiệp mới có luân-hồi tái-sanh trong nhiều kiếp nhiều đời. Nếu Cát-ma hết, Tăng-ha dứt thì không còn tái-sanh nữa, không còn hình-chất, không có vật gì gọi là linh-hồn.

192. **H.**— *Tăng-ha và Cát-ma khác nhau thể nào ?*

**Đ.** — Tăng-ha hay cái lòng tham sống (**la volonté de vivre**) là cái nguyên-nhân sanh-tử, nghĩa là chúng ta cứ chết đi sống lại mải kiếp nầy qua kiếp khác cũng bởi cái lòng tham sống ấy mà ra. Cát-Ma hay Nghiệp là tư-cách cá-nhơn (**caractère individuel**) của ta, chính nó định cái đời của ta về hình-thể, về thiên-tư, về số-phận : hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc dại, hoặc khôn, hoặc vui, hoặc khổ do bởi các việc làm lành hoặc làm dữ ở kiếp trước. Nghiệp là sợi dây xiềng buộc cái nguyên-nhân và cái kết-quả lại. Ví như người uống rượu, bởi cái **muốn (Tăng-ha)** làm nguyên-nhân, mới tập uống (**các việc làm hoặc lành hoặc dữ**) mà phải bị **ghiền (Nghiệp)**, bởi **ghiền** cho nên cứ ra vào quán rượu (**luân-hồi sanh-tử**) mà chịu cái quả say-sưa vậy.

193. **H.** — *Nếu không có linh-hồn, vậy chớ vật gì tái-sanh ?*

**Đ.** — Năm cái Sít-căn-đa (**les 5 Skandhas**) hay là Ngủ-uẩn (五蘊= **năm món tích-tụ**) giả-hợp lại.

194. **H** -- *Ngủ-uẩn là những gì ?*

**Đ.** — 1° Sắc-uẩn (色蘊=**Rûpa**), là hết thảy hình sắc (**thuộc về hiện-tượng vật-chất**); 2° Thọ-uẩn (受蘊= **Vêdanâ**), là sự cảm-giác (**les sensations**); 3° Tưởng-uẩn (想蘊= **Sannâ**), là sự tưởng-tượng (**les idées abstraites**); 4° Hành-uẩn (行蘊= **Samkhârâ**), là sự khuynh-hướng hay hành-vi trong lòng (**les tendances ou actions de l'esprit**); 5° Thức-uẩn (識蘊 = **Vijnâna**), là ý-thức, tức là sự hiểu-biết phân-biệt (bốn cái sau đều thuộc về hiện-tượng tinh-thần). Khi người ta chết thì năm cái Sít-căn-đa hay là Ngủ-uẩn ấy tan-rả ra, không có vật gì gọi là linh-hồn, nghĩa là không có một cái bản-chất duy-nhứt (**entité unique**) hằng sống đời-đời nào cả.

195. **H**. — *Ngủ-uẩn mỗi người khác nhau, nghĩa là về hình-thể, về tâm-tinh hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc khôn, hoặc dại chẳng đồng là tại đâu?*

**Đ.** — Tại Cát-ma hay Nghiệp-báo về kiếp trước của mỗi người gây ra hoặc lành hoặc dử chẳng giống nhau.

196. **H.** — *Bởi cái động-lực (sức làm cho*

*chuyển động) gì làm cho người ta tái-sanh lại để cho Nghiệp-báo chi-phối (cai quản)?*

**Đ.** — Bởi Tăng-ha (**Tanhâ**=愛) hay là cái lòng tham sống (**la volonté de vivre**); nó không khác như **chất keo** ráp năm cái Sít-căn-đa hay Ngũ-uẫn dính (**hợp**) lại.

197. **H.** — *Ngủ-uẩn hợp lại bởi chất keo* **Tăng-ha** *của người tái-sanh có phải cũng Ngũ-uẩn kiếp trước của người ấy không?*

**Đ.**— Ngủ-uẩn kiếp nầy tuy khác với Ngủ-uẩn kiếp trước, nhưng không phải là không quan-hệ nhau. Chính trong kiếp nầy, Ngũ-uẩn củng biến-đổi luôn (theo nhà Sanh-lý-học củng nói rằng trong bảy năm thì thân-thể con người đều đổi khác cả). Ví-dụ người A. B. bốn mươi tuổi củng vẫn là người A. B. hồi mười tám tuổi, nhưng thân-thể, tánh-cách và tâm-tình đều biến-đổi không giống với khi mười tám tuổi nữa. Tuy khác thì có khác, nhưng ông già A. B. bốn mươi tuổi đó phải chịu cực-khổ hay được sung-sướng đều do ở trong lúc thạnh-niên biếng-nhác hay siêng-năng mà ra. Người luân-hồi tái-sanh lại cũng vậy, tuy Ngủ-uẩn kiếp nầy khác với Ngủ-uẩn kiếp trước, nhưng kiếp trước đả tạo Nhân nào ra thì kiếp nầy phải lảnh lấy Quả nấy.

198. **H.** — *Ông già A. B. bốn mươi tuổi tuy thân-thể, tâm-tình biến-đổi, khác hẳn với lúc thanh-niên, nhưng việc khi còn thanh-niên củng vẫn nhớ được luôn; còn chúng ta kiếp*

*nầy thì không nhớ được việc kiếp trước cũa chúng ta là vì sao ?*

**Đ.** — Chúng ta không nhớ được kiếp trước là bởi con mắt chúng ta còn bị cái màn **vô-minh** che tối, không thấy được cái bãn-tánh hay chơn-tâm của ta. Một kiếp của ta không khác như một giấc mộng. (1)

199. **H.**— *Xin lấy một cái ví-dụ gì cho dễ hiểu ?*

**Đ.** — Ví-dụ trong một đêm, chúng ta có thấy nhiều giấc mộng, hoặc khi thì làm vua, hoặc khi thì làm ăn-mày, khi thì nghèo-nàn khốn-khổ, khi thì giàu-có phong-lưu, chỉ cũng một người **(la même individualité)** vì nhiều giấc mộng mà thấy có nhiều hình-trạng khác nhau vậy thôi. Khi làm người giàu-có trong giấc-mộng nữa đêm không nhớ được khi làm người nghèo-khổ trong giấc-mộng đầu-hôm, giấc-mộng giờ Dần làm vua không nhớ được làm ăn-mày trong giấc-mộng giờ Tí. Nhưng đến khi tỉnh-thức, thì chẳng những nhớ hết các giấc-mộng trong một đêm rồi, mà cũng có thể nhớ được hết các giấc-mộng trong nhiều đêm

(1) Muốn biết tại sao kiếp nầy ta không nhớ được việc kiếp trước, thì nên dùng tiếng triết-học bây giờ là tiếng **mémoire** để cắt nghĩa cho dễ hiểu : **Mémoire** hay là trí nhớ trong Sit-căn-đa, khi chết thì tan-rả ra mà không theo qua cái kiếp khác nửa. Bởi vậy kiếp sau của ta không còn có sự hiểu biết, sự kinh-nghiệm ở kiếp nầy được. Chỉ có linh-tánh (**caractère moral**) sau khi chết là còn lại thôi.

trước nữa. Chúng ta luân-hồi nhiều kiếp, Ngũ-uẩn khác nhau, thân-tâm kiếp nầy không giống với thân-tâm kiếp trước, nhưng chỉ cũng là ta (le même moi), củng như chỉ có một người (**la même individualité**) vì nhiều giấc mộng mà thấy có nhiều hình-trạng khác nhau vậy. Chúng ta ở kiếp nầy không nhớ được việc kiếp trước, không khác như người trong giấc mộng giờ Dần không nhớ được người trong giấc mộng giờ Ti vậy. Nhưng đến khi hết mộng mà tỉnh-thức, nghĩa là được sáng-suốt hoàn-toàn, là Phật, thì nhớ hết các việc trong nhiều kiếp đả qua.

200. **H.** — *Chúng ta tu chứng quả A-ra có nhớ được công-việc kiếp trước của mình làm không ?*

**Đ.** — Được. Nhưng sau khi đả dứt hết **Mười sợi dây chướng-ngại** (1) mới chứng

---

(1) Mười sợi dây chướng-ngại Tàu kêu là **Thập-sữ** = 十使 hoặc **Thập-kiến** = 十見, nhưng đôi bên có một vài chổ khác nhau, vậy xin trưng Thập-sử ra đây để tham-khảo :

1° 貪 Lòng tham dục; 2° 瞋 Lòng sân-hận; 3° 無明 Lòng ngu-si mê-muội; 4° 慢 Lòng kiêu-căn; 5° 疑 Lòng hoài-nghi nhẩn lên là năm cái sữ ngu-độn); 6° 身見 Chấp có **ta** và có vật **của ta,** vì chẳng biết cái **thân** là Ngủ-uẩn giả-hợp mới lầm chấp rằng có cái **thân ta** thiệt ( 我見), và không biết các vật bên

được quả A-ra, nghĩa là mới khỏi vòng sanh-tữ, chứng được Niết-bàn.

201. **H.** — *Mười sợi dây chướng-ngại ấy là những gì ?*

**Đ.** — 1° Lầm tưởng rằng có cái **ta (le moi)** hay là cái linh-hồn chẳng chết (**Sakkâya ditthi**=身見，又云我見)；

2° Lòng hoài-nghi, nghĩa là đối với các chơn-lý cứ do-dự mà không có cái chỗ thấy quyết-định (**Vicikiechâ**=疑見)；

3° Mê-tín rằng dâng hương, cúng lễ, quì lạy, cầu xin và làm các việc về hình-thức tôn-giáo là có thể đến Niết-bàn được (**Silabbata parâmâsa**=戒禁取見)；

4° Ham-mê các sự vui-sướng về xác-thịt (**Kâma**=貪欲)；

---

mình không phải của một chũ nhứt-định, mới chấp rằng vật sỡ-hữu **của ta** thiệt (我所見)；7° 邊見 Chấp có linh-hồn chẳng chết (常見), hoặc chấp rằng chết rồi là hết, không còn gì nữa (斷見)；8° 邪見 Bác rằng không có nhân-quả；9° 見取見 Chấp cái thấy, cái biết thấp-hèn của mình là hay, là đúng；10° 戒禁取見 Chấp các điều phi-lý (như các sự mê-tín v. v.) là có thể sanh về cỏi Trời được, hoặc chấp các cách khổ-hạnh (như nhịn đói hầm mình v. v.) là có thể đến Niết-bàn được (nhằn lèn kêu là năm cái sử lanh-lợi).

5° Lòng sân-hận (**Patigha**=瞋恚);

6° Lòng tham sống, nghĩa là muốn xác thịt sống lâu ở đời (**Rûparâga**=..... ?);

7° Mong về chốn Thiên-đường (**Arûparâga**=..... ?);

8° Kiêu-căng (**Mâna**=慢);

9° Tự-phụ rằng mình hơn người (**Uddhacca**=見取見);

10° Vô-minh hay là ngu-muội (**Avijjâ**=無明).

202. **H.** — *Bao giờ ta mới được mản kiếp Luân-hồi ?*

**Đ.** — Chừng nào được hoàn-toàn sáng-suốt, được đến Niết-bàn, là Phật, thì không còn luân-hồi chịu cái Ngủ-uẩn hay cái thân tâm biến đổi nữa.

203. **H.** — *Nếu đến Niết-bàn rồi,như Phật, thì không còn luân-hồi, nghĩa là không còn cái thân tâm hữu-hình nữa, vậy thì cái lời Phật thệ* **chúng-sanh còn trầm-luân thì ta chưa chịu thành Phật** *chẳng là không thật ?*

**Đ.**— Không, Phật không bao giờ nói dối. Chúng ta bị **Nghiệp** lôi dắc mà phải luân-hồi tái-sanh, không khác như bị **ghiền** mà phải ra vào quán rượu hoặc tiệm thuốc phiện vậy. Trái lại, Phật đả được Niết-bàn, không bị Cát-ma hay Nghiệp-lực cai-quản, không bị nghiệp lôi đi luân-hồi tái-sanh, tái-sanh là vì lòng Từ-bi, vì bổn-nguyện, củng như người **không ghiền,**

không bị **ghiền** sai-khiến, xúi-giục, mà tự-do ra vào quán rượu, tiệm thuốc, tỏ bày lợi-hại để tế-độ cho bọn ghiền chúng ta vậy.

204. **H.** — *Phật-giáo dạy người ta làm lành để cầu đến Niết-bàn phải không ?*

Đ.— Không bao giờ. Nếu làm lành mà có ý cầu cho mình được đến Niết-bàn, thì có khác nào người ích-kỷ họ làm lành để cầu lợi cầu danh đâu. Muốn đến Niết-bàn phải dứt hết lòng ích-kỷ, bỏ mình mà cứu giúp muôn loài. Làm lành mà trông cầu cho được quả phước hay được lên Thiên-đường, thì trái với cái **Đời-chánh** (正命) trong **Tám con đường chánh**(八正道) của Phật dạy. Cái **Đời-chánh** là làm lành không cầu được một phần thưởng nào hết, nghĩa là đã không gây **nghiệp-dữ**, mà **nghiệp-lành** củng không chấp-trước,không khác như mảnh gương đã không bị màu đen che tối, củng không bị màu đỏ làm cho lu-lờ, thì mới thiệt là hoàn-toàn sáng-suốt, như vậy mới được đến Niết-bàn.

205. **H.**— P*hật-giáo còn lấy một cái nguyên-tắc gì để làm căn-bản ?*

**Đ.** — Ba-ti-ca Sa-mu-ba-đa (**Paticca Samuppâda**= 十二因緣) hay là **Mười hai nhân-duyên** (khởi đầu là Nhân, do Nhân mà sanh ra là Duyên) : 1· Vô-minh (無明= **Avijjâ**), là sự tối-tâm mê-muội; 2· Hành (行=

**Samkhara**), là sự hành-động trong lòng (tham cầu, vọng-động v. v.), cũng kêu là Cát-ma hay Nghiệp ; 3· Thức (識= **Vinana**), là tâm-thức (cái hiểu-biết phân-biệt) hay là **ta** (**je suis moi**) ; 4· Danh-Sắc (名色= **Nâma Rûpa**), là danh-tự (tâm-thức) và hình-sắc (tinh huyết) ; 5· Lục-nhập (六入= **Salayatana**), là sáu giác-quan ; 6· Xúc (觸 = **Phassâ**), là sự cảm-xúc ; 7· Thọ (受= **Veiana**), là sự cảm-chịu ; 8· Ái (愛= **Tanhâ**), là lòng tham-đắm mến-yêu ; 9· Thủ (取= **Upâdâna**), là tìm lấy ; 10· Hữu (有= **Bhava**), là có thân sau ; 11· Sanh (生= **Jati**), là sanh ra đời ; 12· Lảo, tử (老死 = **Javâ, sôkaparadidêsa**), là già, chết.

Nhân sự **Vô-minh** (u-ám, mê-muội) mới sanh ra **hành-động** (tham-cầu, vọng-động v. v.) ; nhân sự **vọng-động** mới sanh ra **tâm-thức** (cái thiên-tánh thứ nhì) ; nhân **tâm-thức** mới có đi đầu thai, cái tâm-thức chỉ có **tên** (danh-tự) mà không **hình** (hình-sắc), khi cái tâm-thức đả chun vào thai mẹ, hợp với tinh-huyết, mới kêu là **danh-sắc ;** khi ở thai mẹ đả thành hình, có đủ sáu giác-quan (hay là sáu căn : mắt, mủi, tai, lưỡi, thân-mình và ý-thức), ấy mới gọi là **lục nhập** (nghỉa là **sáu trần** do **sáu căn** mà lọt vào) ; ở thai mẹ đủ tháng sanh ra, thì **sáu căn** tiếp-xúc với **sáu trần** (1· hình-sắc, 2· tiếng-tâm, 3· hơi thơm thúi, 4· mùi-vị,

5· vật rờ đụng được, 6· muôn sự muôn vật hoặc hữu-hình, hoặc vô-hình), nên gọi là **xúc;** từ 4, 5 tuổi cho đến 14, 15 tuổi thì sáu căn tiếp-xúc với sáu trần đả biết cảm-giác, biết lảnh-chịu, ấy mới kêu là **thọ;** từ 16, 17 tuổi sắp lên, đả biết mê-đắm, nên gọi là **ái;** mê-đắm nên buộc phải kiếm-tìm cho thỏa-thích lòng dục, ấy gọi là **thủ;** bởi làm cho thỏa lòng dục thì ắt có tạo nghiệp-nhân, nên phải có **thân sau** (đầu thai kiếp sau) để trả quả, ấy mới gọi là **hửu;** tạo nghiệp lành sanh về cỏi vui, gây nghiệp dử sanh về cỏi khổ, khi đi đầu-thai ấy gọi là **sanh;** sanh ra có thân thì tự-nhiên phải già, phải chết (còn đau-khổ, buồn-rầu khác nữa), ấy gọi là **lảo, tữ.**

Mười hai **chi** ấy phân-phối với nhân-quả ba đời: Hai chi **vô-minh** và **hành** là nhân đời trước; **thức, danh-sắc, lục-nhập, xúc** và **thọ** năm chi là quả đương đời; **ái, thủ** và **hửu** ba chi là nhân đời nay đương tạo; **sanh, lảo, tữ** hai chi là quả sẻ chịu ở đời sau.

Bởi có nhân đời trước, nên phải chịu quả đời nay, nếu đời nay không dứt cái nhân **ái, thủ, hửu** thì phải chịu cái quả đời sau là **sanh, già, chết** nữa. Mười hai **chi** cứ nối nhau xây-vần mãi-mải, sống đi chết lại không bao giờ cùng!

Mười hai **chi** ấy tóm lại làm ba: **Hoặc**=惑 (vô-minh, mê-hoặc), **nghiệp**=業 và **khổ**=苦.

感業苦

HOẶC NGHIỆP KHỔ

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

無明行識色八觸受愛取有生死老

六名

VÔ-MINH HÀNH THỨC DANH-SẮC LỤC NHẬP XÚC THỌ ÁI THỦ HỮU SANH LÃO-TỬ

HAI NHÂN ĐỜI TRƯỚC

NĂM QUẢ ĐƯƠNG ĐỜI

BA NHÂN ĐƯƠNG ĐỜI

HAI QUẢ ĐỜI SAU

MÊ-NHÂN 集

KHỔ-QUẢ 苦

206. **H.** — *Cái ý-nghĩa* **ăn chay** *thế nào ?*

**Đ.**— Ăn chay là ra bởi cái lòng **từ-bi bác-ái**, không nở để cho vật-loại chịu đau-đớn mà ngon miệng mình; chúng nó củng biết đói, biết lạnh, biết ham sống sợ chết, là loài củng có thức-tánh như mình vậy.

207. **H.** — *Vậy thì ăn chay không phải vì* **vệ-sanh**, *nghĩa là không phải vì chất thịt có độc nên mới ăn rau cải để cho mình được khỏe mạnh sao ?*

**Đ.** — Cái bổn-ý vì **vệ-sanh** mới ăn chay, thật không có chút gì cao-thượng cả. Bởi vì vệ-sanh mà ăn chay là chỉ cầu ích-lợi cho mình, chớ không kể gì đến sự hại vật hay không hại vật. Nếu cái lòng ích-kỷ sâu quá, thì phàm làm việc gì mà được ích-lợi cho mình, chẳng những không kể việc ấy có thiệt-hại đến vật-loại, dầu có thiệt-hại đến nhơn-loại cũng vui mà làm vậy. Cho nên ăn chay mà lấy lòng **từ-bi** làm gốc thì củng không mất phần **vệ-sanh**, nếu lấy **vệ-sanh** làm gốc thì không còn cái ý-nghỉa từ-bi được nửa.

208. **H.** — *Có kẻ nói* **ăn-chay đặng diệt dục** *thì soo ?*

**Đ.**— Chẳng qua là một cái phương-tiện chỉ giúp một phần ít thôi, chớ chẳng phải là phương-pháp cứu-cánh. Có người củng ăn-chay luôn, mà vẫn cũng tham dục, củng sân-

si, củng độc-ác, có khi còn quá hơn người ăn thịt nửa, thì đủ biết mượn ăn chay đặng diệt-dục củng không thấy linh-nghiệm gì ! Muốn diệt-dục thì phải diệt tận gốc mới được, là phải phá tan **cái chấp rằng có ta**; không có **ta** thì còn ai mà dục ? Nếu lầm-tưởng rằng ăn-chay cho khỏi tội, ăn-chay cho được phước, ăn-chay cho hơn người, thì cái **ta** càng lớn mà cái **dục** nhân đó lại càng to thêm nữa.

209. **H.** *Phật-giáo đối với phụ-nữ thế nào ?*

**Đ.**— Phụ-nữ cũng được hoàn-toàn bình-đẳng với đàn-ông. Trong kinh Su-la-huê-đa-la **(Chullavêdalla Sutta)** Phật dạy rằng : « Người phụ-nử nào tu-hành cũng lên đến bậc A-ra như đàn-ông vậy.»

210. **H.** — *Đối với giai-cấp trong xả-hội, Phật dạy thế nào ?*

**Đ.**— Phật dạy rằng : « Người ta sanh ra vốn bình-đẳng mà không có giai-cấp nào cả, nhưng tùy theo việc làm của mỗi người mới thành ra có Ba-ri-a (**Paria**) là hạng cùng-dân hay Bờ-ra-măn (**Bramane**) là hạng qui-tộc vậy thôi.

211. **H.** — *Có một cái ví-dụ nào không ?*

**Đ.** — A-nan-đa một ngày kia đi ngang qua một cái giếng, khát nước quá, bèn xin với Ba-ri-ti (**Prakriti**) là người con gái thuộc hạng cùng-dân (**Paria**). Cô Ba-ri-ti trả lời rằng mình là hạng cùng-dân hèn-hạ không dám dâng nước cho ông uống, sợ thất-lễ. A-nan-đa

trả lời rằng: « Tôi không xin giai-cấp (caste), nhưng tôi chỉ xin nước mà thôi ». Ba-ri-ti mừng-rỡ bèn dâng nước cho A-nan-đa uống. Phật nghe lấy làm khen-ngợi về việc ấy lắm.

212. H. — *Phật có dạy rằng hễ ai không tin đạo Phật thì sẽ bị phạt xuống Địa-ngục hay cảnh khổ không ?*

Đ. — Không. Người làm đều thiện thì sẽ được phước-báo, chẳng luận có tin đạo Phật hay không. Nhưng bọn còn mê-muội chúng ta không khác như kẽ đi lạc đường, vừa qua truông rừng nguy-hiểm, lại lạc vào biển cát mênh-mông, nếu không gặp một người hướng-đạo chỉ con đường bằng-thẳng mau tắt cho ta, là Phật, thì khó mong cho đến nơi đến chốn được, mà trong lòng cứ phải lo-sợ phập-phồng.

213. H. — *Phật-giáo có cho thù ghét, khinh-khi và ngược-đải* (**hà-hiếp**) *những người tín-ngưỡng các đạo khác không ?*

Đ. — Không. Phật dạy chúng ta đối với cả nhơn-loại đều phải thương nhau như anh em một nhà, không luận là người giống nào, nước nào hay đạo nào. Phật dạy chúng ta phải kính-trọng sự tín-ngưỡng của người đạo khác, và không nên hơn thua cải-lẫy cùng nhau về vấn-đề tôn-giáo, trừ ra khi nào muốn tỏ bày chơn-lý để giác-ngộ cho người lầm-lạc, nhưng ra bởi tấm lòng thương-xót mà không có chút gì háo-danh cầu-thắng và tỏ ra cái khí-sắc bất-bình thì mới được. Phật-giáo lại

rất giàu cái tinh-thần khoan-dung đại-lượng, cho nên xem trong lịch-sử không bao giờ thấy Phật-giáo vì sự truyền-bá mà đến phải đổ máu, cũng không bao-giờ thấy Phật-giáo lưu nhập vào một địa-phương nào mà đi hà-hiếp đè-nén những kẻ không chịu tin (1). Vì những kẻ không thấy được chơn-lý hoặc không muốn nghe chơn-lý là có hại cho họ mà thôi, vậy chúng ta càng thương-xót thêm không hết, lẻ đâu còn thù-ghét cho đành.

214. **H.** — *Vì những lẽ gì mà chúng ta cho Phật-giáo khác hẳn với các tôn-giáo khác?*

**Đ.** — Phật dạy rằng: Nhứt-thiết đều bởi **lòng** sanh ra, chớ không có một Đấng tạo-vật; đời nầy liên-tiếp qua đời kia (**continuation de l'existence**), chớ không có một cái linh-hồn chẳng chết; có hạnh-phước, chớ không có cỏi Thiên-đường riêng; tự theo một cái phương-pháp giải-thoát lấy mình, chớ không nhờ một Đấng Cứu-thế nào hết; tự mình ăn-năn chừa lỗi, mà không cần cầu xin, cúng lễ, giải tội (**pénitence**), không cần thầy-tu (**prêtre**), không cần các Thánh xin giùm, cũng không cần ai ban ơn cho cả; và chỉ có một cỏi hoàn-toàn yên-tịnh là cỏi Niết-bàn ở ngay giữa thế-gian nầy, ai tu-hành có đủ trí-huệ, dứt hết vọng-

---

(1 Hiện nay bên Ấn-độ Bà-la-môn-giáo và Hồi-hồi-giáo xung-đột nhau mà không phải Phật-giáo như nhiều người đã nói lầm.

tâm, lai-láng lòng từ-bi đối với muôn loại thì được đến ngay trong kiếp nầy.

Phật-giáo khác hẳn với các Tôn-giáo khác là vì những lẻ ấy.

215. **H.** — *Có phải Phật biết các lẽ ấy chính ở trong đêm được hoàn-toàn sáng-suốt dưới gốc cây Bồ-đi không ?*

**Đ.** Phải; ngoài ra còn các chơn-lý làm căn-bổn cho Phật-giáo nữa, hết thảy đều có chép trong kinh Phật.

216.**H.** — *Có phải chính tay Phật chép ra các kinh-điển ấy không ?*

**Đ.** Ba-tàng kinh không phải chính Phật viết, củng không phải các thầy Bí-xu đệ-tử trực-tiếp của Phật chép lại. Ấy bởi trong nước Ấn-độ đời bấy giờ các chơn-lý về tôn-giáo hay về triết-học không cần chép ra, thầy trò chỉ truyền miệng với nhau rồi cứ in sâu vào trong trí nhớ nhờ bởi thường ôn đi lập lại, vì vậy mà được lưu-truyền mải đời nọ qua đời kia. Phật-giáo lưu-truyền cũng nhờ cách khẩu-truyền ấy, lâu có mấy trăm năm sau khi Phật tịch-diệt. Mải đến sau khi đại-kiết-tập (大結集) hay đại-hội-nghị lần thứ ba (1) về đời vua A-dô-ca, mấy ông Bí-xu A-ra mới chép hết Ba-tàng sách

(1) Sau khi Phật tịch-diệt liền kiết-tập hay hội-nghị lần thứ nhứt trong Động (**Grotte**) Sa-ta-ba-ni (**Satta-panni**= 七葉窟) ở ngoài thành Ra-gia-gờ-ri-ha hay Vương-xá-thành (王舍城 = **Râjagriha**); lần thứ

Phật vào lá buôn (feuilles de palmiers).

217. **H.** — *Các điều chép trong kinh Phật có phãi thuần là chơn-lý không ?*

**Đ.** — Những đều dạy về sự khổ ở đời và con đường giải-thoát thuần là chơn-lý cả. Ngoài ra cũng có nhiều sự sai-lầm.

218. **H.** — *Vậy thì Phật củng có dạy những sự sai-lầm không đúng lý ?*

**Đ.** — Không. Những đều sai-lầm ở trong sách Phật hẳn không phải của Phật dạy, nhưng bởi trải qua nhiều thế-kỷ, người sau thêm vào mới có những sự sai-lầm ấy.

219. **H.** — *Những quyển sách và đoạn sách nào có sự sai-lầm ?*

**Đ.** — Quyển sách và đoạn sách nào luận về khi thế-giới mới thành-lập, hiện-tướng và bản-tánh của địa-cầu, nghĩa là thuộc về các khoa-học tự-nhiên (**les sciences naturelles**). Những đều đả thêm vào đó không phải lời của Phật dạy và người học phật cũng không phải nhứt-thiết đều buộc lòng tin theo.

220. **H.** — *Sách Phật sao gọi là Đại-thừa và Tiểu-thừa ?*

---

nhì hội-nghị ở vườn Ba-ri-ca (波利迦) thành Huê-xa-li (**Vaisali** = 毘舍離) ; lần thứ ba hội-nghị ở A-dô-ca-ra-ma (**Asôkarama** = 阿育王精舍) thành Ba-ta-li-bút-tờ-ra (**Pataliputra** = 華子城), 235 năm sau khi Phật tịch-diệt.

**Đ.** — Sách Tiểu-thừa là chép những phương-pháp chỉ tự-độ lấy mình hay là một số ít, không được hoàn-toàn viên-mản, ví không khác như cổ xe nhỏ chỉ vừa đủ cho mình đi hay chở được một số ít thôi; còn Đại-thừa là chép những phương-pháp vừa độ mình lại vừa độ cả quần-sanh, ví củng như cổ xe lớn vậy. Dầu Đại-thừa hay Tiểu-thừa cũng đều là phương-pháp xuất-thế, nghĩa là được đến Niết-bàn và ra ngoài vòng sanh-tử cả, chớ không phải như nhiều người hiểu lầm rằng Tiểu-thừa là những sự tu-hành hữu-hình hữu-tướng, còn Đại-thừa là tu vô-vi, ngồi làm thinh lẫn-lặng, không làm gì hết.

221. **H.** — *Tại sao có chia ra Tiểu-thừa và Đại-thừa ?*

**Đ.** — Phật-thừa chỉ có một, nghĩa là cổ-xe hay phương-pháp của Phật chỉ có một việc là tế-độ quần-sanh ra ngoài vòng thống-khổ mà thôi, nhưng bởi trình-độ của mỗi người khác nhau, mới chia ra có nhỏ có lớn vậy. Phật-pháp không khác như một đám mưa bình-đẳng, bởi cây cỏ lớn nhỏ chẳng đồng nhau, thành ra hứng được nước có nhiều hay có ít, nhưng hết thảy cỏ cây cũng đồng được tươi sống; chẳng luận phương-thuốc ấy Tiểu-thừa hay Đại-thừa, miễn nhằm chứng cũng được khỏi bịnh thống-khổ vậy.

222. **H.** — *Phàm vật gì hữu-thỉ ắt hữu-chung, vậy Phật-pháp có ngày củng phãi tiêu-diệt sao ?*

**Đ.** — Thế-giới còn, Phật-pháp không sao tiêu-diệt được. Vì đời còn có người thống-khổ, thì bao giờ cũng cần phải có Phật-pháp. Dầu hình-thức có trở-ngại cho cuộc thế-giới đại-đồng mà phải sửa đổi, nhưng tinh-thần cốt-cách cũng vẫn còn mải-mải.

In tại Nhà In Xưa-Nay. Nguyễn-háo-Vĩnh
60/64, Boulevard Bonard, Saigon.

P. G. V.Đ. n°

# PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP

## CHƯƠNG III

### Săng-ga (Sangha)

123. **H.**— *Tiếng* **Săng-ga** *mà ta theo chữ Tàu đọc ra giọng ta là Tăng-già* (僧伽) *nghĩa là gì?*

**Đ.**— Săng-ga là một cái hội gồm hết bọn xuất gia học Phật, là các thầy Bí-xu, các thầy sa-ma-na. Săng-ga cũng như tiếng đoàn-thể vậy.

124. **H.**— *Hạng Bí-xu của đạo Phật khác với các thầy tu* **(prêtres)** *đạo khác thế nào ?*

**Đ.**— Trong các đạo khác, hạng thầy tu đứng hẳn về phương-diện làm 'môi-giới **(intercesseur)** cho người và Thượng-đế, để xin xá tội cho người; còn hạng Bí-xu Phật-giáo thì không bao giờ đứng vào cái địa-vị ấy, cũng không trông rằng có cái quyền thiêng-liêng ấy.

125. **H.** — *Vậy thì vì sao lại lập ra một hạng Bí-xu ấy phân-cách với đa-số nhơn-dân ?*

**Đ.**— Mục-đích là để cho một số người nhơn-đức, thanh-nhả, hiền-lương xa-lìa cỏi tục, quyết chí tu-hành, trước mình thoát khổ, sau đưa đường chỉ nẻo cho người theo mà vào con đường hoàn-toàn giải-thoát.

126. **H.** — *Hạng người thế nào mới được vào Săng-ga hay là Giáo-hội?*

**Đ.** — Không hạn giai-cấp hay chủng-tộc nào cả, miễn là quyết chí xuất-gia thì đều được vào Giáo-hội. Chỉ trừ ra kẻ nào đau bịnh bất-trị hay bịnh truyền-nhiễm; trẽ con dưới mười lăm tuổi; kẻ còn làm đầy-tớ chưa được tự-do; kẻ bị án chưa đền, pháp-luật còn đeo-đuổi; lính chưa mản khóa; nợ-nần còn mang và kẻ chưa đến tuổi thành-nhơn mà cha mẹ hay người bảo-hộ không cho phép thì không được vào Giáo-hội mà thôi.

127. **H.** — *Giái-luật mà hạng Bi-xu hứa giữ gọi là gì?*

**Đ.** — Là **Mười điều luật** hay Thập-giái (十戒= **Dasa Sila**) đả kể qua rồi ở chương Phật-pháp.

Mười điều luật ấy củng gọi là Tỉ-khưu-giái (比丘戒 = **Bhikshou Sila**), vì chẳng những buộc kẻ còn làm Sa-mà-nơ-ra (**Samanera**= 沙彌) là kẻ mới xuất-gia học đạo (**Novice**) phải hứa giữ, mà củng chính là giái căn-bổn của hạng Bi-xu; duy có hạng tại-gia-tín-ngưởng nếu tình-nguyện hứa giữ thì củng được, nhưng không buộc phải hứa giữ như hạng xuất-gia vậy.

128. **H.** — *Ngoài* **Thập-giái** *ra trong Giáo-hội còn có những kỷ-luật gì nữa không?*

**Đ.**— Có 250 điều, chia làm 8 đoạn :

1º **Parajika** (波羅夷) hay là Bất-cọng-trụ (không ở chung), có *4 phép*, nghĩa là ai phạm 4 điều tội trọng : sát-sanh, trộm cắp, thông-dâm, nói dối thì không được ở trong Săng-ga hay Giáo-hội nửa ;

2º **Samghadisesa** hay là Tăng-tàn (僧殘), có *13 phép*, nghĩa là dầu phạm 13 tội trọng xấp-xỉ với 4 phép Ba-la-di (hay Bất-cọng-trụ), nhưng còn chút-đỉnh tư-cách được ở lại trong Giáo-hội, nên nhờ chúng-tăng tập-hợp lại cho làm phép Sám-hối, củng có thể chế khỏi tội ấy được ;

3º **Aniyada** hay là Bất-định (不定), *có 2 phép*, nghĩa là chỗ kín không định và chỗ trống không định, cho nên tuy nhận là phạm tội, nhưng không biết cái trình-độ của tội ấy đến đâu mà nhứt-định. (1).

---

(1) Nếu chỉ có một thầy Bí-xu và một người phụ-nữ ngồi chung với nhau nơi chỗ khuất-tịch là một chỗ có thể hành-dâm được mà nói chuyện bậy-bạ, khi ấy có một người **tín-nữ (Upâsikâ)** nói rằng thầy Bí-xu ấy có phạm một luật trong ba luật: **Bất cọng-trụ, Tăng-tàn** hay là **Ưng-đối-trị,** mà thầy Bí-xu ấy không cải và tự thú rằng có phạm tội ấy và bằng lòng chịu cho xử luật nào trong ba luật củng được, thì tội ấy không biết xữ thế nào **nên** gọi là **chỗ kín không định.**

Còn nếu thầy Bí-xu ngồi chung với một người phụ-nữ ở chỗ trống-trãi là một chỗ không thể hành-dâm được mà nói chuyện thô-tục hung-ác, khi ấy có một người tín-nữ ngó thấy mà nói rằng thầy Bí-xu ấy có

4° **Naihsargikapra-cittiya** hay là Ưng-xả-đối-trị (應捨對治), có *30 phép*, nghĩa là chỉ phạm tội chứa cất những đồ ca-sa, bình-bát trái phép mà thôi, cho nên được đối-trị bằng cách xả hết đồ ấy giao cho Giáo-hội và sám-hối mà chuột khỏi tội được;

5° **Payattika** hay là Ưng-đối-trị (應對治), có *90 phép*, nghĩa là phạm tội không phải như tội chứa cất đồ **ca-sa**, bình-bát trái phép, cho nên không phãi xả đồ mà chuột tội như trước;

6° **Desaniya** hay là Ưng-phát-lộ (應發露), có *4 phép*, nghĩa là phạm tội nhẹ, cho nên chỉ xưng tội giữa Tăng-chúng thì được khỏi ngay;

7° **Siksakaraniya** hay là Ưng-học-pháp (應學法), có *100 phép*, là những điều luật thuộc về cách ăn cơm, mặc áo, nằm, ngồi, đi, đứng hằng ngày v. v.;

8° **Adhikaranasamadha** hay là Diệt-tránh (滅諍), có *7 phép*, là những điều luật ngăn-dứt sự tranh-luận của các thầy Bí-xu.

Giái (**Sîla** = 尸羅) để ngăn-ngừa tội-lỗi gây bởi thân-mình và lỗ miệng, là cái tên chung về **đạo-đức** của Phật-giáo; 250 điều luật ấy đều

---

phạm một luật trong hai luật: **Tăng-tàn** hay là **Ưng-đối-trị**, mà thầy Bí-xu ấy không cải và củng tự thú rằng chính mình có phạm tội ấy và bằng lòng chịu cho xữ luật nào trong hai luật mà người tín-nữ nói đó củng được, ấy gọi là **chỗ trống không định.**

kêu là **Pratimoka** (波羅提木叉) hay là Biệt-biệt-giải-thoát (別別解脫), nghĩa là giữ được một điều luật thì thoát-khỏi được một sự tội-lỗi vậy.

Nhờ giái-luật mà Săng-ga hay Giáo-hội mới có trật-tự, nhờ giữ *giái-luật* thân tâm mới *định* mà không còn loạn-động, nhân đó mới phát sanh *trí-huệ* và mới đến con đường giãi-thoát được.

229. **H.**— *Muốn biết hết các giái-luật của các thầy Bí-xu thì đã đành phãi xem* **Pratimoka** *hay là Giái-bổn, nhưng có thể kể ra cho biết vài điều trọng-yếu không ?*

**Đ.** — Thầy Bí-xu không được già-hàm lẽo-mép, nói hung-hăn thô-tục và nói vu cho người ;

Không được gian-lận, lường-gạt và sai lời hứa ;

Không được làm kẻ đem tin cho tín-đồ ;

Không được mua bán ;

Không được đọc và nghe những truyện tích huyền-hoặc ;

Không được bỗ tù và hăm dọa người ;

Không được làm tà-thuật ;

Không được bói số, coi tướng, coi chĩ tay và nhứt-thiết các việc thuộc về ma-thuật **(sciences magiques)** là những việc làm trở-ngại con đường đến Niết-bàn.

230. **H.** — *Người mới xuất-gia vào Giáo-hội kêu là gì ?*

**Đ.** — Sa-ma-nơ-ra hay là **Tiểu**(小沙門). Dầu người lớn tuổi mà khi mới vào hội thì củng kêu là Sa-ma-nơ-ra. Vì còn phải tập-học và ở dưới quyền xem xét của một thầy Bí-xu.

231. **H.** — *Học-tập bao lâu thì mới được lên bậc Sa-ma-nà* (**Sramana** =沙門) ?

**Đ.**— Chừng nào được thông-thuộc các giái-pháp qui-luật và giữ được hoàn-toàn không phạm nhửng đều tội-lỗi quan-trọng trong khi còn đương tập học, thì mới được lên bậc Sa-ma-na : sớm hay muộn là tùy theo cách dạy-dỗ cũa thầy và tài-sức của học-trò mà định vậy. Nhưng với kẻ chưa thành-nhơn thì dầu có thông-thuộc hết các giái-luật cũng phải chờ đến khi đúng 20 tuổi.

232. **H.** — *Khi* **Sa-ma-Nơ-ra** *được lên bậc, đồng hàng với Bí-xu và* **Sa-ma-na** *thì làm lễ gì ?*

**Đ.**— Các thầy Bí-xu tập-hợp lại mà làm lễ **Truyền-giái**. Thầy Sa-ma-nơ-ra trước khi lên bậc thì phải có đủ tám món: 1° Ba cái Ca-sa, 2° một sợi giây lưng, 3° một cái bát để xin ăn, 4° một cái đồ lọc nước, 5° một cái dao cạo, 6° một cây kim, 7° một cái quạt, 8° một đôi dép.

233. **H.** — *Các thầy Bí-xu có xưng tội không ?*

**Đ.** — Có, ngày rằm và ngày 29 hay 30, nghĩa là trong mười lăm ngày lại có một cái lễ gọi là lễ Bố-tát (布薩 = **Uposatha**) mà ta gọi là lễ Sám-hối, các thầy Bí-xu tụng hai trăm năm

mươi điều trong **Pratimoka** hay là Giái-bổn (戒本), người nào có tội gì thì xưng lên và xin sám-hối.

234. **H.** — *Người đả xuất-gia có thể ra hội, nghĩa là được hoàn-tục không ?*

**Đ.** — Được. Phật-giáo và qui-luật của Săng-ga không có ép-buộc. Người nào chưa sạch lòng trần thì được tỏ với người bề trên trong Hội biết, rồi thì được hoàn-tục thong-thả, không bị đều gì quở-trách làm cho xấu-hổ và Giáo-hội cũng không cầm ở lại. Nhưng đương khi còn ở trong Giáo-hội mà phạm những lỗi nặng, thì bị Giáo-hội trục-xuất, ấy mới là đáng xấu-hổ cho.

235. **H.** — *Bi-xu-ni* (**Bhikshouni**= 比丘尼) *hay là cô vải có được ở chung với các thầy Bi-xu không ?*

**Đ.** — Không. Phải có một cái nhà-tu (**couvent**) riêng, không được ở một mình, nghĩa là phải ở chung với nhiều người, và phải ở dưới quyền kiểm-soát của mấy vị trưởng-lảo hay là mấy người bề trên tuổi cao đức trọng trong Giáo-hội.

236. **H.** — *Cái nghĩa-vụ của Giáo-hội đối với thiện-nam tín-nử* (**Oupasakas, Oupasikas**) *thế nào ?*

**Đ.** — Trước hết phải tự-mình làm một mảnh gương đạo-đức cho người ta soi, hết sức truyền-bá Phật-pháp cho người ta hiểu,

khuyến-khích người làm đều thiện, lánh đều ác, một lòng ưu-ái phổ-cập đến muôn loài.

237. **H.** — *Còn Thiện-nam tín-nữ đối với Giáo-hội ra sao ?*

**Đ.** — Kính-trọng các thầy Bí-xu, cung-cấp cho những sự cần-dùng ăn, mặc và ở.

238. **H.**— *Thế nào mới phải là một thầy Bí-xu chơn-chánh, theo đúng như lời Phật dạy ?*

**Đ.** — Theo như trong kinh Phật, một thầy Bí-xu chơn-chánh thì lời nói, ý-tưởng và sự làm đều đúng theo **Tám con đường chánh,** trong lòng rất là yên-lặng bằng-phẳng: hạnh-phước không làm cho vui, tai-nạn cũng không làm cho buồn, không vì người kính-trọng ngợi-khen mà hớn-hở, cũng không vì người hủy-nhục hiếp-đáp mà sờn lòng, nghĩa là thầy Bí-xu chơn-chánh là một người đả dứt hết vọng-tâm vậy.

Phải thường tâm-niệm rằng cái giá-trị của thầy Sa-ma-na không phải ở nơi cắt tóc cạo râu, mặc ca-sa, giữ giái-luật, cũng không phải ở nơi đức khiêm-nhường đạm-bạc và tài học rộng biết nhiều là đũ, mà ở nơi chỗ dứt hết được lòng tham-dục ích-kỷ, chỉ có thầy Sa-ma-na như thế mới thật là đệ-tử Phật.

Đối với quần-sanh một lòng bình-đẳng: với người sang cũng như người hèn, với người hiền cũng như người dử, với người dưng cũng như bà con, không trọng, khinh, phân-biệt.

Đối với quần-sanh một lòng bác-ái: không

lường-gạt, khinh-khi, hăm-dọa và làm hại ai cả. Thầy Sa-ma-na bao giờ cũng vẫn chứa-chan tấm lòng bình-đẳng bác-ái.

Thầy Sa-ma-na trong lòng vẫn trong-sạch, sáng-suốt: Không còn mê-tín huyền-hoặc, hi-vọng bông-lông, không còn lo-buồn, e-sợ, mê-đắm, vui-mầng, hờn-giận, yêu-thương gì cả, nghĩa là dứt hết được lòng **tham sống,** không chấp có **ta** nữa, và được thoát-khỏi mọi sự thống-khổ ở đời, không còn luân-hồi tái-sanh và được đến chỗ Niết-bàn tịch-tịnh.

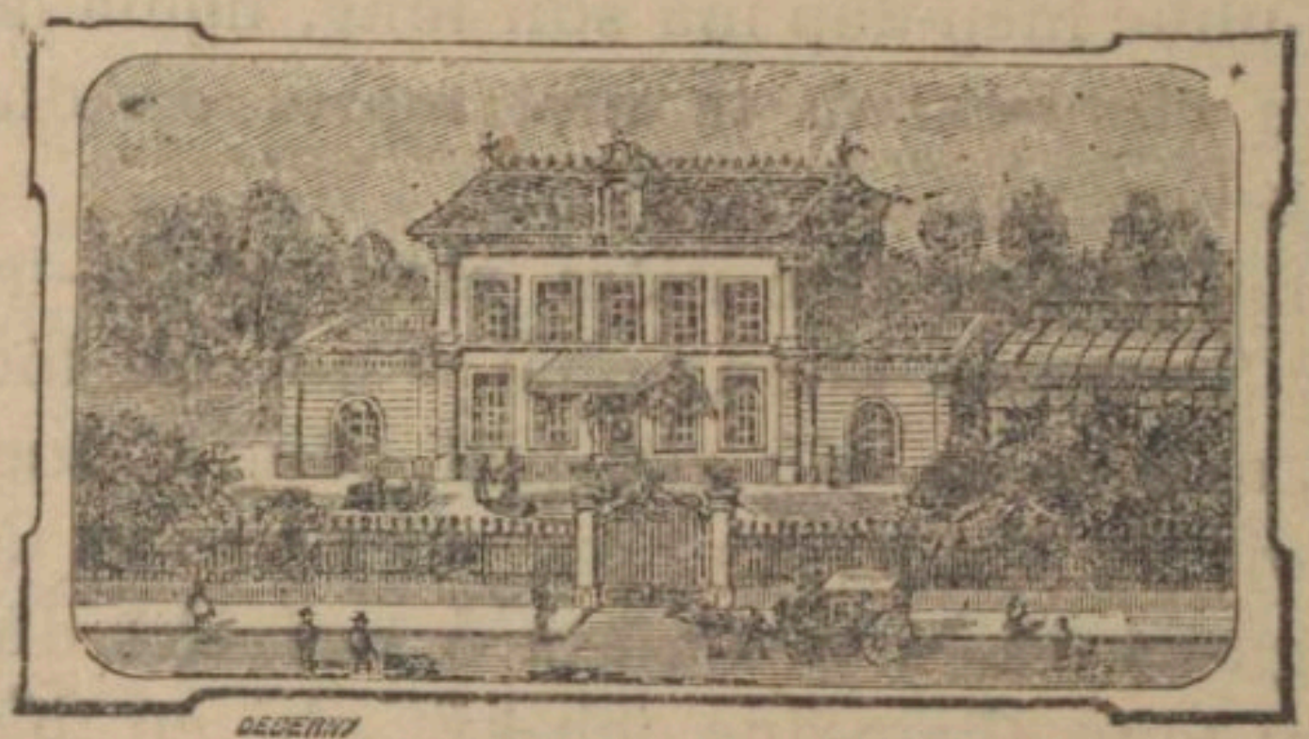

# PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP

## CHƯƠNG IV

### Sự bành-trướng phát-đạt của Phật-giáo

239. **H.** — *Hiện nay số tín-đồ của Phật-giáo so với các tôn-giáo khác hơn kém thế nào ?*

**Đ.** — Tín-đồ của Phật-pháp nhiều hơn hết các tôn-giáo khác.

240. **H** — *Phỏng chừng bao nhiêu ?*

**Đ.** — Chừng năm trăm triệu người hay là năm phần mười ba, nghĩa là gần phân nửa số người trên thế-giới.

241. **H.** — *Trong khi Phật-giáo khoách-trương, truyền-bá thì có những cuộc chém giết đổ máu như các tôn-giáo khác không ?*

**Đ.** — Lịch-sữ không bao giờ thấy có những cuộc đổ máu vì sự truyền-bá Phật-giáo.

242. **H.**— *Vậy Phật giáo có cái đặc-sắc bi-mật gì trong khi truyền-bá ?*

**Đ.** — Đó chẳng qua là Phật-pháp rất cao-sâu mầu-nhiệm, thích-hợp với sự yêu-cầu nguyện-vọng của mọi người, ai nghe cũng cảm-hóa theo, chớ không sanh lòng chống-báng.

243. **H.** — *Phật-giáo khoách-trương cách thế nào ?*

**Đ.** — Khi Phật đả thành đạo bèn đi châu-du thuyết-pháp bốn-mươi lăm năm trong nước Ấn-độ và phái các đệ-tữ có đủ tài-đức cũng đi khắp cả nước mà truyền giáo nữa.

244. **H.** — *Phật phái các đệ-tử đi truyền giáo về hồi tháng nào ?*

**Đ.** — Về ngày rằm tháng mười.

245. **H.** — *Hồi đó trước Gia-tô giáng-sanh chừng mấy thế-kỷ ?*

**Đ.** — Chừng sáu thế-kỷ.

246. **H.** — *Các vị đế-vương có giúp cho sự truyền-bá ấy không ?*

**Đ.** — Có các vua chúa qui-y Phật-giáo mới truyền-bá ra một cách mau chóng.

247. **H.** — *Có người xa tìm đến Ấn-độ để học Phật không ?*

**Đ.** — Các nhà học rộng tài cao ở các nước tìm đường qua Ấn-độ học đạo và đem kinh về nước lại truyền-bá ra cho dân-chúng, lần-lần họ bỏ sự mê-tín xưa nay mà qui-y với Phật-giáo.

248. **H.** — *Cái công-nghiệp truyền-bá Phật-giáo người nào có công nhứt ?*

**Đ.** — Người có công lớn trong sự truyền-bá Phật-giáo chính là vua A-dô-ca (**Asoka**=阿育王), hoặc kêu là Bi-da-đa-si (**Piyadâsi**), cũng có khi kêu là Dát-ma-dô-ca (**Dharmâ-**

**soka**= 法阿育), con vua Bin-đu-sa-ra (**Bin-dusâra**= 賓頭沙羅) nước Ma-ga-đa (**Ma-gadha**=摩揭陀), cháu nội của Săng-đờ-ra-gút-ta (**Chandragupta**=旃陀羅翅多) là một ông vua đả từng đuổi người Hi-lạp ra khỏi nước Ấn-độ mà họ có đến xăm-lược ở đó.

249. **H.** — *Vua A-dô-ca trị-vì về hồi nào ?*

**Đ.**— Ba thế-kỷ trước Gia-tô giáng-sanh; chừng hai trăm năm sau khi Phật tịch-diệt. Nhưng các nhà sữ-học có người chưa cho là đúng hẳn.

250. **H.** — *Vua A-dô-ca có phải là một người có đạo Phật* **nòi** *không ?*

**Đ.** — Không, sau khi tức-vị mười năm, nhờ Ni-gờ-rô-đa (**Nigrodha**=尼畺陀) là một thầy Sa-ma-nơ-ra mà đả chứng quả A-ra cảm-hóa-cho, mới qui-y với Phật-giáo.

251. **H.** — *Vua làm thế nào mà bảo-hộ và truyền-bá Phật-giáo ?*

**Đ.**— Vua trừ-thải các thầy Bí-xu dả-dối, bảo-hộ cho các thầy Bí-xu chơn-tu, lập tinh-xá, cất nhà tu khắp cả nước. Hợp tập Tăng-chúng nơi thành Ba-na (**Patna**=華子城) để xem xét Đát-ma hay Giáo-điển lại; phái sứ-viên qua bốn ông vua ở Hi-lạp và các vua trong nước Ấn-độ để truyền-bá Phật-giáo. Chính vua A-dô-ca lập các bia kỷ-niệm ở Ca-bi-la (迦毘羅), Bu-đa Ga-da (**Bouddha Gâya**),

I-gi-ba-ta-na (**Isipatana** = 鹿野) và Cu-si na-ra (**Kusinârâ** = 拘尸那竭) là bốn nơi chánh, nhưng cũng còn lập nhiều bia kỷ-niệm thánh-tích ở các chỗ khác nữa.

252. **H.** — *Cái danh-tiếng lẫy-lừng của vua A-dô-ca là do những chứng-cớ gì ?*

**Đ.** — Mới rồi người ta tìm, khắp trong nước Ấn-độ, được 14 bản sắc-lịch khắc trong bia đá và tám cây thạch-trụ do vua dựng lên. Chừng ấy cũng đủ biết vua khôn-ngoan thành tín quyết lưu-truyền Phật-giáo lại về sau.

253. **H.** — *Trong các sắc-lịnh khắc trong bia đá và viên thạch-trụ thì nói những gì ?*

**Đ.** — Tán-dương đạo Phật là một đạo từ-bi bác-ái, công-lý, bình-đẳng. Nhờ các bản sắc-lịnh ấy ngày nay mới có nhiều người bác-sĩ ở Âu-châu khảo-cứu và kính-mến đạo Phật.

254. **H.** — *Vua Đát-ma-dô-ca (tên riêng của vua A-dô-ca) còn cống-hiến cho đạo Phật những gì qui-báu nữa không ?*

**Đ.** — Vua cho người con trai tên là Ma-he-đa (**Mahinda** = 摩哂陀) và người con gái tên là Săng-ga-mit-ta (**Sanghamittâ** = 僧伽密多) xuất-gia vào Giáo-hội, rồi phải qua đảo Tích-lan (Ceylan) để truyền-giáo.

255. **H.** — *Trong lịch-sử Tích-lan có nói về chuyện ấy không ?*

**Đ.** — Có, trong sữ Ma-ha-quăn-sa (**Maha-vansa** = 錫蘭大統史).

256. **H.** — *Có chứng-cớ gì chắc-chắn rằng khi Săn-ga-mit-ta công-chúa qua truyền giáo ở Tich-lan không ?*

**Đ.** — Có, khi công-chúa qua đảo Tich-lan có đem theo một nhánh cây Bô-đi (菩提) lấy ở cây Bô-đi là chỗ Phật ngồi thành đạo nơi đó. Nhánh cây ấy đem trồng ở đảo Tich-lan bây giờ cũng vẫn còn sống.

257. **H.** — *Cây ấy hiện nay ở thành nào trong đão Tich-lan ?*

**Đ.**— Ở thành A-nu-ra-đa-buya-ra (**Anurâdhapura**), trồng từ năm 306 trước Gia-tô giáng-sanh, là một cây xưa nhứt thế-giới về lịch-sử vậy.

258. **H.** — *Ngoài việc truyền giáo ở Tich-lan thì còn truyền-bá đâu nữa không ?*

**Đ.** — Có mười bốn nước ở Ấn-độ đều cảm-phục Phật-giáo là nhờ các thầy Bí-xu phụng mạng đi tuyên-truyền, và năm ông vua Hi-lạp ký điều-ước với vua A-dô-ca công-nhận cho đệ-tử Phật qua truyền-bá bên ấy.

259. **H.** — *Năm ông vua Hi-lạp ấy là ai ?*

**Đ.** — Là : **Antiochus** ở **Syrie, Ptolémée** ở **Egypte, Antigonus** ở **Macédoine, Margas** ở **Cyrène** và **Alexandre** ở **Epire.**

260. **H.** — *Cái đó làm sao mà biết được ?*

**Đ.** — Vua A-dô-ca có khắc trong các bia và tru đá.

261. **H.** — *Về phương Tây, Giáo-hội nào hoan-nghinh Phật-giáo trước ?*

**Đ.** — Người Tê-ra-pớt **(Thérapeutes)** ở **Egipte** (đọc là : Ê-gíp) và người Ê-xê-nhi-en **(Essénien**s) ở **Palestine** (đọc là : Ba-lết-tinh).

262. **H.**-- *Kinh Phật truyền qua Tàu hồi nào ?*

**Đ.** — Hai bản kinh Phạn (**Pali**), Sa-măn-ta Ba-sa-đi-ca (**Samanta Pasâdikâ**) và Sa-ra-tha Đi-ba-ni (**Sârattha Dîpani**), có nói rằng vua A-dô-ca có sai năm thầy Sa-ma-na (沙門) qua Tàu truyền-giáo về hồi thế-kỷ thứ III trước Gia-tô giáng-sanh.

263. **H.**— *Phật-giáo ở đâu truyền qua Cao-ly (**Corée**) và về hồi nào ?*

**Đ.**— Ở Tàu truyền qua Cao-ly năm 372 sau Gia-tô giáng-sanh.

264. **Đ.**— *Còn Nhựt-bổn ?*

**Đ.** — Ở Cao-ly truyền qua Nhựt-bổn năm 552.

265. **H.**— *Còn Phật-giáo truyền qua Nam-kỳ, Đài-loan, Mông-Cổ, A-phú-hản và các miền trung-bộ Á-châu về hồi nào ?*

**Đ.**— Chừng thế-kỷ thứ IV hoặc thứ V sau Gia-tô giáng-sanh.

266. **H.**— *Đạo Phật từ đảo Tích-lan lại truyền-bá đi đâu và về hồi nào ?*

**Đ.**— Từ Tích-lan qua Miến-điện vào giữa thế-kỷ thứ V, ở đó rồi lần-lần truyền qua A-ra-căn (**Arakan**), Cao-mên và Bê-gu (**Pégou**).

Đến thế-kỷ thứ VII Phật-giáo lưu-nhập vào Xiêm-la thành ra quốc-giáo đến bây giờ.

267. **H.** — *Phật-giáo qua Tàu và ngang xứ Cát-sơ-mia* **(Kashnir)** *thì còn lan ra đâu nữa không ?*

**Đ.**— Có, qua Nê-bôn **(Népaul)** và Tây-tạng.

268. **H.** — *Vì sao Phật-giáo ở Ấn-độ ngày trước thì thạnh-hành mà bây giờ lại hầu như muốn tiêu-diệt ?*

**Đ.**— Đạo Phật trước kia chẳng những giử được cái chơn-lý cao-sâu mầu-nhiệm không pha-lẫn với sự dị-đoan huyền-hoặc, mà trong Giáo-hội củng giữ được đức-hạnh đoan-trang, giái-luật chính-chắn, cho nên ai-ai củng lấy làm mừng-rỡ mà được qui-y với Phật-giáo ; mấy thế-kỷ về sau, trong Tăng-hội buông-lung, biếng-nhác, giái-luật không nghiêm, học-thức không có, và Giáo-nghỉa lại thiên về mê-tín, Phật-giáo mất cả chơn-tướng, cho nên hóa ra suy-đồi bại-lụn. (Nhưng gần đây có nhiều nơi thiệt-hành chấn-chỉnh lại, Phật-giáo ở Ấn-độ đả thấy có mòi phục-hưng vậy).

269. **H.** — *Vậy trong khi ấy, ngoài sự Tăng-đồ hũ-bại còn có xảy ra việc gì làm cho Phật-giáo thêm mau tàn nữa không ?*

**Đ.**— Có. Người Hồi-hồi tràn qua chiếm đất Ấn-độ một phần lớn và kiếm hết cách để trừ-diệt đạo Phật.

270. **H.** — *Trừ-diệt cách thế nào ?*

**Đ.**— Nào đốt, phá hết các tinh-xá, chùa tháp,

lại giết các thầy Bí-xu và đốt cả Kinh-tàng.

271. **H.** — *Vậy kinh-tàng ở Ấn-độ phải tiêu mất hết sao ?*

**Đ.** — Không, nhiều thầy Bí-xu trốn qua Tây-tạng, hoặc nhiều nơi khác và có mang cả kinh-tàng theo.

272. **H.** — *Các nguyên-bổn kinh ấy ngày nay vẫn còn không ?*

**Đ.** — Vẫn còn. Ông Săng-đờ-ra Đa (**Chandra Das**) là một nhà bác-học có tiếng ở Băng-ganh (**Bengale**), qua Tây-tạng có thấy trong các chùa còn nhiều bản kinh ấy lắm. Ông có sao-lục đem về một ít, chánh-phủ Ấn-độ hiện giao cho ông xuất-bản và phát-hành.

273. **H.** — *Hiện ở xứ nào kinh Phật còn giữ được nguyên-bản ?*

**Đ.** — Ở Tích-lan.

274. **H.** — *Gần đây đả có ai giảo-chánh lại Ba-tàng kinh không ?*

**Đ.** — Năm 1873 có một ban ủy-viên hợp ở Tích-lan mà giảo-chánh lại Ba-tàng-kinh ; trong đó gồm các thầy Bí-xu thông-thái, do sư-cụ Su-măn-ga-la (**Sumangala**) làm chánh-ủy-viên.

275. **H.** — *Vậy hai phái Nam-tôn và Bắc-tôn ở Ấn-độ có liên-lạc với nhau để chấn-hưng Phật-giáo không ?*

**Đ.** — Năm 1891, hai phái có hợp lại và đem 14 điều đề-nghị (**propositions**) về tinh-lý của Phật-giáo ra để cho hai bên thảo-luận.

Bản đề-nghị ấy do ông Ôn-cốt (**Olcott**) thảo, có dịch ra chữ Miến-điện, Tích-lan và Nhựt-bổn. Mười bốn điều đó ai nấy cũng công-nhận và đả ấn-hành trong tháng giêng năm 1892 (1).

276. **H.** — *Có hiệu-quả gì không ?*

**Đ.** — Ở Nhựt-bổn và nhiều nơi khác có phái người qua Tích-lan và Ấn-độ học chử Nam-phạn (**Pali**) và Bắc-phạn (**Sanscrit**), ấy đủ chứng rằng đả có kết quả tốt vậy.

277. **H.** — *Hiện nay các nước chưa có Phật-pháp mà đả có ai xu-hướng về Phật-pháp chưa?*

**Đ.** — Có. Hiện nay các sách vỡ, báo, chí ở Âu-châu đả thấy nhiều quyển, nhiều bài cổ-động Phật-giáo hoặc khảo-cứu Phật-giáo rất tường-tận. Vả lại không nhửng các nhà tín-đồ Phật-giáo, dầu người không giử đạo Phật cũng thường lập cuộc diễn-thuyết để truyền-bá Phật-pháp. Phái Shin-Shu Phật-giáo ở Nhựt-bổn có lập hội **truyền-giáo** ở **Honolulu, San-Francisco, Sacramento** và các miền khác ở Châu Mỷ.

278. **H.** — *Trong Phật-giáo có hai cái lý-thuyết gì được người Âu-châu hoan-nghinh nhứt ?*

**Đ.** — Nghiệp-báo và Luân-hồi là hai thuyết truyền ứng một cách mau chóng lạ thường.

279. **H.** — *Vì sao vậy ?*

**Đ.** — Vì cái chơn-lý ấy rất xác-thật và thích-hợp với cái bản-năng tự-nhiên của công-lý.

(1) Xin xem nơi « **Phần phụ thêm** ».

# PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP

## CHƯƠNG V

### Phật-giáo với khoa-học

280. **H.** — *Phật-giáo là một đạo có khoa-học, hay là cũng như các đạo* **mặc-khải (les religions révélées) ?**

**Đ.**— Đạo Phật là một đạo có chơn-lý hẳn-hòi, chắc-chắn, trước Phật Thích-Ca cũng có nhiều Phật ra đời giáo-hóa, mà không phải một đạo **mặc-khải.**

281. **H.** — *Kinh nào Phật dạy chúng ta chớ tin sự* **mặc-khải** *mơ-hồ mà không có lý-trí* **(raison)** *kinh-nghiệm ?*

**Đ.**— Kinh Ăn-guýt-ta-ra Ni-ca-da **(Angu-thara Nikaya=增一集).**

282. **H.** — *Người đạo Phật có công-nhận cái thuyết vỏ-trụ vạn-vật từ chỗ không-không mà thành-lập ra bởi một Đấng* **sáng-tạo** *không ?*

**Đ.**— Không, theo trong kinh Phật, thì, vạn vật do năm cái nguyên-tố : **Đất (Prithin=地), Nước (Apas =水), Gió hay không-khí (Vayu=風), Lửa (Tejas=火)** và cái nguyên-

tố vô-hình kêu là **Không** (**Akâsa** = 空, tức là **éther** hay là tinh-khí) kết-hợp biến-hóa mà ra; không bao giờ người đạo Phật chịu tin rằng vạn-vật do cái tự-nhiên không-không mà thành lập bởi một Đấng **Sáng-tạo** là một việc kỳ-quái lạ-lùng không thể hiểu được.

283. **H.** — *Vậy thì vũ-trụ vạn-vật tuy có ngàn hình muôn trạng, nhưng cũng đồng một nguồn gốc mà ra sao ?*

**Đ.** — Phải, khác là khác hình-dáng bề ngoài, bởi cái sức **cảm-thọ (Karma hay Nghiệp)** chẳng đồng mà ra.

284. **H.**— *Vạn-vật do các nguyên-tố mà sanh-hóa ra đó, khoa-học kêu là gì ?*

**Đ.**— Sự **Tiến-hóa.**

285. **H.** — *Người đạo Phật có tin rằng* **vật-chất** *(***la matière***) là vô-thỉ vô-chung không ?*

**Đ.**— Nếu không tin vật-chất là vô thỉ vô-chung, thì ắt phải tin cái thuyết **sáng-tạo** lạ-lùng, trái lẻ. Nhưng tin là tin cái nguyên-tố của nó, chớ như vật-chất đả do nguyên-tố biến-hiện ra rồi thì phải biến-đổi, phải tiêu-diệt, không thể hằng còn mải-mải được.

286. **H.** — *Phật-giáo có thù-nghịch với khoa-học không ?*

**Đ.**— Không bao giờ. Trong kinh Xi-ga-lô-hoa-đa **(Sigâlowâda)** Phật dạy cái nghĩa-vụ làm thầy là phải dạy học-trò cho thông-hiểu khoa-học. Vả lại cái giáo-lý mầu-nhiệm cao-sâu của Phật thì những người hiền-triết, thông-

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

minh và có tư-tưởng mới hiểu thấu được. Vậy thì Phật-giáo đả không thù-nghịch với khoa-học, mà người muốn học Phật phải thiệp-liệp khoa-học mới hiểu được đạo Phật một cách chơn-chánh.

287. **H.** — *Phật-giáo với khoa-học còn chỗ nào hợp nhau nữa ?*

**Đ.** — Phật nói rằng loài người có nhiều tổ-tiên. Và, người nào có trí-huệ hơn thì được thành Phật và đến Niết-bàn trước. Ấy đều là chỗ hợp với khoa-học.

288. **H.** — *Phật có hào-quang tự trong thân minh chiếu ra ngoài không ?*

**Đ.** — Có, hào-quang ấy do sự sáng-suốt trong lòng mà ra.

289. **H.**— *Tiếng Phạn* (**Pali**) *kêu là gì ?*

**Đ.** — Kêu là : **Bouddharansi** (hay là : hào-quang của Phật).

290. **H.**— *Hào-quang Phật có mấy màu ?*

**Đ.** — Sáu màu : **Nila** (xanh), **Pita** (vàng), **Lohita** (đỏ), **Avadata** (trắng), **Mangasta** (?), **Prabhasvara** (?).

291 **H.** — *Còn ai có hào-quang nữa ?*

**Đ.** — Mấy vị **A-ra**. Nhưng hào-quang chiếu ra sáng nhiều hay ít là tùy theo trí-huệ của mỗi người.

292. **H.**— *Trong kinh nào nói rằng hào-quang cũa Phật có hai lần chiếu sáng khác thường là trong khi Phật thành đạo và trong đêm Phật vào Niết-bàn ?*

**Đ.**— Kinh Đại Niết-bàn (**Maha-Parinibbâna Sutta**).

293. **H.**— *Hào-quang ấy, người Âu-châu bây giờ họ gọi là gì ?*

**Đ.** — Gọi là : Hào-quang loài người.

294. **H.**— *Hào-quang ấy là một phép linh-hiển lạ-lùng* (**miracle**) *hay là một cái hiện-tượng tự-nhiên* (**phénomène naturel**) ?

**Đ.** — Là một cái hiện-tượng tự-nhiên. Chẳng những loài người có hào-quang mà thôi, cho đến loài thú, loài cây, loài cỏ, loài đá cũng đều có cả.

295. **H.**— *Hào-quang của Phật và của mấy vị A-ra có cái đặc-sắc gì ?*

**Đ.** — Hào-quang to và sáng hơn các loài, các vật. Người ta thường thấy trong mấy cái tháp ở Tích-lan có hào-quang chiếu ra vì có chôn **tro xương** của Phật trong đó.

296. **H.** — *Có* **việc-lạ** *gì về lịch-sử (***việc có thiệt,** *không phải hoang-đường) giống với thuyết* **thôi-miên-cảm-ứng (suggestion hypnotique)** *ngày nay ?*

**Đ.**— Việc ông Su-la-băn-ta-ca (**Chullapanthaka**).

297. **H.** — *Việc ấy ra sao ?*

**Đ.**— Su-la-băn-ta-ca là một thầy Bí-xu vừa chứng được quả A-ra. Cũng trong ngày ấy, Phật sai một người sứ-giả đến kêu ông. Khi người sứ-giả đi đến tinh-xá của Su-la-băn-ta-ca thì thấy đến 300 thầy Bí-xu, mà lạ làm sao !

ông nào củng như ông nấy, in hệt như khuôn đúc! Người sứ-giả hỏi ông nào là Su-la-băn-tạ-ca, thì 300 ông, ông nào củng trả lời: **Chính tôi là Su-la-băn-ta-ca đây!**

298. **H.** — *Khi ấy người sứ-giả làm sao ?*

**Đ.**— Bối-rối! không biết biểu ai, bèn trở về thuật **việc lạ đời** ấy với Phật.

299. **H.** — *Phật dạy sao ?*

**Đ.**— Phật biểu trở lại cái tinh-xá ấy, và dặn rằng nếu có việc như vậy xảy ra nửa, mà người nào trước hết nói rằng chính va là Su-la-băn-ta-ca thì nắm cho chặt người ấy và dắc về. Vì Phật biết rằng ông A-ra **mới** sẻ hiện phép thần-thông ấy với người sứ-giả nữa.

300. **H.** — *Phép* **thần-thông biến-hóa** *ấy, tiếng* **Pali** *kêu là gì ?*

**Đ.**— **Vikubbana Iddhi** (đọc là: **Vi-cúp-ba-na Y-đi**).

301. **H.** — *Những hình của ông A-ra Su-la-băn-ta-ca hóa ra, thiệt có thể-chất và rờ đụng được không ?*

**Đ.** — Không; chẳng qua cái tư-tưởng đả **có** luyện-tập của ông A-ra Su-la-băn-ta-ca ấn vào tinh-thần của người sứ-giả, cho nên thấy **có** hình-ãnh như vậy thôi, chớ không phải thiệt **có** thể-chất, và cũng không rờ đụng được.

202 **H.** — *Vậy thì những hình-ãnh ấy giống như cái gì ?*

**Đ.** — Không khác như bóng của ta giọi vào

tấm kiến, tuy giống in-hệt, nhưng không sao rờ đụng được vậy.

303. **H.** — *Cái thuật* **phân-thân biến-hóa** *ấy, ngày nay người ta kêu là gì ?*

**Đ.** — Kêu là : **Thôi-miên cảm-ứng (la suggestion hypnotique).**

304. **H.** — *Ngoài người sứ-giả, còn người khác củng có thể thấy được những hình-ảnh biến-hóa ấy không ?*

**Đ.** — Cái đó tùy theo ý muốn của vị A-ra hoặc người làm thôi-miên-thuật. Giả như có năm chục hay năm trăm người, vị A-ra muốn cho mỗi người đều thấy, hay chỉ cho một mình người sứ-giả thấy mà thôi, cũng được.

305. **H.** — *Khoa-học ấy ngày nay có thông-dụng không ?*

**Đ.** — Có, thông-dụng cho mấy ngươi có học cách **Truyền-điễn (mesmérisme)** và thuật **Thôi-miên (hypnotisme).**

306. **H.** — *Nhà khoa-học ngày nay họ tin cái thuyết gì lại hợp với cái thuyết* **"Karma" (hay là nghiệp-báo)** *của Ấn-độ-giáo* **(tức là đạo Bờ-ra-măn)** *và Phật-giáo ?*

**Đ.** — Các nhà bác-học ngày nay họ tuyên-bố rằng mỗi đời **(génération)** của người ta có những tánh tốt lòng nhơn và nết hư tật xấu đều do ở đời trước di-truyền lại, không phải của xả-hội di-truyền, mà là của cá-nhơn vậy. Còn theo như đạo Phật, thì, đời nay ta ở cảnh vui hay khổ là do nguyên-nhân kiếp

trước mà ra. Ấy cũng là cái quan-niệm về **Nghiệp-báo** cả.

307. **H.** — *Kinh Hoa-so-ta* (**Vâsetha Sutta**) *nói về nguyên-nhân trong vỏ-trụ thế nào ?*

**Đ.** — Nói rằng: «Thế-giới có ra là bởi có nguyên-nhân; muôn loài, muôn vật cũng bởi nguyên-nhân mà ra cả».

308. **H.** — *Phật có dạy rằng cái hiện-tướng của vỏ-trụ như: mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, trái đất, các loài kim thạch, động-vật, thực-vật và loài người hằng còn mải-mải không ?*

**Đ.** — Không. Phật dạy rằng vạn vật đều phải biến-đổi, phải tiêu-diệt, không có vật nào được hằng còn, hằng sống đời-đời.

309. **H.**— *Đã tiêu-diệt rồi, không bao giờ trở lại sao ?*

**Đ.** — Không, theo luật tiến-hóa, nếu còn Nghiệp riêng và Nghiệp chung (**Karma individuel et collectif**), thì sẻ tiến-hóa một thế-giới khác, cũng như thế-giới nầy do A-ca-sa (**A'kâsa= éther** hay tinh-khí) tiến-hóa ra vậy.

310. **H.** — *Phật-giáo có nhận rằng người ta có phép mầu-nhiệm biến-hóa ra những hiện-tượng lạ-lùng không ?*

**Đ.** — Có, nhưng phép-tắc ấy thuộc về tự-nhiên, mà không phải lạ-lùng gì cả. Phép-tắc ấy **hiển** ra là nhờ làm theo những phương-pháp của một phái nào tùy ý mà trong Kinh có nói rỏ.

311. **H.** — *Môn học ấy tên là gì ?*

**Đ.** — Tiếng **Pali** kêu là : I-đi-Vi-đa-na (**Id-dhi-Vidhanâna**).

312. **H.** — *Có mấy phái ?*

**Đ.** — Có hai phái : Lăn-ki-ca (**Lankika**) và Lô-cô-ta-ra (**Lôkôttara**). Phái Lăn-ki-ca thì làm khổ-hạnh, uống thuốc, đọc thần-chú và nhờ phương-ngoài như bùa, ngải, v. v. mới có được phép-tắc, nhưng phép-tắc ấy chỉ linh-hiển tạm-thời mà thôi, chớ không phải có bền lâu được ; còn phái Lô-cô-ta-ra thì chỉ cứ trau-giồi cho sáng-suốt trong lòng, tự-nhiên có phép-tắc, không cần thuốc-men bùa-chú gì cả.

313. **H.** — *Làm cách nào cho trong lòng được sáng-suốt ?*

**Đ.** — Làm cái phương-pháp Da-na (**Dhyâ-na**) mà ta kêu là phép **Thiền-định**.

314. **H.** — *Phép-tắc thần-thông ấy được còn hoài hay cũng phải mất (1) ?*

**Đ.** — Phép Lăn-ki-ca có thể mất, chỉ có thần-thông Lô-cô-ta-ra là được còn mải thôi. Bởi thần-thông Lô-cô-ta-ra duy có bậc A-ra theo cái **đời-chánh** của **Tám đường chánh** và thấu được lý Niết-bàn mới có được.

---

(1) Chỉ có người nào trị được lòng tham-dục, là một vị A-ra, thì phép thần-thông mới còn được mải thôi. Một người xấu cũng có thể có phép-tắc được, phép-tắc củng giúp cho lòng ích-kỷ của họ, nhưng không được bền lâu, và sau cái lòng xấu ấy phản lại khiến cho họ phải bị hại. — **Sumangala Sthavira.**

315. **H.** — *Phật có thần-thông Lô-cô-ta-ra không ?*

**Đ.** — Có, được trọn lành, trọn tốt.

316. **H.** — *Đệ-tử Phật được mấy người có phép thần-thông ấy ?*

**Đ.**— Một vài người, song cao thấp không đồng, ấy bởi cái lực-lượng cũa mỗi người khác nhau vậy.

317. **H.** — *Lấy chứng-cớ nào làm chắc ?*

**Đ.**— Hết thảy đệ-tữ Phật, chỉ có ông Mô-ga-la-na (**Mogallâna**) là được phép thần-thông biến-hóa hơn hết ; còn A-nan-đa (**Ananda**) là người đệ-tữ thân-tín của Phật, trong hai-mươi lăm năm trường mà không được gì cả. Nhưng Phật có nói trước rằng sau ông A-nan-đa củng sẻ được phép thần-thông ấy.

318. **H.** — *Phật có khuyến-khích sự hiện ra các phép thần-thông biến-hóa ấy không ?*

**Đ.** — Không, Phật chê hẳn. Vì hiện các phép thần-thông biến-hóa ấy, chẳng những làm mê-hoặc cho người không biết, mà cũng nguy-hiểm cho người làm : phải mất công tập đi luyện lại, hoặc sanh lòng háo-danh, hoặc tọc-mạch vô-lối. Vả lại, những phép-tắc ấy, mấy tay phù-thủy, huyền-thuật trong phái Lăn-ki-ca (**Lankika**) củng giỏi-giang thông-thạo, thì có quí-báu lạ-lùng gì !

319. **H.** — *Trong kinh cũng thường nói đến loại Thiên-thần (tiếng Phạn:* **Deva**), *vậy người đạo Phật cũng tin có* **người khuất mặt** *sao ?*

**Đ.**— Tin có loại ấy, nhưng họ có cỏi riêng của họ.

320. **H.** — *Có mấy loại Thiên-thần ?*

**Đ.**— Ba loại : **Kâmâcharâ**=欲界 (loại còn lòng dục) ; **Rûpâvachara**=色界 (loại còn hình-sắc, nhưng đả hết lòng dục, nghỉa là cao hơn loại trước) ; **Arûpâvachara**= 無色界 (loại không còn hình-sắc, chỉ còn ý-thức mà thôi, là loại Thiên-thần cao hơn nửa).

321. **H.** — *Chúng ta phãi sợ các loại Thiên-thần ấy không ?*

**Đ.**— Người nào ngay-thẳng trong-sạch, có lòng từ-bi, tinh-thần mạnh-mẻ thì không sợ cái gì hết. Cũng không phải người, trời, thần, quỉ nào làm hại được ; nhưng chỉ có những người xấu-xa tà-vạy và những người hay cầu-khẩn cúng-vái thì thần, quỉ mới có quyền khuấy-phá họ thôi.

**In tại Nhà In Xưa-Nay. Nguyễn-háo-Vĩnh**
**60/64, Boulevard Bonard, Saigon.**

# PHẦN PHỤ THÊM

## Mười bốn điều tin gốc của đạo Phật

**I.** — Người đạo Phật phải tỏ lòng từ-bi bác-ái đối với loài người (không phân-biệt là giống nào, nước nào hay đạo nào) và các loài động-vật.

**II.** — Vỏ-trụ có ra là do theo Luật tiến-hóa mà không phải do bởi cái ý riêng của một Đấng nào sáng-tạo.

**III.** — Đạo Phật là một đạo có chơn-lý hẵn-hòi, chơn-lý ấy do những người **sáng-suốt,** là Phật kiếp trước và Phật kiếp nầy, ra đời giáo-hóa mà tế-độ quần-sanh, chớ không phải là **mặc-khải** mơ-hồ.

**IV.** — Ông Giáo-chủ của đạo Phật kiếp nầy là Phật Sa-ki-da Mu-ni (Thích-ca Mâu-ni), tên Si-đát-ta, họ Gô-ta-ma, sanh trong một nhà đế-vương ở Ấn-độ, đến nay đả 2.500 năm, chính là một nhơn-vật về lịch-sữ.

**V.** — Phật Thích-ca Mâu-ni dạy rằng bởi vô-minh sanh ra dục-vọng, dục-vọng là cái gốc luân-hồi tái-sanh, luân-hồi tái-sanh là

nguyên-nhân cũa sự thống-khổ. Vậy muốn hết thống-khổ thì phải ra khỏi nẽo luân-hồi, muốn khỏi nẻo luân-hồi thì phải dứt lòng dục-vọng, muốn dứt lòng dục-vọng thì phải trừ-diệt vô-minh.

**VI.** — Vô-minh mê-muội nên mới cố tin rằng sự luân-hồi tái-sanh là một sự trọng-yếu, nghĩa là phải sống đi chết lại mải kiếp nầy qua kiếp khác, không bao giờ cùng-tận được. Nhưng đến khi tỉnh-ngộ thì biết rằng sự luân-hồi không có trọng-yếu gì cả, cũng có phương-pháp để làm cho tiêu, cho hết được. Vô-minh mê-muội cũng sanh ra cái quan-niệm sai-lầm trái lẻ rằng người ta chỉ có một kiếp biến-đổi sống chết nầy rồi thì lên Thiên-đường hoặc xuống Địa-ngục, hưởng phước hay chịu khổ đời-đời, chớ không có luân-hồi tái-sanh gì nữa.

**VII.** — Người có trí-huệ, có tư-tưởng cao-siêu, dứt hết lòng tham-muốn mọi sự vui-sướng đê-hèn ích-kỷ, hết sức vì nhơn-loại quần-sanh thì phá được sự vô-minh mê-muội.

**VIII.** — Lòng tham sống chính là cái gốc của sự luân-hồi, khi nào cái lòng tham sống dứt rồi thì kiếp luân-hồi cũng phải mản, và được đến bậc hoàn-toàn tịch-tịnh, bậc ấy kêu là Niết-bàn.

**IX.** — Muốn phá vô-minh, hết thống-khổ thì phải biết **Bốn lẻ thiệt** là:

1°— Đời là khổ ;

2°— Nguyên-nhân sự khổ là lòng dục-vọng không nhàm, không chán ;

3°— Trừ-diệt lòng dục-vọng ấy ;

4° — Phương-pháp trừ-diệt lòng dục-vọng ấy là **Tám đường chánh** : Thấy chánh ; Suy-nghỉ chánh ; Lời nói chánh ; Việc làm (nghề-nghiệp) chánh ; Đời (mạng) chánh ; Rán sức chánh ; Nhớ-tưởng chánh ; Định chánh.

**X**. — Định (thiền-định) chánh thì hết loạn-động, dứt vô-minh, mở trí-huệ mà sáng lòng, thấy tánh được.

**XI**. — Cái yếu-lý của Phật-pháp, Phật dạy tóm-tắt rằng :

Kiêng các đều ác,
Làm các đều lành,
Dứt hết lòng vọng.

**XII**. — Vỏ-trụ bị chi-phối ở dưới một cái nguyên-nhân kêu là **Karma** hay **Nghiệp**. Cho nên kiếp trước ta tạo **nhân** (lành hay dử) thế nào, thì kiếp nầy cảm **quả** (vui hay khổ) cũng phải như thế, và ta cũng cải-tạo nhân dử ra nhân lành, quả xấu ra quả tốt được (trái lại, cải-tạo nhân lành ra nhân dử, quả tốt ra quả xấu cũng được).

**XIII**. — Giái-luật của Phật dạy ta nên vâng giử để tránh cái ác-nghiệp, là : 1° — Không giết hại ; 2°— không trộm cắp ; 3°— không tà-dâm ; 4°— không nói dối ; 5° — không dùng những vật-phẩm có tánh-chất hay say-sưa,

mê-mệt. Còn năm điều nửa để riêng cho hạng người muốn hết thống-khổ, khỏi luân-hồi là hạng người xuất-gia, vậy không cần kể hết ra đây.

**XIV.** — Phật-pháp không cho mê-tín dị-đoan. Phật dạy rằng cái nghĩa-vụ làm cha là phải dạy cho con thông-hiểu khoa-học và văn-học. Phật dạy rằng ta chớ tin lời cũa ông thánh nào, sách-vỡ nào và cái cựu-truyền (**tradition**) nào không hợp lẻ.

Mười bốn điều ấy, Phật-giáo-hội nhóm ở **Adyar, Madras,** ngày 8, 9, 10, 11, 12 janvier 1891, gồm có hai phái Nam-tôn và Bắc-tôn, có các sư-cụ ở Nhựt-bổn, Miến-điện và Tích lan đã công-nhận là chánh-truyền cũa Phật giáo.

**In tại Nhà In Xưa-Nay, Nguyễn-háo-Vĩnh**
**60/64, Boulevard Bonard, Saigon**

P. G. V.Đ. n° 8

# TỪ-KHẢO

**Ác-liệt** = Hung-ác, xấu-xa.

**A-dô-ca** = Tên cũa một ông vua có công nhứt với Phật-giáo, theo chữ Tàu ta đọc là A-dục-vương.

**A-gia-ta-xa-tờ-ru** = Tên người ; con vua Bin-bi-sa-ra, theo chữ Tàu ta đọc là A-xà-thế-vương.

**A-nan-đa** = Tên người ; theo sách Tàu nói là em nhà chú cũa Phật, em ruột Đê-hoa-đát-ta.

**A-na-ta-be-đi-ca** = Biệt-hiệu cũa Xu-đát-ta hay Tu đạt), theo chử Tàu ta đọc là Cấp-cô-độc (dịch nghĩa) nghỉa là : một người thí cơm cho kẽ côi-cút nghèo nàn.

**Ảnh-hưởng** = Chính nghỉa là cái bóng, cái vang. Dùng nghĩa bóng để chĩ cái thế-lực vô-hình của vật nọ đối với vật kia, người nọ đối với người kia. — **Influence ; exercer une influence (Nam Phong Tùng Thơ).**

**A-nu-ru-đa** = Tên người ; theo chử Tàu ta đọc là A-nâu-lâu-đà.

**A-ra (Arhat)** = Cái bậc để chỉ người tu-hành đã thấu được lý Niết-Bàn, không còn tái sanh nữa, là một bực thánh cao hơn hết trong bốn bực thinh-văn. Theo chữ Tàu ta đọc là A-la-hán.

**Ba cỏi thiên-thần** = 1° — Cỏi dục (Dục-giái) ; 2° — Cỏi sắc Sắc-giái) ; 3° — Cỏi không sắc (Vô-sắc-giái).

**Ba-gia-ba-ti** = Tên người ; em ruột cũa Ma-da-phu-nhơn, thứ-phi cũa vua Su-đô-đa-na, di và mẹ nuôi cũa Phật, lại là một người đàn-bà xuất-gia trước nhứt. Theo chử Tàu ta đọc là Ba-xà-ba-đề

**Ba-la-di**= Chữ Tàu dịch tiếng Ba-ra-gi-ca **(Para-jika)** cũa Ấn-độ, nghĩa là không ở chung. (ai phạm bốn điều tội trọng thì Giáo-Hội không cho ở chung nữa).

**Bao-quát**= Bao trùm hết thảy.

**Bà-la-môn-giáo** (đạo Bờ-ra-măn)= Đạo gốc của Ấn-độ. Trong đạo ấy tuy có nhiều phái, song cũng đều thờ Đại Phạn-thiên **(Brahma)**, gọi là Chúa vạn-vật, và củng lấy bốn sách Uê-đa **(Védas)** làm giáo-lý mà thôi. Bởi người Bờ-ra-măn nắm giử Giáo-quyền, nên kêu là Bà-la-môn-giáo. (Bốn sách **Védas** là : **1o — Rig-véda, 2o — Yajur-véda, 3o — Sama-véda, 4o — Atharva-véda).**

**Bãn-năng**= Cái năng-tánh vốn có tự-nhiên. — **Instinct.**

**Bãn-tánh**= Cái tánh cội gốc, không sanh không diệt, không biến không đổi, vô thỉ vô chung. Trái với vọng-tâm. Bác-nhã-tôn kêu là Bãn-tánh, Pháp-tướng-tôn kêu là Chơn-tâm, tên khác mà nghĩa đồng.

**Bắc-tôn**= Phái Phật-Giáo ở phía Bắc Ấn-độ, kinh-điển chép bằng tiếng **Sanscrit ;** Tây-tạng, Tàu và Nhựt đều thuộc về phái ấy, khác với Tích-lan, Miến-điện và Xiêm-la. Củng kêu là phái Đại-Thừa *(hay là phái Tiến-thủ).*

**Bê-na-rét**= Tên thành; ta theo chữ Tàu đọc là Ba-nại-la. (**Bénarès**)

**Bin-bi-sa-ra**= Tên vua nước Ma-gách-đa, ta theo chữ Tàu đọc là Tần-bà-ta-la.

**Bình-bát**= Cái bát của thầy Bí-xu để đi xin ăn.

**Bịnh bất-trị**= Bịnh không trị được, như bịnh lao, bịnh phung, v.v.

**Biểu-hiện**= Hiện ra ngoài.

**Bí-xu**= Cái tên chung để chỉ người xuất-gia đã hứa giữ Cụ-túc-giái (hay : 250 điều luật). Theo chử Tàu ta đọc là Tỉ-khưu, nghĩa là người đi xin ăn. Bởi người đã ra khỏi lưới trần, vào đường giãi-thoát, không mưu-toan sanh-kế, không tích-trử tiền-tài, chỉ đi xin ăn cho được sống một cách sạch sẽ. Nhưng đi xin ăn không phải hèn hạ như ăn-mày, vì người ấy là người đạo-đức cao, học thức rộng, mỗi lần đi xin ăn đều có thuyết-pháp để chữa lòng trần-tục cho người thí-chũ, và xin ăn một cách bình-đẳng, không phân-biệt nghèo, giàu, sang, hèn. Như vậy, mới phải là Bí-xu. Nếu chĩ đi xin ăn mà không biết thuyết-pháp, ấy là kẽ ăn mày, không được gọi là Bí-xu. Bởi vậy cho nên để nguyên tiếng Phạn mà không dịch ra.

**Bí xu-ni**= Tên chung để chĩ người đàn-bà xuất-gia đả hứa giử Cụ túc-giái (hay là 348 điều luật .

**Bô-đi**= Ta theo chử Tàu đọc là Bồ-đề, nghĩa là tỉnh-ngộ, sáng-suốt. Cây Bô-đi nguyên danh là A-hoa-ta **(Asvatha)**, vì Phật thành-đạo dưới gốc cây ấy nên người đạo Phật gọi là cây Bô-đi.

**Bốn lẻ thiệt**= Tức là Tứ Diệu-đề.

**Bồ-tát**= Tiếng Phạn là Bô-đi-sát-hoa **(Bodhi sattva)**, theo chử Tàu ta đọc là Bồ-đề-tát đã, nhưng nói tắt là Bồ-tát. *Bô-đi* nghĩa là tỉnh ngộ, sáng-suốt, *sát-hoa* nghĩa là loại hữu-tình (hoặc chúng-sanh). Bô-đi-sát-hoa tức là một người chúng-sanh đã tĩnh-ngộ, sáng-suốt, nghĩa là một người tiêu hết lòng tham-dục, chan-chứa lòng từ-bi, sẻ mãn kiếp chúng-sanh mà đươc thành Phật.

**Bờ-ra-măn** (**Brahmane**,=Hạng thầy tu ở Ấn-độ, cầm

giữ giáo-quyền, đứng đầu trong bốn cấp. (bốn cấp là : 1o — **Brahmane** hay hạng thầy tu ; 2o — **Ksatrya** hay hạng vỏ-sĩ ; 3o — **Vaishya** hay hạng thương-mãi ; 4o — **Sudras** hay hạng cày cấy và tôi-mọi).

**Ca-li-Du-ga**= Đời suy loạn (**l'âge noir**), lâu đến 432.000 năm (**Dictionnaire Khéa**).

**Ca-sa** (Kasaya)= Màu xấu-xa (nâu sồng). Bởi pháp-y (áo theo kiểu nhà Phật) cũa thầy Bi-xu mặc, không dùng màu sắc tươi-tốt xinh-đẹp, cho nên gọi là ca-sa. Ca-sa có ba thứ (thầy Bí-xu phãi có đũ) : 1. Áo lớn, tiếng Phạn là Săn-ga-ti (**sanghati**), để mặc trong những khi thọ-giái, thuyết pháp, đi xin ăn, khi ra đường ; 2. áo thường, tiếng Phạn là Út-ta-ra-săn-ga (**Uttará-sangha**), áo để mặc thường ; 3. áo nhỏ, tiếng Phạn là Ăn-ta-hoa-sa-ca (**Antarvâsaka**), áo mặc trong.

**Cá-tánh**= Cái tánh-chất riêng, không đồng với tánh-chất của người khác (danh từ về tâm lý-học).

**Căn-ta-ca**= Tên ngựa của thái-tữ Si-đát-ta, theo chử Tàu ta đọc là Càn-trắc.

**Công-đa-nha**= Một thầy trong năm thầy khổ-hạnh, khi thấy Phật thôi làm khổ-hạnh, bèn dắc nhau bỏ qua vườn Lộc-dả, sau cảm-hóa theo Phật-pháp và làm đệ-tử Phật trước hết. Ta theo chử Tàu đọc là Kiều-trần-Như.

**Công-đức**= Sạch hết sự ác là công, đầy đũ sự lành là đức.

**Công-viên**= Vườn để cho công-chúng dạo xem.

**Cổ vật-học** (nhà Cổ-vật-học)= Kẽ thông-thạo về cổ-tích.

**Cu-si-na-ga-ra** (hoặc Cu-si-na-ra)= Tên thành, theo

chử Tàu ta đọc là Câu-thi-na-yết-la hoặc Câu-thi-na-kiệt.

**Cuỵn-đa**= Tên người, theo chử Tàu ta đọc là Thuần-đà.

**Cứu-tánh**= Rốt-ráo, cùng-tận, viên-mãn.

**Cứu-tế**= Cứu giúp, tế-độ.

**Cựu-truyền**= Tục xưa lưu truyền lại.

**Chánh-giác**= Cái trí chơn-thiệt của Phật kêu là chánh-giác, nghĩa là cái trí sáng-suốt chơn-chánh chứng biết hết thảy các phép. Thành Phật cũng kêu là thành chánh-giác, tức là đã được cái trí sáng-suốt mọi lẻ ấy. Chánh-giác tiếng Phạn là « **Sambodhi** » ta theo chử Tàu đọc là "Tam-bồ-đề".

**Chánh-thức**= Cái phương-thức chánh-đáng. Pháp-luật dùng tiếng ấy để gọi cái gì hợp với phương thức, như nói chánh-thức hôn-nhơn tức là kết-hôn hợp với phương-thức, v. v.

**Chánh-truyền**= Giáo-lý lưu-truyền lại mà còn giữ được thuần-túy.

**Chấp-trước**= Lòng cố đeo-đuổi theo một sự gì mà không chịu rời ra.

**Châu-du**= Đi khắp mọi nơi. — **Parcourir.**

**Chơn-tâm**= Xem ở điều "Vọng-tâm" và "Bổn-tánh".

**Chủng-tộc**= Giống nòi.

**Da-dô-đa-ra**= Vợ cũa thái-tử Si-đát ta, theo chử Tàu ta đọc là Da-du-đà-la.

**Da-na**= Xem ở điều "Thiền định".

**Da-xa**= Tên người ; theo chử Tàu ta đọc là Da-xá,

**Di-truyền**= Cái tánh-chất về thân-thể, về tinh-thần do ông cha sang truyền lại. Như tánh-tình, tướng-mạo và tật-bịnh đều di-truyền được cả.

**Dỏng-mãnh**= Mạnh-mẻ, chẳm-hẵm.

**Duy-nhứt**= Chỉ có một mà thôi.

**Đặc-sắc**= Màu sắc riêng ; vẻ đẹp, vẽ lạ.

**Đặc-tánh**= Tánh-chất riêng ; các loài động-vật, thực-vật nhờ có cái tánh-chất riêng mới phân-biệt được vật tương-tợ với nó.

**Đại-kiết-tập**= Xem ở điều "Kiết-tập" .

**Đa-số**= Phần nhiều hơn.

**Đê-hoa-đát-ta**= Tên người ; anh ruột cũa A-nan-đa, theo chử Tàu ta đọc là Đề-bà-đạt-đa.

**Đề-nghị**= Điều bày ra để bàn bạc.

**Độc-lập**= Đứng một mình, không nương dựa với ai.

**Đời chánh**= Ta theo chử Tàu, đọc là chánh-mạng, nghỉa là không làm điều gì tà-vạy trái lẻ mà sống một cách ích-kỷ.

**Gô-ta-ma**= Theo chử Tàu ta đọc là Cù-đàm.

**Giã-hợp**= Hợp lại trong một lúc rồi phãi rời-rã tan-lìa mà không được trường-cửu.

**Giai-cấp**= Chính-nghĩa là thềm bậc. Dùng để chỉ các bậc người trên xã-hội, có phân cách nhau.

**Giãi-thoát**= Lòng được rãnh-rang thong-thã, thoát khỏi mọi đều trói-buộc.

**Giảo-chánh**= Tra xét và đính chánh lại những chỗ sai lầm trong sách vở.

**Giáo-chủ**= Người sáng-lập ra một cái đạo gọi là Giáo-chũ : như Thích-ca Mâu-ni là Giáo-chủ đạo Phật, Ma-hô-mê (**Mahomet**) là Giáo-chủ đạo Hồi-hồi, v. v.

**Giáo-hội**= Cái đoàn-thể hay cái hội về tôn-giáo ; như Phật-giáo-hội, Hi-lạp-giáo-hội, La-mả-giáo-hội, v. v. (tiếng ấy trước kia chỉ một minh đạo Cơ-đốc dùng mà thôi.

**Giơ-ta-hoa-na**= Tức là Kỳ-viên.

**Hàm-súc**= Đựng chứa.

**Hi-sanh**= Dùng trâu, dê, lục-súc để tế Thần gọi là hi sanh. Nay người ta dùng tiếng ấy để chỉ người nào liều bỏ hết mọi việc; như nói hi-sanh tánh mạng, hi-sanh tài sản, hi-sanh danh-dự tức là liều bỏ hết, không kể tánh-mạng, tài-sản, danh-dự gì nữa.

**Hoàn-tục**= Người xuất-gia trở về thế-tục.

**Hoạt-động**= Vận-động một cách hoạt-bát, mạnh-mẽ, kịch-liệt.

**Huyền-tưởng**= Sự tưởng-tượng trong trí mà không phải sự có thật.

**Huơ-lu-hoa-na**= Tức là Trúc-viên (vườn tre).

**Hướng-đạo**= Kẻ dắc đường.

**Ích-kỷ**= Kẻ chỉ lo toan sự ích-lợi riêng cho mình mà thôi.

**Kiết-tập**= Sau khi Phật tịch-diệt, hết thảy đệ-tử Phật nhóm lại, rồi mỗi người đem bài thuyết-pháp cũa Phật mà chính mình có nghe chắc-chắn ra đọc lại cho hội-chúng công-nhận, và kết-hợp thành Ba Tàng Kinh. Kiết-tập tiếng Phạn là "**Samgiti**".

**Kiểm-soát**= Xem xét, coi sóc.

**Khoách trương**= Mở-mang cho rộng lớn ra.

**Khuyến-khích**= Khuyên khen, giục lòng.

**Khuynh-hướng**= Nghiêng theo về một đường nào.

**Lẻ sanh-tử**= Cái lẽ sống chết, (sống ở đâu đến, chết rồi về đâu?) và tại nguyên nhân gì mà cứ sống đi chết lại.

**Lý-trí**= Cái năng-lực để cho ta nhin biết và phán-

đoán. Hoặc kêu là lý-tánh ; trái với cảm-tình (**sentiment**), thuộc về danh-từ triết-học.

**Ma-gách-đa**= Ta theo chử Tàu đọc là Ma-kiệt-đà.

**Ma-ha-quăn-sa**= Tich-Lan đại-thống-sữ.

**Ma-quân**= Quân-binh cũa Ma-chướng, nghỉa là tà-ma nghiệp-chướng trong lòng rất nhiều củng như một đội binh vậy.

**Mặc-khải**= Mách-bảo ; như đạo Cơ-đốc họ xưng là đạo Mặc-Khải hoặc Thiên-Khải (**religion révélée**), nghĩa là họ cho rằng nhờ Chúa mách-bảo cho mới biết được những chơn-lý, những sự nhiệm-mầu và ý-chỉ của Chúa, chớ rít người không thế nào hiểu biết được.

**Mô-ga-la-na**= Ta theo chử Tàu đọc là Mục-kiền-liên

**Môi-giới**= Mai-mối ; đứng giữa mà đưa dẫn cho hai bên.

**Nam-Tôn**= Phái Phật-giáo ở phia Nam Ấn-độ, kinh-điển chép bằng tiếng Pali. Tích-lan, Miến-điện, Xiêm-la đều thuộc về phái ấy. Khác với Bắc-tôn, cho nên gọi là Nam-tôn, củng gọi là phái Tiểu-thừa (hay phái Bảo-thủ).

**Nguyên-tố**= Cái phần chủ-yếu để kết-cấu lập-thành ra một sự-vật, tánh-chất rất đơn-thuần, không còn phân-tích ra được nửa.

**Nhập-định**= Ngồi lẳng-lặng mà định-tâm, không cho loạn động.

**Nhơn-loại**= Loài người.

**Như-Lai**= Một người hiền-triết ra đời giáo-hóa, củng như các người hiền-triết trước kia. Phật củng thường dùng tiếng ấy mà xưng mình.

**Oai-thần**= Oai-thế mạnh-mẽ vô-cùng.

**Phát-lộ**= Bày tỏ ra.

**Phát-triển**= Mở-mang **(se développer).**

**Phấn-đấu**= Ra sức mà chiến-đấu.

**Phiền-nảo**= Cái lòng tham muốn sự vui-sướng thế-gian, khiến phải cực lòng mệt xác, cho nên gọi là phiền-nảo. Tiếng Phạn là **"Klesha".**

**Phổ-cập**= Khắp đến.

**Phù-thủy**= Thầy Pháp (kẻ vẻ bùa phun nước làm phép).

**Quan-niệm**= Trí người xem-xét và nghĩ-ngợi.

**Quần-sanh**= Các giống sanh-vật, đồng nghĩa với tiếng chúng-sanh.

**Quần-thần**= Bầy tôi.

**Quí-tộc**= Dòng sang-trọng.

**Ra-gia gờ-ri-ha**= Tức là Vương-xá-thành.

**Ra-hu-la**= Tên người, con của thái-tử Si-đát-ta, theo chữ Tàu ta đọc là La-hầu-La.

**Sa-ki-da** (Sát-da ? Sát-ca ?)= Theo chữ Tàu ta đọc là Thích-ca.

**Sa-la**= Tên cây, theo chữ Tàu ta đọc là Ta-la.

**Sa-ma-na**= Tên chung để chỉ những người xuất-gia (không luận đạo nào) chuyên lo về đường tinh-thần đạo-đức, bỏ hết mọi sự vui-sướng ở đời.

**Sa-ma-nơ-ra**= Kẽ mới xuất-gia học đạo (**novice bouddhiste**); theo chử Tàu ta đọc là Sa-di.

**Sám-hối**= Tỏ bày tội-lỗi mình ra mà xin ăn năn, về sau không dám phạm lại nữa. Tiếng Phạn là **"Ksamayati"** Tàu dịch âm là "sám-ma", dịch nghĩa là "hối" *(ăn-năn chừa lỗi)*; nói "sám-hối" là gồm cả tiếng Phạn và tiếng Tàu vậy.

**Sa-na**= Tên người; theo chử Tàu ta đọc là Xa-nặc.

**Sanh-lý-học**= Khoa-học nghiên-cứu về sự sống và lẻ sanh-hoạt trong các giống sanh-vật.— **Physiologie.**

**Si-đát-ta**= Theo chữ Tàu ta đọc là Tất-đạt-đa.

**Siêu-hình-học**= Cái gi ở ngoài hình-thể, ngoài vật-chất, nói về những lẻ buyền-bí cao-xa, như Triết-học, Chánh-trị-học, v.v.

**Su-đô-đa-na**= Cha sanh của Phật, theo chử Tàu dịch nghĩa là Tịnh-phạn-vương.

**Sùng-thượng**= Tôn-sùng, kính-chuộng.

**Tám-đường-chánh**= Ta theo chữ Tàu đọc là Bát-chánh-đạo.

**Tăng**= Tức là chữ "tăng-già" của Tàu dịch tiếng "**sangha**" cũa Ấn-độ, nói tắt là "tăng".

**Tăng-chúng**= Nhiều thầy Bi-xu hợp lại làm một đoàn.

**Tăng-già**= Tức là Săn-ga "**sangha**" tiếng Ấn-độ, để chỉ một cái đoàn-thể xuất-gia học Phật.

**Tăng-hội**= Hội tăng-già (hay Giáo-hội.)

**Tích cực** (positif)= Nguyên danh-từ về điễn-học, nhưng thường dùng để chỉ việc làm nào có tánh-chất tiến-thủ; trái với tiêu-cực (**négatif**) là tiếng dùng để chỉ việc làm nào có tánh-chất bảo-thủ. Như nói về lý-tài, chỉ bớt sự tiêu-xài mà thôi là tiêu-cực; nhưng kinh-doanh sự nghiệp ra to-tát là tích-cực. Về đạo-đức, nếu chĩ không làm ác là tiêu-cực, chẳng nhửng không làm ác mà lại còn làm thiện là tích-cực.

**Tích-lủy**= Dồn đễ, chất-chứa.

**Tịch-diệt**= Lẳng-lặng, tắt mất; ấy là Tàu dịch nghĩa tiếng "Niết-bàn". Người tu-hành đắc-đạo khi chết củng kêu là tịch-diệt, củng như nói vào Niết-bàn, nghĩa là người đả tắt mất lòng tham sống, không còn luân-hồi tái-sanh nữa.

**Tiến-hóa**= Thể-chất công-dụng của vạn vật noi theo lẻ lọc-lựa thiên-nhiên mà tiến lên, như do đơn-thuần mà tiến lên phúc-tạp, do bực thấp mà tiến lên bực cao, v. v.

**Tiêu cực**= Xem ở điều "Tích-cực".

**Tỉ-khưu**= Tức là Bí-xu (bởi ta đọc theo chử Tàu).

**Tinh-xá**= Nhà tinh-khiết, chổ ở cũa người sạch vọng-tâm, (bởi không trần-trược cho nên gọi là tinh-khiết). Tiếng Phạn là Vi-ha-ra (**vihâra**).

**Tinh-tấn**= Nong-nả, sấn-sướt.

**Tịnh độ-tôn**= Một phái trong Phật-giáo, ông Phổ-hiền-bồ-tát là sơ-tổ của phái ấy, chủ-trương việc niệm phật cầu về Tịnh-độ (Tịnh-độ là cỏi thanh-tịnh, vui vẻ không phải uế-trược thống-khổ như cỏi nầy, tức là cỏi Phật ở Tây-phương).

**Tín-đồ**= Người tín-ngưởng về tôn-giáo.

**Tôn-giáo**= Lấy Thần-đạo ra lập giáo, bày có qui-ước, có tín-điều, khiến cho người ta sùng bái, tín-ngưởng, gọi là tôn-giáo. Tôn-giáo nào chuyên thờ một vị Thần, như Cơ-đốc-giáo **(Christianisme)** thì gọi là Nhứt-thần-giáo **(Monothéisme)** ; còn tôn-giáo nào thờ nhiều vị Thần, như Đạo-giáo (hay Lảo-giáo) thì gọi là Đa-thần-giáo **(Polythéisme)**.

**Tôn-xưng**= Xưng hô một cách tôn-kính.

**Từ-bi**= Lành, thương : Đem đạo-pháp và tiền-tài cứu-độ cho hết thảy quần-sanh được hết khổ, được yên vui cả tinh-thần và xác-thịt.

**Tự-nhiên khoa học**= Khoa-học nghiên-cứu về vật-chất tự-nhiên và hiện-tượng tự-nhiên, như vật-lý-học, sanh-vật-học, v. v.

**Tự-sát**= Tự giết mình mà chết.

**Tham-thiền**= "Thiền" hay "thiền-na" là chử Tàu

dịch tiếng "Đi-ăn" **(Dhyan)** hay "Da-na" **(Dhyana)** của Ấn-độ, nghĩa là lẳng-lặng mà suy tìm, tức là dứt hết mọi đều tư-lự lo-tính khác, chĩ chuyên lòng về một, mà suy tìm cái lẻ siêu-việt vô-hình. Tham-thiền nghĩa là tham vào con đường "lẵng-lặng suy tìm" ấy.

**Thánh-quả**=Bậc thánh : người tu nhân giải-thoát, cho nên chứng đặng cái quã thánh, không còn luân-hồi tái-sanh nữa.

**Thảo-luận**= Cùng nhau bàn-bạc một sự gì cho được xác-đáng hơn.

**Thần-thông**= Phép biến-hóa mầu-nhiệm.

**Thế-kỷ**= Một thế-kỷ là một trăm năm.

**Thế tôn**= Bậc tôn-quí trong đời ; tiếng dùng để tôn-xưng Phật.

**Thiền-định**= Dứt hết mọi đều lo tính, chuyên tâm về một mà suy tìm, cho nên trong lòng được yên tịnh lặng-lẻ.

**Thiệp-liệp**= Hiểu sơ qua mà không được rành rẻ.

**Thinh-văn**= Nghe Phật thuyết pháp mà đắc đạo gọi là Thinh-văn (tiếng Phạn : **Shravaka**) : Có bốn bậc : **1°— Sotâpatti** (hay là Tu-đà-hoàn), là người vừa hiểu thấu "Bốn lẽ thiệt" và mới được dự vào đường thánh mà thôi ; **2°— Sakârdagâmi** (hay là Tư-đà-hàm), là người vừa trừ được lòng tham-dục, sân-hận, ngu-si, chỉ còn tái-sanh lại thế-giái nầy một lần nữa thôi ; **3°— Anagami** (hay là A-na-hàm), là người đả dứt hết vọng-tâm, nên không còn trở lại thế-giái nầy nữa ; **4°— Arhat** (hay A-la-hán), là người chẳng những đả được thoát khỏi nẻo Luân-hồi, mà cũng được trí huệ đầy đũ, có lòng thương xót muôn loài còn đương chìm-đắm trong vòng vô-minh thống-khổ.

**Thoát-tục**= Thoát khỏi vòng trần-tục.

**Thôi-miên-thuật**= Cái thuật làm cho người ta như ngủ mê, không còn tự-chũ, chừng ấy muốn biểu gì củng vưng theo hết.

**Thức-tánh**= Cái tánh hiểu biết, phân-biệt.

**Trầm-nịch**= Chìm đắm.

**Trí-huệ**= Khôn-ngoan (**sagesse**), biện-biệt (**discernement**). Trí-huệ tiếng Phạn là "**Prajina**" hay "**Pragna**", ta theo chử Tàu đọc là Bát-nhả. Nhờ cái tri khôn-ngoan biện-biệt ấy mới trừ được lòng vô-minh mê-muội, thấy được cái bổn-tánh chơn-như cái tánh không sanh không diệt, vô-thỉ vô chung) cũa minh. Trí-huệ khác với trí-thức : có trí-thức mà không có tri-huệ thi củng bị vô-minh sai khiến. Trí-huệ nó tương-tợ với "lý-tánh" (**raison**), "ngộ tánh" (**entendement**), và "duệ-trí" (**intelligence**) là mấy danh-từ về triết-học.

**Trì-trục**= Rượt theo, đeo-đuổi.

**Trục-xuất**= Đuổi ra khỏi.

**Truyền-điển**= Tức là Từ-khí-học (**Magnétisme**) ; nguyên của **Mesmer** là một nhà y-sĩ Đức, xướng ra cái thuyết Động-vật từ-khí (**Magnétisme animal**), cho nên mới kêu là **Mesmerisme**. Động-vật từ-khí nghĩa là khí đá nam-châm của loài động-vật. Theo cái học ấy, thì đá nam-châm cũa một người nầy bởi sự "vuốt" (**passes**) mà có thể truyền qua cho một người khác được. Người ta dùng cách ấy để chữa bịnh.

**Truyền-giái**= Truyền cho biết giái-luật để mà vâng giữ.

**Trứ-danh**= Rạng danh, nổi tiếng, danh-tiếng lẫy-lừng.

**Trực tiếp**= Tiếp ngay, không có gì gián-cách, trái

với gián-tiếp. Như làm đệ-tử khi Phật còn hiện-tại gọi là đệ-tử trực-tiếp, còn làm đệ-tử sau khi Phật tịch-diệt, như chúng ta, thì gọi là đệ-tử gián-tiếp.

**Trước-cãnh** = Lòng chấp-trước, đeo dính theo cảnh, không được thong-thã rảnh-rang: Trước cãnh vui mà sanh mầng, trước cảnh khổ mà sanh buồn, v. v.

**Trưởng-lảo** = Người tuổi cao đức trọng.

**U-ba-xắc-ca** = Thiện-nam ; theo chử Tàu ta đọc là Ưu-bà-tắc.

**U-ba-xi-ca** = Tín nử ; theo chử Tàu ta đọc là Ưu-bà-di.

**U ru-huê-la** = Tên xứ; theo chử Tàu ta đọc là Ưu-lầu-tần-la.

**Uyên-thâm** = Sâu-sắc (nghĩa bóng: cao-sâu, mầu-nhiệm)

**Ủy-viên** = Kẻ lảnh xem-xét, sắp-đặt và thi-hành một phần việc gì của một đoàn-thể phó-thác cho : như Phật-Giáo-Hội tuyển ra một số người để chuyên lo về giáo-dục thì gọi là ban ũy-viên giáo-dục ; còn chuyên lo về tuyên-truyền thì gọi là ban ũy-viên tuyên-truyền, v. v.

**Ưu-ái** = Có lòng thương-xót, lo-lắng cho đời.

**Vãng-sanh** = Thần-chú (hay chơn-ngôn để đọc cho dứt hết cội gốc của nghiệp-chướng mà sanh về Tịnh-Độ.

**Văn học** = Đối với triết-học và khoa-học, chỉ văn vần và văn xuôi mà nói, ấy là văn-học theo nghĩa hẹp ; theo nghĩa rộng thì văn-học là gồm cả triết-học, luân-lý-học, chánh-trị-học, v.v

**Viên-mản** = Đầy-đủ, trọn-vẹn.

**Viên-tịch** = Viên-mản lòng từ-bi, dứt hết các vọng-niệm. Đồng nghĩa với tịch-diệt (tức là niết-bàn).

Người tu-hành đắc đạo khi chết kêu là viên-tịch, củng như nói tịch-diệt hay vào Niết-bàn, nghĩa là đầy-đủ cái đức tịch-diệt, không còn tái-sanh nữa.

**Vĩ-đại**= To lớn lạ-lùng.

**Vào niết-bàn**= Người tu-hành đắc-đạo, khi chết gọi là "vào niết-bàn", nghĩa là muốn nói người ấy không còn luân-hồi tái-sanh nữa.

**Vọng-tâm sanh diệt**= Cái lòng vọng-động không chừng, vừa mống ra rồi dứt mất, không phải chơn-thiệt, không phải hằng còn ; như hết yêu đến ghét, hết mầng đến lo, biến đổi không thường. Trái với chơn-tâm.

**Vô-biên**= Đồng nghĩa với "vô hạn".

**Vô-hạn**= Minh-mông, không bờ, mé, ranh, hạn.

**Xa-ri-bút-tờ-ra**= Tên người ; theo chử Tàu ta đọc là Xá-lợi-Phất.

**Xa-vách-ti**= Tức là thành Xá-vệ (ta đọc theo chử Tàu).

**Xu-đát-ta**= Theo chử Tàu ta đọc là Tu-đạt (tên người).

In tại Nhà In Xưa-Nay. Nguyễn-háo-Vĩnh
60/64, Boulevard Bonard, Saigon.

# KÍNH CÃO ĐỘC-GIẢ

*Kinh Phật, sách Phật ngày nay xuất-bản cũng đả nhiều, có thứ cho (lảnh không tiền), có thứ bán (mua có tiền). Trong những kinh, sách Phật bán và cho ấy, có thứ có ích, có thứ vô ích, cũng có thứ chẳng những vô ích mà còn có hại nữa.*

*Làm sao biết đặng sách nào là sách vô ích? Sách nào là sách có hại? — Ta đọc sách sỡ-dĩ muốn rộng thêm tri-thức, hoặc đọc để kiếm cái chơn-lý ở đời, hoặc đọc để tìm con đường thoát khổ, nếu sau khi đọc sách mà không toại được lòng nguyện-vọng yêu-cầu, ấy là sách vô-ích. Sách nào đả chẳng toại được lòng sỡ-nguyện mà còn làm cho ta thêm tối tăm mờ-ám, thêm mê-tín dị-đoan, thêm tốn-hao vô lối, ấy là sách có hại.*

*Sách chúng tôi định xuất-bản, có thứ bán mà củng có thứ cho. Cái giá-trị* **"sách bán"** *thế nào, thì* **"sách cho"** *củng được như thế. Trước hết sách đả xuất bản như quyển P. G. V. Đ. nầy là «* **sách bán** *» thì kế đến «* **sách cho** *»: hoặc quyển «* **Cái Thang Học Phật** *», hoặc «* **Pháp-Cú** *» (Dhammapada), hoặc* **Lăng-nghiêm kinh** *là sách sắp xuất bản, rồi đến «* **sách bán** *» như «* **Phật-giáo vô-thần-luận** *», «* **Phật-Pháp**

**là Phật-Pháp** » (*không phải tôn-giáo cũng không phải triết học*) *v. v.*

*Thường thường* « **sách cho** » *dầu người trong lòng không muốn đọc mà người ta cho thì củng lấy vị bụng, rồi đem cất vào tủ hoặc bỏ bậy, chớ không hề xem đến ; và* « **sách cho** » *phần nhiều là sách nói nhảm nhí hoang-đường nên người thức-giả họ thấy* « **sách cho** » *thì tưởng cũng một thứ thuốc* « **giết linh hồn** » *vậy thôi. Như vậy, mất công tốn của chẳng là vô lý ?*

*Bởi cớ ấy, cho nên những* « **sách cho** » *của chúng tôi chẳng phải gặp ai cũng cho, đụng ai củng phát, mà ai* **muốn đọc** *và biết thưởng thức thì chúng tôi mới dám tặng cho.*

*Nếu các bạn độc-giả xem qua quyển P. G. V. Đ. nầy rồi mà cho là* « **sách có ích** », *thì xin cho biết địa-chỉ (adresse), viết tên họ và chỗ ở cho rỏ ràng, chúng tôi sẽ gởi tặng một quyển* « **sách cho** » *củng có giá-trị như* « **sách bán** » *vậy, và nếu chúng tôi có xuất-bản thứ* « **sách bán** » *thì gởi tới rồi sẻ lấy tiền sau, chớ không phải lấy tiền trước.*

*Nếu đọc sách chúng tôi mà không được hiểu rỏ thì cứ viết thơ cho* **M. Thiện-Chiếu, Pagode de Hưng-Long, Ngã-sáu, Avenue de Vilers Quatrième quartier, Cholon (ville)** (*Xin đính theo con cò năm xu*), *chúng tôi sẵn lòng cắt nghĩa.*

« **Sách cho** » *củng nhiều thứ lắm, và nội kinh*

*Lăng-nghiêm trọn bộ có đến mười quyển rồi, vậy độc-giả ai có sẵn lòng giúp vào việc từ-thiện nầy, cho bao nhiêu thì cứ gởi mandat cho* **M. Nguyễn-văn-Đồng, hòa-thượng chùa Tam-Bảo, làng Vĩnh-thanh-Vân, Rachgiá (là người đã giúp tài-chánh in quyển P. G. V. Đ. nầy),** *hoặc gởi cho* **M. Nguyễn-văn-Thiện, Travaux Publics (Bâtiments Civils) Saigon,** *như là xin cho biết tên họ và chỗ ở đặng in vào sách (tiền người cho bao nhiêu, sách in bao nhiêu), ấy không phải giục lòng háo danh, mà kỳ-thiệt là tỏ lòng trong-sạch cũa chúng tôi vậy.*

*Thiện-Chiếu*

*Kinh-Khải.*

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS R. F.

**In tại Nhà-In Xưa-Nay, Ng.-háo-Vĩnh**
**60-64, Boulevard Bonard — Saigon,**

# SỬA CHỮ ẤN-CÔNG SẮP TRẬT

| TRƯƠNG | HÀNG | CHỮ IN SÁI | SỬA LẠI TRÚNG |
|---|---|---|---|
| I | 7 | *chuột* tội | **chuộc** tội |
| II | 5 | hạng *ngươi* | hạng **người** |
| II | 17 | *yến* sáng | **ɣếng** sáng |
| 5 | 4 | *ihông*-thái | **thông**-thái |
| 10 | 5 | đạo *dức* | đạo-**đức** |
| 12 | 4 | tối-*tâm* | tối **tăm** |
| 12 | 5 | cái *yến* | cái **ɣếng** |
| 12 | 10 | *ráng* hết sức | **rán** hết sức |
| 21 | 19 | *Chân*-na | **Châu**-na |
| 28 | 20 | Tăng-già ; *Luật* | Tăng-già ; **Luận** |
| 67 | 4 | je suis, mois | je suis moi |
| 70 | 24 | thì *soo* | thì **sao** |
| 74 | 19 | *lập* lại | **lặp** lại |
| 76 | 14 | *lẳn*-lặng | **lẳng**-lặng |
| 78 | 19 | Mục-*đính* | Mục-**đích** |
| 81 | 6 | mà *chuột* | mà **chuộc** |
| 81 | 10 | *chuột* tội | **chuộc** tội |
| 90 | 8 | sắc-*lịch* | sắc-**lịnh** |
| 92 | 4 | *Egipte* | **Egypte** |
| 93 | 4 | *Kashnir* | **Kashmir** |
| 96 | 4 | Phật-*giao* | Phật-**giáo** |
| 97 | 22 | *biền*-hiện | **biểu**-hiện |

Nhà-In XUA-NAY
60-64, Bd. Bonard — Saigon

1re EDITION 4/1 FASCICULE
TIRAGE DE 6000 EXEMPLAIRES
EDITEUR Thiêu Chiêu Chôlon
Pagode Hungtons
IMPRIMERIE XUA-NAY SAIGON
SAIGON LE 9 Mai 1932
LE DIRECTEUR